BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3227 /QĐ-BGDĐT	*Hà Nội, ngày05 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Tài liệu hướng dẫn hoạt động giáo dục kĩ năng cho học sinh phổ thông cấp tiểu học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2041/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ Học sinh, sinh viên thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2936/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn hoạt động giáo dục kỹ năng cho học sinh, sinh viên trong và ngoài nhà trường;

Căn cứ Kế hoạch số 240/KH-BGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác giáo dục kỹ năng cho học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Ban biên soạn tài liệu hướng dẫn hoạt động giáo dục kỹ năng cho học sinh phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Thành lập Hội đồng thẩm định tài liệu hướng dẫn hoạt động giáo dục kỹ năng cho học sinh phổ thông cấp tiểu học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định tài liệu ngày 9 tháng 10 năm 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu hướng dẫn hoạt động giáo dục kĩ năng cho học sinh phổ thông cấp tiểu học *(Tài liệu kèm theo).*

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Sở GDĐT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ HSSV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Quyên Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC

Hà Nội, năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC

Nhóm tác giả:

TS. Nguyễn Xuân An Việt

ThS. Bùi Ngọc Diệp

PGS. TS Ngô Vũ Thu Hằng

ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo

TS. Phạm Văn Hoằng

Hà Nội, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục kĩ năng là một bộ phận của giáo dục toàn diện, giúp học sinh vận dụng điều đã học vào cuộc sống, hình thành thói quen tích cực và biết ứng xử phù hợp với bản thân, người khác và môi trường xung quanh. Ở cấp tiểu học, khi những nền tảng đầu tiên về học tập và nhân cách được hình thành, học sinh cần được thực hành chăm sóc bản thân, nhận biết và điều chỉnh cảm xúc, giao tiếp, hợp tác, tự bảo vệ và tìm kiếm sự trợ giúp khi cần thiết. Việc giáo dục kĩ năng cần gần gũi với trải nghiệm hằng ngày, phù hợp với độ tuổi và được thực hiện trong môi trường an toàn, tôn trọng sự khác biệt.

Thực hiện định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, Ban Biên soạn xây dựng Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng cho học sinh cấp tiểu học. Tài liệu nhằm hỗ trợ cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên hỗ trợ giáo dục trong việc lựa chọn nội dung, thiết kế, tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động giáo dục kĩ năng, bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, nhu cầu phát triển của học sinh và điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương.

Tài liệu gồm phần mở đầu và năm phần: những vấn đề chung; sáu nhóm kĩ năng cần giáo dục cho học sinh tiểu học; phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động; kế hoạch hoạt động minh họa; đánh giá sự tiến bộ của học sinh và các điều kiện thực hiện. Cùng với những kĩ năng trong đời sống trực tiếp, tài liệu quan tâm đến an toàn trên môi trường số và bước đầu làm quen với trí tuệ nhân tạo theo cách phù hợp lứa tuổi, có sự hướng dẫn của người lớn.

Khi sử dụng tài liệu, cơ sở giáo dục cần lựa chọn và điều chỉnh hoạt động linh hoạt; tạo cơ hội để mọi học sinh được tham gia, thực hành, bày tỏ ý kiến và tiến bộ theo khả năng của mình. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng liên quan giúp những kĩ năng đã học được củng cố trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày. Các hoạt động về môi trường số có thể tổ chức bằng tình huống, tranh ảnh hoặc học liệu phù hợp, bảo đảm học sinh được tham gia ngay cả khi không có thiết bị cá nhân.

Ban Biên soạn trân trọng cảm ơn các chuyên gia, cán bộ quản lí và giảng viên đã tham gia xây dựng tài liệu; mong tiếp tục nhận được ý kiến góp ý của các cơ sở giáo dục và những người sử dụng để tài liệu ngày càng hoàn thiện, thiết thực, hiệu quả. Ý kiến góp ý xin gửi về Vụ Học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU 1

1. Bối cảnh xây dựng tài liệu 1

2. Căn cứ chính xây dựng tài liệu 1

3. Mục đích của tài liệu 2

4. Đối tượng sử dụng tài liệu 2

5. Quan điểm xây dựng tài liệu 3

6. Cấu trúc tài liệu 3

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 5

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 5

1.1. Khái niệm kĩ năng và giáo dục kĩ năng 5

1.2. Vai trò của giáo dục kĩ năng ở cấp tiểu học 6

1.3. Đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học liên quan đến giáo dục kĩ năng 8

1.4. Các nhóm kĩ năng cần hình thành cho học sinh tiểu học 13

1.5. Mối quan hệ giữa các nhóm kĩ năng 18

2. NGUYÊN TẮC VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG 19

2.1. Các nguyên tắc giáo dục kĩ năng cho học sinh tiểu học 19

2.2. Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng cho học sinh 20

2.2.1. Tổ chức giáo dục kĩ năng theo hướng trải nghiệm 20

2.2.2. Cách thức tổ chức giáo dục, rèn luyện kĩ năng cho học sinh Tiểu học 21

2.2.3. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng 26

2.2.4. Xây dựng môi trường giáo dục tích cực hỗ trợ hình thành kĩ năng 27

3. VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ QUẢN LÍ, GIÁO VIÊN VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 28

3.1. Vai trò của cán bộ quản lí 28

3.2. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm 29

3.3. Vai trò của giáo viên bộ môn và Tổng phụ trách Đội 30

3.4. Vai trò của cha mẹ học sinh 30

PHẦN II: NỘI DUNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC -- 33

1. TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI CÁC NHÓM KĨ NĂNG 33
1.1. Theo chức năng và mục đích của kĩ năng 33
1.2. Theo đối tượng hoặc hướng tác động chính của kĩ năng 34
1.3. Theo bối cảnh thực hành chủ yếu 34
1.4. Theo dạng hành động hoặc biểu hiện chủ yếu của học sinh 35
1.5. Theo mức độ tương đồng và khả năng phân biệt giữa các nhóm 36
2. CÁC NHÓM KĨ NĂNG CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 37
2.1. Giáo dục kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân 37
2.1.1. Kĩ năng vệ sinh cá nhân 37
2.1.2. Kĩ năng sắp xếp đồ dùng học tập và đồ dùng cá nhân 37
2.1.3. Kĩ năng tự phục vụ trong sinh hoạt hằng ngày 38
2.1.4. Kĩ năng quản lí thời gian 39
2.1.5. Kĩ năng hình thành thói quen tích cực 39
2.2. Giáo dục kĩ năng giao tiếp và hợp tác 40
2.2.1. Kĩ năng giao tiếp cơ bản 40
2.2.2. Kĩ năng hợp tác nhóm 41
2.2.3. Kĩ năng chia sẻ và hỗ trợ bạn bè 41
2.2.4. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn đơn giản 42
2.3. Giáo dục kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc 43
2.3.1. Kĩ năng tự nhận thức 43
2.3.2. Kĩ năng nhận diện và kiểm soát cảm xúc của bản thân 43
2.3.3. Kĩ năng xây dựng sự tự tin 45
2.3.4. Kĩ năng ứng phó với căng thẳng phù hợp lứa tuổi 45
2.4. Giáo dục kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn 46
2.4.1. Kĩ năng phòng, chống xâm hại trẻ em 46
2.4.2. Kĩ năng từ chối 47
2.4.3. Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ 48
2.4.4. Kĩ năng tham gia giao thông an toàn 49
2.4.5. Kĩ năng phòng tránh tai nạn thương tích 50
2.4.6. Kĩ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm 50
2.4.7. Kĩ năng phòng, chống bạo lực học đường 51
2.5. Giáo dục kĩ năng tham gia môi trường số an toàn 52

2.5.1. Kĩ năng sử dụng thiết bị số phù hợp 52
2.5.2. Kĩ năng bảo vệ thông tin cá nhân 53
2.5.3. Kĩ năng nhận diện và ứng phó với nguy cơ trên không gian mạng 53
2.5.4. Kĩ năng ứng xử văn minh trên môi trường số 54
2.5.5. Kĩ năng tìm kiếm, kiểm chứng và tạo nội dung số đơn giản 55
2.5.6. Kĩ năng nhận biết và sử dụng AI có hướng dẫn, có trách nhiệm 55
2.6. Giáo dục kĩ năng tư duy và ra quyết định 56
2.6.1. Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề 56
2.6.2. Kĩ năng tư duy phản biện 57
PHẦN III: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC 58
1. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG 58
1.1. Trò chơi giáo dục 58
1.2. Đóng vai 59
1.3. Kể chuyện 59
1.4. Bài tập xử lí tình huống 60
1.5. Thảo luận nhóm 60
1.6. Kịch tham gia 61
1.7. Tranh biện 62
1.8. Dạy học theo dự án 62
1.9. Xem video và thảo luận 63
1.10. Tổ chức cuộc thi, hội thi 64
1.11. Tham quan, dã ngoại 65
2. GỢI Ý THIẾT KẾ KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG 65
2.1. Xác định yêu cầu cần đạt 65
2.1.1. Công thức viết yêu cầu cần đạt (theo 3 thành tố: Phẩm chất - Năng lực - Hành vi) ... 66
2.1.2. Các bước viết yêu cầu cần đạt 66
2.1.3. Một số lỗi cần tránh khi viết yêu cầu cần đạt 67
2.2. Lựa chọn nội dung 67
2.2.1. Tiêu chí khi lựa chọn nội dung giáo dục kĩ năng 68
2.2.2. Các bước lựa chọn và chắt lọc nội dung 68
2.2.3. Một số lỗi cần tránh khi lựa chọn nội dung 70

2.3. Thiết kế hoạt động 70
3. GỢI Ý MỘT SỐ KĨ NĂNG ĐƯỢC TÍCH HỢP TRONG YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MỘT SỐ MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC 73
PHẦN IV: GỢI Ý MỘT SỐ KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 96
KĨ NĂNG SẮP XẾP ĐỒ DÙNG HỌC TẬP VÀ ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN 96
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 96
II. CHUẨN BỊ 96
III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG 97
IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU HÀNH ĐỘNG 99
V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ) 99
KĨ NĂNG QUẢN LÍ THỜI GIAN 99
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 100
II. CHUẨN BỊ 101
III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG 101
IV. PHỤ LỤC: MẪU THỜI KHÓA BIỂU 103
V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ) 103
KĨ NĂNG HỢP TÁC NHÓM 104
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 104
II. CHUẨN BỊ 105
III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG 105
IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHÓM 108
V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ) 108
KĨ NĂNG XÂY DỰNG SỰ TỰ TIN 109
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 109
II. CHUẨN BỊ 110
III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG 110
IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU HÀNH ĐỘNG 113
V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ) 113
KĨ NĂNG TỪ CHỐI 114
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 114
II. CHUẨN BỊ 114
III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG (4 TIẾT) 115

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ) 120
KĨ NĂNG PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI 121
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 121
II. CHUẨN BỊ 121
III. GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG 122
KĨ NĂNG THAM GIA MÔI TRƯỜNG SỐ AN TOÀN 132
KĨ NĂNG SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ PHÙ HỢP 132
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 132
II. CHUẨN BỊ 133
III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG 133
IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU HÀNH ĐỘNG 135
KĨ NĂNG RA QUYẾT ĐỊNH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ 137
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 137
II. CHUẨN BỊ 137
III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG 138
V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ) 144
PHẦN V ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN 145
1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC KĨ NĂNG 145
1.3. Nội dung, phương pháp và công cụ đánh giá 146
1.4. Công cụ theo dõi sự tiến bộ của học sinh 149
2. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN 152
HỆ THỐNG PHỤ LỤC: PHIẾU KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG ĐỐI VỚI LỨA TUỔI HỌC SINH TIỂU HỌC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	GV	Giáo viên
4	HS	Học sinh
5	KN	Kĩ năng
6	GDKN	Giáo dục kĩ năng
7	KNS	Kĩ năng sống
8	AI	Trí tuệ nhân tạo

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Bối cảnh xây dựng tài liệu

Giáo dục tiểu học hiện nay đang đứng trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, chuyển trọng tâm từ việc truyền thụ kiến thức sang hình thành và phát triển các giá trị, năng lực hành động thực tiễn cho người học.

Trong tiến trình đó, giáo dục kĩ năng đóng vai trò cốt lõi, là nền tảng quan trọng giúp học sinh tiểu học phát triển toàn diện cả về nhân cách, thể chất lẫn tư duy.

Tuy nhiên, thực tiễn giáo dục kĩ năng cho học sinh tiểu học hiện nay đang đặt ra nhiều yêu cầu mới trong bối cảnh môi trường số phát triển nhanh chóng, áp lực học tập và những biến đổi ngày càng phức tạp của đời sống xã hội. Những yếu tố này đòi hỏi học sinh cần được trang bị các kiến thức, kĩ năng thiết yếu để nhận diện nguy cơ, chủ động tự bảo vệ bản thân, ứng xử phù hợp và thích ứng linh hoạt với các tình huống trong học tập và cuộc sống.

Chính vì vậy, việc tăng cường vai trò phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trở thành một yêu cầu cấp thiết, tạo nên một môi trường giáo dục an toàn nhằm hỗ trợ tối đa cho quá trình hình thành, rèn luyện kĩ năng sống bền vững cho các em.

2. Căn cứ chính xây dựng tài liệu

Tài liệu được xây dựng trên cơ sở định hướng tại Quyết định số 2936/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành hướng dẫn hoạt động giáo dục kĩ năng cho học sinh, sinh viên trong và ngoài nhà trường và Kế hoạch số 240/KH-BGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai công tác giáo dục kĩ năng cho học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục năm 2026. Theo đó, hoạt động giáo dục kĩ năng được định hướng nhằm góp phần phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực của học sinh; trang bị những kĩ năng thiết yếu để học sinh chủ động trong học tập, sinh hoạt, tự bảo vệ bản thân và ứng phó phù hợp với các tình huống trong cuộc sống. Việc lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng cần bảo đảm tính khoa học, thiết thực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, nhu cầu của học sinh và điều kiện thực

tiễn của cơ sở giáo dục; đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tài liệu được xây dựng trên cơ sở bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt là nội dung giáo dục và yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục có ưu thế trong giáo dục kĩ năng ở cấp tiểu học như: Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Tin học và Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm. Đây là căn cứ để lựa chọn, hệ thống hóa và cụ thể hóa các nội dung giáo dục kĩ năng, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực, đặc điểm tâm sinh lí của học sinh từng khối lớp và điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục. Trên cơ sở đó, tài liệu định hướng cán bộ quản lí, giáo viên trong việc lựa chọn nội dung, thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng theo hướng tăng cường thực hành, trải nghiệm, tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các tình huống trong học tập, sinh hoạt và đời sống hằng ngày.

3. Mục đích của tài liệu

Tài liệu được biên soạn nhằm hỗ trợ cán bộ quản lí, giáo viên tiểu học trong việc lựa chọn nội dung, vận dụng phương pháp, thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, nhu cầu của học sinh và điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục. Thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm, tài liệu góp phần hình thành, phát triển những kĩ năng thiết yếu, giúp học sinh biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống trong học tập, sinh hoạt và cuộc sống hằng ngày. Qua đó, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, đồng thời xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, tích cực và hạnh phúc.

4. Đối tượng sử dụng tài liệu

Tài liệu được biên soạn dành cho cán bộ quản lí, giáo viên, giáo viên làm Tổng phụ trách Đội và nhân viên hỗ trợ giáo dục tại các cơ sở giáo dục tiểu học. Trong đó, tài liệu hỗ trợ cán bộ quản lí chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục kĩ năng một cách thống nhất, đồng bộ trong nhà trường; hỗ trợ giáo viên lựa chọn nội dung, vận dụng phương pháp, thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Đồng thời, tài liệu hỗ trợ giáo viên làm Tổng phụ trách Đội lồng ghép giáo dục kĩ năng

trong các hoạt động Đội, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ và các hoạt động giáo dục phù hợp; hỗ trợ nhân viên hỗ trợ giáo dục phối hợp với giáo viên, gia đình và các lực lượng liên quan trong việc chăm sóc, hỗ trợ học sinh, đặc biệt là học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc thù, tạo điều kiện để các em tham gia, thực hành và rèn luyện những kĩ năng thiết yếu trong môi trường giáo dục an toàn, hòa nhập.

5. Quan điểm xây dựng tài liệu

Tài liệu được xây dựng theo quan điểm lấy học sinh làm trung tâm, phát huy vai trò chủ động, tích cực của học sinh trong quá trình giáo dục kĩ năng. Nội dung và hoạt động giáo dục được thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu, khả năng của học sinh tiểu học; giáo viên giữ vai trò định hướng, tổ chức, hỗ trợ và tạo điều kiện để học sinh tham gia, khám phá, thực hành và phát triển năng lực cá nhân.

Tài liệu chú trọng giáo dục thông qua trải nghiệm, thực hành và vận dụng vào thực tiễn. Các phương pháp như trò chơi, kể chuyện, đóng vai, thảo luận nhóm và xử lí tình huống được lựa chọn linh hoạt, phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm lứa tuổi. Qua đó, học sinh được khuyến khích bày tỏ ý kiến, hợp tác, giải quyết vấn đề, từng bước hình thành kĩ năng, hành vi và thói quen tích cực.

Nội dung giáo dục gắn với những tình huống gần gũi trong học tập, sinh hoạt tại gia đình, nhà trường và cộng đồng, giúp học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để tự bảo vệ bản thân, ứng xử phù hợp và thích ứng với các tình huống trong cuộc sống.

Tài liệu bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Giáo viên có thể chủ động lựa chọn, điều chỉnh nội dung, phương pháp, thời lượng, học liệu và hình thức tổ chức hoạt động nhưng phải bảo đảm mục tiêu, yêu cầu giáo dục, tính an toàn, phù hợp với khả năng của học sinh và tạo cơ hội tham gia bình đẳng cho mọi học sinh.

6. Cấu trúc tài liệu

Tài liệu gồm phần Mở đầu, năm phần nội dung chính và Danh mục tài liệu tham khảo, được bố cục như sau:

Phần Mở đầu: Giới thiệu bối cảnh xây dựng, mục đích, đối tượng sử dụng, quan điểm biên soạn và cấu trúc của tài liệu.

Phần I. Những vấn đề chung về giáo dục kĩ năng cho học sinh tiểu học: Trình bày các khái niệm cơ bản, vai trò của giáo dục kĩ năng, đặc điểm tâm sinh lí học sinh tiểu học, các nhóm kĩ năng cần hình thành và phát triển; nguyên tắc, định hướng tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng và vai trò của cán bộ quản lí, giáo viên cùng các lực lượng liên quan.

Phần II. Nội dung giáo dục kĩ năng cho học sinh tiểu học: Trình bày sáu nhóm nội dung giáo dục kĩ năng, gồm: (1) Tự phục vụ và quản lí bản thân; (2) Giao tiếp và hợp tác; (3) Nhận thức và kiểm soát cảm xúc; (4) Tự bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn; (5) Tham gia môi trường số an toàn; (6) Tư duy và ra quyết định.

Phần III. Phương pháp, hình thức và hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng: Giới thiệu 11 phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng; hướng dẫn xây dựng kế hoạch thông qua việc xác định yêu cầu cần đạt, lựa chọn nội dung, thiết kế và tổ chức hoạt động; đồng thời gợi ý tích hợp giáo dục kĩ năng trong một số môn học ở cấp tiểu học trên cơ sở yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Phần IV. Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng minh họa: Giới thiệu các kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng theo khối lớp và chủ đề, làm cơ sở để giáo viên tham khảo, vận dụng và điều chỉnh phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục.

Phần V. Đánh giá kết quả và điều kiện bảo đảm thực hiện: Hướng dẫn đánh giá kết quả giáo dục kĩ năng theo hướng chú trọng quá trình rèn luyện, mức độ vận dụng và sự tiến bộ của học sinh; đồng thời xác định các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục kĩ năng.

PHẦN I
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1.1. Khái niệm kĩ năng và giáo dục kĩ năng

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, mục tiêu của nhà trường không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức mà còn hướng tới hình thành cho HS khả năng vận dụng những điều đã học vào thực tiễn. Vì vậy, giáo dục kĩ năng trở thành một thành tố quan trọng của giáo dục toàn diện, góp phần giúp HS học tập hiệu quả, thích ứng với cuộc sống và phát triển bền vững. Quan điểm này cũng phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trong đó việc hình thành và phát triển năng lực được xác định là một trong những mục tiêu cốt lõi của giáo dục phổ thông.

Kĩ năng là khả năng thực hiện một hành động hoặc nhiệm vụ cụ thể trên cơ sở những điều đã học và được rèn luyện, đáp ứng yêu cầu trong điều kiện xác định. Năng lực thể hiện ở khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác để thực hiện thành công hoạt động trong những điều kiện cụ thể. Kĩ năng, do đó, là một thành tố của năng lực; hai thuật ngữ có liên hệ nhưng không đồng nghĩa.

Một học sinh được xem là có kĩ năng khi biết lựa chọn hành động đúng đắn và thực hiện hành động đó một cách phù hợp. Kĩ năng không mang tính bẩm sinh mà chỉ được hình thành, củng cố và thuần thục thông qua quá trình học tập trải nghiệm, thực hành lặp lại và phản tư trong các bối cảnh gần gũi (ở lớp, trường học, gia đình và cộng đồng). Đối với lứa tuổi tiểu học, mục tiêu cuối cùng của việc rèn luyện kĩ năng là chuyển dịch từ các thao tác có hướng dẫn từng bước sang các hành vi tự giác, định hình thành nếp sống văn minh và thói quen bền vững trong cuộc sống hằng ngày.

Giáo dục kĩ năng, được hiểu theo nghĩa rộng, là quá trình sư phạm có mục đích nhằm trang bị, rèn luyện và phát triển khả năng vận dụng tri thức, thái độ và giá trị vào thực tiễn học tập, sinh hoạt, tương tác xã hội và thích ứng môi trường sống. Nội hàm của giáo dục kĩ năng bao quát từ các kĩ năng thao tác cụ thể (tự phục vụ, vệ sinh cá nhân, ứng dụng công nghệ), kĩ năng nhận thức và hành động, cho đến các kĩ năng tâm lý - xã hội phức hợp. Tiêu chí lựa chọn kĩ năng trong tài liệu dựa trên tính thiết thực, tính vừa sức theo tâm sinh lí lứa tuổi tiểu học và tính tương thích trực tiếp với các yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Giáo dục kĩ năng là một bộ phận quan trọng của giáo dục toàn diện, góp phần giúp HS không chỉ biết điều đúng mà còn biết thực hiện điều đúng trong học tập và cuộc sống. Đây cũng là nền tảng để hình thành các phẩm chất, năng lực cốt lõi và

chuẩn bị cho HS khả năng học tập suốt đời, thích ứng với những yêu cầu của xã hội hiện đại.

1.2. Vai trò của giáo dục kĩ năng ở cấp tiểu học

1.2.1. Giáo dục kĩ năng là nền tảng để phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định mục tiêu của giáo dục phổ thông là phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học, trong đó HS không chỉ "biết" mà còn phải "làm được" và "vận dụng được" những điều đã học vào thực tiễn. Quan điểm này đánh dấu sự chuyển đổi từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển năng lực, đòi hỏi quá trình giáo dục phải tạo cơ hội để HS trải nghiệm, thực hành và hình thành các hành vi tích cực. Trong bối cảnh đó, giáo dục kĩ năng trở thành một phương thức quan trọng giúp hiện thực hóa mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của chương trình giáo dục phổ thông.

Kĩ năng là cầu nối giữa tri thức và hành động. Một HS có thể hiểu quy tắc ứng xử, biết cách phòng tránh nguy hiểm hoặc nắm được quy trình giải quyết vấn đề nhưng chỉ khi biết vận dụng những hiểu biết đó trong các tình huống cụ thể thì việc học mới thực sự có ý nghĩa. Chính vì vậy, giáo dục kĩ năng giúp HS chuyển hóa kiến thức thành năng lực hành động thông qua các hoạt động trải nghiệm, hợp tác, giải quyết tình huống và tự đánh giá. Quá trình này đồng thời góp phần hình thành các phẩm chất chủ yếu như nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm thông qua những hành vi cụ thể trong học tập và đời sống.

Ở cấp tiểu học, sự hình thành các phẩm chất và năng lực diễn ra đồng thời với quá trình hình thành những kĩ năng nền tảng. Khi HS biết tự phục vụ bản thân, biết hợp tác với bạn bè, biết tự điều chỉnh cảm xúc hay biết chịu trách nhiệm về việc làm của mình, các em không chỉ phát triển một kĩ năng riêng lẻ mà còn đang từng bước hình thành năng lực tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cũng như những phẩm chất tích cực của người học. Vì vậy, giáo dục kĩ năng cần được xem là một thành tố xuyên suốt trong mọi hoạt động giáo dục của nhà trường tiểu học.

1.2.2. Giáo dục kĩ năng góp phần hình thành nhân cách và những thói quen tích cực ngay từ lứa tuổi tiểu học

Theo lí thuyết các giai đoạn phát triển tâm lí của Erikson (1968), lứa tuổi tiểu học (từ 6 đến 12 tuổi) là giai đoạn trọng yếu để định hình cảm giác về năng lực cá nhân thông qua trải nghiệm thành công trong các hoạt động có mục đích. Khi nỗ lực được khuyến khích và hướng dẫn kịp thời, trẻ sẽ phát triển lòng tự tin, ý thức trách nhiệm và sự kiên trì; ngược lại, sự thất bại kéo dài hoặc thiếu định hướng hành vi dễ khiến trẻ hình thành tâm lí tự ti. Đồng thời, các công trình của Piaget (1965) về sự phát triển đạo đức cũng chỉ ra rằng giai đoạn này trẻ bắt đầu chuyển dịch từ việc tuân thủ quy tắc áp đặt sang nhận thức ý nghĩa của sự hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Vì vậy, giáo dục kĩ năng ở tiểu học giữ vai trò nền tảng trong việc chuyển hóa những tri thức

đạo đức thành thói quen nếp sống hằng ngày. Báo cáo của UNESCO (1996) cũng nhấn mạnh bốn trụ cột của giáo dục, trong đó đặc biệt lưu ý "học để làm người" (learning to be) và "học để cùng chung sống" (learning to live together). Đây chính là căn cứ khoa học khẳng định giáo dục kĩ năng không thể tách rời việc nuôi dưỡng nhân cách và thiết lập các mối quan hệ xã hội lành mạnh cho HS tiểu học.

1.2.3. Giáo dục kĩ năng giúp học sinh thích ứng với những yêu cầu của cuộc sống và xã hội hiện đại

Sự phát triển của công nghệ số và AI mở thêm cơ hội học tập, đồng thời đặt ra yêu cầu mới về chọn lọc thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và không phụ thuộc vào câu trả lời tự động. HS tiểu học cũng có thể gặp nguy cơ tai nạn thương tích, bạo lực học đường, xâm hại, áp lực tâm lí hoặc sử dụng thiết bị thiếu cân đối. Vì vậy, giáo dục kĩ năng cần kết hợp ứng phó với nguy cơ trong đời sống và trên môi trường số, dưới sự hướng dẫn phù hợp của người lớn.

Kĩ năng sống giúp cá nhân ứng phó hiệu quả với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hằng ngày. Do đó, giáo dục kĩ năng không chỉ hướng tới việc giải quyết các vấn đề trước mắt mà còn giúp HS xây dựng khả năng thích ứng trong những hoàn cảnh mới. Các kĩ năng chuyển đổi như giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và tự quản lí là những năng lực thiết yếu để trẻ em học tập suốt đời, tham gia tích cực vào xã hội và thích ứng với thế kỉ XXI.

Đối với HS tiểu học, việc hình thành các kĩ năng này từ sớm sẽ giúp các em tự tin hơn trong học tập, biết xử lí các tình huống phù hợp với lứa tuổi và từng bước hình thành năng lực thích ứng với những thay đổi của môi trường sống. Đây cũng là tiền đề để các em tiếp tục phát triển ở các cấp học tiếp theo và trở thành những công dân có trách nhiệm trong tương lai.

1.2.4. Giáo dục kĩ năng góp phần nâng cao chất lượng học tập và hiệu quả giáo dục toàn diện

Kết quả học tập của HS không chỉ phụ thuộc vào khả năng nhận thức mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các năng lực xã hội và cảm xúc. Những HS biết đặt mục tiêu, biết tự quản lí việc học, biết hợp tác với bạn bè và biết điều chỉnh cảm xúc khi gặp khó khăn thường có động cơ học tập tích cực hơn và đạt kết quả học tập tốt hơn. Vì vậy, giáo dục kĩ năng không phải là nội dung bổ sung bên ngoài chương trình mà là điều kiện hỗ trợ để hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao hơn.

Ở cấp tiểu học, những kĩ năng như tự học, quản lí thời gian, hợp tác nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề được hình thành thông qua các hoạt động học tập hằng ngày sẽ giúp HS nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức ở tất cả các môn học. Đồng thời, việc kết hợp giữa giáo dục kiến thức, phẩm chất và kĩ năng cũng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện mà Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 hướng tới.

1.2.5. Giáo dục kĩ năng góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, hạnh phúc và thúc đẩy sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng

Giáo dục kĩ năng không chỉ hướng tới sự phát triển của từng HS mà còn tạo ra những tác động tích cực đối với môi trường giáo dục. Khi HS biết giao tiếp có văn hóa, biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, hợp tác với bạn bè và giải quyết mâu thuẫn bằng các phương thức tích cực, bầu không khí lớp học sẽ trở nên thân thiện, cởi mở và an toàn hơn. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng văn hóa nhà trường tích cực và phát triển mô hình trường học hạnh phúc.

Bên cạnh đó, việc hình thành kĩ năng không thể chỉ diễn ra trong phạm vi lớp học mà cần được củng cố thông qua sự thống nhất giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Những hành vi tích cực được GV hướng dẫn sẽ chỉ trở thành thói quen khi được cha mẹ khuyến khích thực hiện trong cuộc sống hằng ngày và được cộng đồng tạo điều kiện để trải nghiệm. UNESCO (2015) khẳng định giáo dục vì sự phát triển bền vững cần huy động sự tham gia của nhiều lực lượng giáo dục nhằm tạo nên một môi trường học tập thống nhất, trong đó nhà trường giữ vai trò định hướng, gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và cộng đồng là không gian để người học vận dụng những điều đã học.

Đối với giáo dục tiểu học ở Việt Nam, yêu cầu tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội cũng được nhấn mạnh trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Điều này cho thấy giáo dục kĩ năng chỉ có thể đạt hiệu quả lâu dài khi được triển khai đồng bộ trong nhiều môi trường giáo dục khác nhau. Vì vậy, xây dựng sự gắn kết giữa các lực lượng giáo dục cần được xem là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển kĩ năng cho HS tiểu học một cách bền vững.

1.3. Đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học liên quan đến giáo dục kĩ năng

Lứa tuổi tiểu học là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng từ hoạt động vui chơi ở lứa tuổi mầm non sang hoạt động học tập có mục đích và có tổ chức. Đây cũng là thời kỳ đặt nền móng cho sự phát triển nhân cách, hình thành những phẩm chất và năng lực ban đầu của con người. Vì vậy, việc giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học cần được xây dựng trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về đặc điểm phát triển tâm sinh lý của các em, từ đó lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp.

Trong phạm vi cấp tiểu học, các đặc điểm phát triển cần được xem xét theo sự chuyển biến giữa nhóm lớp 1-3 và nhóm lớp 4-5. Việc phân chia này nhằm hỗ trợ lựa chọn yêu cầu, nội dung và cách tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng, không phải sự phân loại cứng về trình độ phát triển. HS cùng lớp có thể khác nhau về kinh nghiệm, khả năng ngôn ngữ, mức tự chủ và nhu cầu hỗ trợ. Lớp 3 cần được xem xét linh hoạt: ở một số kĩ năng, HS đã có thể thực hiện nhiệm vụ tương đối độc lập; ở những kĩ năng khác, các em vẫn cần làm mẫu và hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, GV cần kết hợp đặc điểm chung của nhóm lớp với thông tin thu được qua quan sát từng HS để xác định yêu cầu vừa sức và có khả năng phát triển.

1.3.1. Sự hình thành nền tảng nhân cách và hành vi

Học sinh tiểu học là lứa tuổi có nhu cầu được làm, được ghi nhận những nỗ lực và khẳng định năng lực của bản thân. Khi thường xuyên trải nghiệm thành công, trẻ hình thành sự tự tin và tinh thần trách nhiệm; ngược lại, nếu liên tục thất bại hoặc bị đánh giá tiêu cực, trẻ dễ xuất hiện cảm giác tự ti và nghi ngờ khả năng của mình. Đặc điểm này cho thấy giáo dục kĩ năng ở tiểu học cần tạo nhiều cơ hội để HS được thực hành, được trải nghiệm thành công và được ghi nhận sự tiến bộ của bản thân. Việc đánh giá nên chú trọng quá trình hơn là chỉ tập trung vào kết quả cuối cùng; khuyến khích HS mạnh dạn thử nghiệm, biết tự đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động. Đây cũng là cơ sở để GV lựa chọn các phương pháp như trò chơi, đóng vai, học tập theo nhóm, dự án nhỏ hoặc xử lí tình huống nhằm tăng cường sự tham gia tích cực của HS.

Ở nhóm lớp 1-3, nhất là trong những năm đầu đến trường, HS đang làm quen với vai trò người học, các quy tắc sinh hoạt và trách nhiệm trong tập thể lớp. Việc hình thành hành vi cần được hỗ trợ bằng yêu cầu rõ ràng, mẫu hành động cụ thể và phản hồi kịp thời. GV nên giúp HS nhận ra mối liên hệ giữa việc mình làm với kết quả gần gũi, chẳng hạn cất đồ dùng đúng chỗ giúp tìm kiếm thuận tiện, chờ đến lượt giúp hoạt động chung diễn ra trật tự. Không nên chỉ yêu cầu HS tuân thủ mà thiếu giải thích và cơ hội thực hành.

Ở nhóm lớp 4-5, có thể tăng cơ hội để HS giải thích lí do thực hiện quy tắc, xem xét tác động của hành vi đối với người khác và tự nhận xét việc hoàn thành trách nhiệm. Sự phát triển của hiểu biết về bản thân và khả năng tự điều chỉnh tạo điều kiện để các em tham gia xác định mục tiêu, theo dõi hành động và điều chỉnh cách làm. Tuy nhiên, mức độ phát triển không đồng đều và chịu ảnh hưởng của môi trường, kinh nghiệm cũng như sự hỗ trợ mà HS nhận được.

Theo đó, ở lớp 1-3, hoạt động nên tập trung vào những trách nhiệm cụ thể, có phạm vi rõ và được thực hiện lặp lại. Ở lớp 4-5, có thể giao nhiệm vụ gồm nhiều bước, cho HS tham gia xây dựng quy tắc, phân công công việc và giải thích kết quả thực hiện. Việc đánh giá cần ghi nhận hành động và tiến bộ cụ thể; không suy luận phẩm chất của HS từ một lần quên việc hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ.

1.3.2. Đặc điểm nhận thức học sinh và vai trò của trải nghiệm cụ thể

Căn cứ lí thuyết phát triển nhận thức của Jean Piaget, trẻ em lứa tuổi tiểu học (khoảng 7-11 tuổi) chủ yếu tư duy ở giai đoạn thao tác cụ thể. Khả năng suy luận trừu tượng và khái quát hóa của HS ở lứa tuổi này vẫn đang trong quá trình định hình. Các em có thể nắm bắt bản chất vấn đề khi được thao tác trực tiếp trên đồ vật thật, giải quyết tình huống mô phỏng hoặc tham gia các hoạt động đóng vai, dự án. Do đó, giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học cần tuân thủ nguyên tắc "học qua làm" và phản tư kinh nghiệm thực tiễn.

Sự phát triển nhận thức trong những năm tiểu học thể hiện không chỉ ở lượng kiến thức tích lũy mà còn ở khả năng lập kế hoạch, sử dụng thông tin, theo dõi tiến trình và phối hợp các bước để hoàn thành nhiệm vụ. Những khả năng này có xu hướng phát triển theo tuổi và kinh nghiệm, nhưng không xuất hiện đồng thời hoặc ở cùng mức độ trong mọi lĩnh vực.

Với nhóm lớp 1-3, GV nên ưu tiên tình huống quen thuộc, yêu cầu ngắn gọn và số bước vừa sức. Vật thật, tranh, thao tác mẫu và câu hỏi gợi ý giúp HS xác định điều cần làm và trình tự thực hiện. Sau thực hành, HS cần được hướng dẫn nói lại cách làm hoặc chỉ ra bước còn khó, thay vì chỉ lặp lại hành động mà chưa nhận ra ý nghĩa.

Với nhóm lớp 4-5, có thể tăng dần yêu cầu so sánh phương án, giải thích lựa chọn, dự đoán hệ quả và tự kiểm tra kết quả. Trải nghiệm cụ thể vẫn cần thiết, nhưng nên kết hợp với sơ đồ, bảng kiểm, trao đổi và nhận xét sau hoạt động. Chẳng hạn, khi rèn kĩ năng ra quyết định, nhóm lớp 1-3 có thể lựa chọn giữa các cách xử lí gần gũi và nêu lí do đơn giản; nhóm lớp 4-5 có thể xem xét thêm lợi ích, nguy cơ và ảnh hưởng đối với người liên quan. Đây là định hướng thiết kế cần điều chỉnh theo khả năng thực tế, không phải chuẩn bắt buộc áp dụng đồng loạt.

1.3.3. Đặc điểm cảm xúc và khả năng tự điều chỉnh

So với lứa tuổi mầm non, HS tiểu học đã có sự phát triển đáng kể về nhận thức cảm xúc và bắt đầu biết quan tâm đến cảm xúc của người khác. Tuy nhiên, khả năng kiểm soát cảm xúc, kiềm chế hành vi và ứng phó với các tình huống gây căng thẳng vẫn chưa thực sự ổn định. Các em dễ vui, dễ buồn, dễ bị ảnh hưởng bởi lời khen, lời chê hoặc các mối quan hệ với bạn bè và thầy cô. Những phản ứng cảm xúc của HS nhiều khi còn mang tính bộc phát và phụ thuộc vào hoàn cảnh.

Điều này đặt ra yêu cầu giáo dục kĩ năng không chỉ tập trung vào hành vi bên ngoài mà cần quan tâm đến việc giúp HS nhận diện, gọi tên và điều chỉnh cảm xúc của bản thân. GV cần tạo môi trường học tập an toàn về tâm lý, khuyến khích HS bày tỏ cảm xúc, biết lắng nghe và tôn trọng cảm xúc của người khác. Các hoạt động như chia sẻ, kể chuyện, đóng vai hoặc thảo luận tình huống sẽ giúp HS từng bước hình thành năng lực quản lí cảm xúc và ứng xử tích cực trong các mối quan hệ.

Ở nhóm lớp 1-3, GV nên bắt đầu từ những cảm xúc và tình huống gần gũi, sử dụng nét mặt, tranh, câu chuyện hoặc lời gợi ý để giúp HS gọi tên cảm xúc. Các hành động điều chỉnh cần cụ thể và dễ thực hiện, như tạm dừng, hít thở chậm, nói điều mình cần hoặc tìm người lớn hỗ trợ. Khi HS đang bị cuốn vào cảm xúc mạnh, cần giúp các em ổn định trước khi yêu cầu giải thích hoặc tự đánh giá.

Ở nhóm lớp 4-5, có thể mở rộng hoạt động sang việc tìm hiểu nguyên nhân cảm xúc, phân biệt cảm xúc với hành động và lựa chọn cách ứng phó trong các tình huống khác nhau. HS được khuyến khích xem xét cảm xúc của người liên quan, dự đoán tác động của lời nói và điều chỉnh cách phản hồi. Tuy nhiên, khả năng giải thích tốt trong tình huống mô phỏng không đồng nghĩa với luôn tự điều chỉnh được trong thực tế.

Ở cả hai nhóm, đánh giá cần tập trung vào tiến bộ trong nhận diện cảm xúc, lựa chọn hành động và tìm trợ giúp. Không coi cảm xúc buồn, sợ hoặc lo lắng tự thân là biểu hiện "chưa đạt"; không buộc HS công khai trải nghiệm riêng tư để chứng minh kết quả rèn luyện.

1.3.4. Nhu cầu giao tiếp và khẳng định bản thân

Trong những năm đầu tiểu học, phạm vi giao tiếp của trẻ được mở rộng từ gia đình sang nhà trường và cộng đồng. Bạn bè dần trở thành một trong những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của HS. Các em mong muốn được tham gia các hoạt động tập thể, được chia sẻ ý kiến, được công nhận và có vai trò trong nhóm. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các kĩ năng giao tiếp, hợp tác và giải quyết mâu thuẫn.

Tuy nhiên, do kinh nghiệm xã hội còn hạn chế, HS vẫn có thể gặp khó khăn trong việc lắng nghe người khác, chia sẻ nhiệm vụ, giải quyết bất đồng hoặc kiểm soát hành vi khi xảy ra xung đột. Vì vậy, giáo dục kĩ năng cần tạo nhiều cơ hội để HS học tập thông qua hợp tác, đồng thời hướng dẫn cụ thể cách giao tiếp, phân công nhiệm vụ, lắng nghe, phản hồi và giải quyết mâu thuẫn bằng các phương thức tích cực. Đây cũng là cơ sở để GV tăng cường các hoạt động học tập theo nhóm, trò chơi hợp tác và dự án nhỏ trong dạy học.

Ở nhóm lớp 1-3, hoạt động nên tập trung vào những hành vi giao tiếp cụ thể: chào hỏi, trình bày nhu cầu, lắng nghe, chờ lượt, hỏi khi chưa hiểu và thực hiện phần việc được giao. Có thể bắt đầu bằng hoạt động theo cặp hoặc nhóm nhỏ với vai trò rõ ràng, hướng dẫn cách nói và cách phối hợp. Sau hoạt động, GV giúp HS nhận ra một việc mình đã làm tốt và một việc cần luyện tập thêm.

Ở nhóm lớp 4-5, có thể tăng yêu cầu trao đổi quan điểm, phản hồi có lí do, cùng phân công nhiệm vụ, thương lượng và giải quyết bất đồng. Các tình huống nên tạo cơ hội để HS xem xét nhiều góc nhìn, đồng thời nhận biết giới hạn của việc tự giải quyết. Cần phân biệt bất đồng thông thường với tình huống đe dọa hoặc bắt nạt; không yêu cầu HS tự thương lượng khi điều đó có thể làm tăng nguy cơ bị tổn hại.

Ở cả hai nhóm, sự tham gia có thể được thể hiện qua lời nói, viết, tranh hoặc phương thức giao tiếp phù hợp. Không đồng nhất năng lực giao tiếp với mức độ nói nhiều, thường xuyên xung phong hay sẵn sàng trình bày trước đông người.

1.3.5. Sự hình thành thói quen qua rèn luyện

Lứa tuổi tiểu học là giai đoạn có tính mềm dẻo cao trong sự phát triển của não bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành những thói quen và hành vi tích cực thông qua luyện tập lặp lại trong các bối cảnh khác nhau. Những hành vi được thực hiện thường xuyên với sự hướng dẫn và phản hồi phù hợp sẽ dần trở thành thói quen, từ đó góp phần hình thành nhân cách và lối sống của HS.

Đặc điểm này cho thấy giáo dục kĩ năng cần được thực hiện như một quá trình liên tục, thống nhất và lâu dài, thay vì chỉ tổ chức theo các chuyên đề hoặc hoạt động đơn lẻ. GV cần tạo nhiều cơ hội để HS thực hành kĩ năng trong học tập, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm và các tình huống thực tế của cuộc sống hằng ngày. Đồng thời, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc duy trì, củng cố và phát triển các hành vi tích cực của HS.

Ở nhóm lớp 1-3, việc rèn thói quen nên gắn với thời điểm và dấu hiệu dễ nhận biết trong sinh hoạt hằng ngày. GV có thể sử dụng tranh nhắc việc, vị trí cất đồ dùng có kí hiệu hoặc trình tự thao tác ngắn để giúp HS bắt đầu và hoàn thành công việc. Sự hỗ trợ cần nhất quán, giúp HS có cơ hội tự thực hiện thay vì người lớn làm thay. Khi HS đã quen, GV giảm dần gợi ý trực tiếp nhưng vẫn duy trì những công cụ hỗ trợ cần thiết.

Ở nhóm lớp 4-5, có thể tăng cơ hội để HS tự xác định mục tiêu, lựa chọn cách nhắc việc, theo dõi kết quả và điều chỉnh khi điều kiện thay đổi. Chẳng hạn, HS không chỉ chuẩn bị đồ dùng theo lịch quen thuộc mà còn kiểm tra những yêu cầu riêng của một buổi trải nghiệm hoặc nhiệm vụ nhóm. Tuy nhiên, việc chủ động sử dụng bảng kiểm hay đề nghị trợ giúp vẫn có thể là biểu hiện của khả năng tự quản lí, không mặc nhiên chứng tỏ sự phụ thuộc.

Sự tiến triển của thói quen cần được xem xét qua nhiều lần thực hiện, trong những điều kiện có thể đối chiếu. GV nên ghi nhận công việc HS thực hiện được, mức nhắc nhở cần thiết và khả năng duy trì hoặc điều chỉnh cách làm. Không đặt yêu cầu "không cần nhắc nhở" như tiêu chí chung cho mọi HS. Nhà trường và gia đình cần thống nhất mục tiêu vừa sức, đồng thời tính đến khác biệt về điều kiện sống và cơ hội thực hành.

Nói tóm lại, những khác biệt giữa nhóm lớp 1-3 và nhóm lớp 4-5 cần được chuyển hóa thành sự tiến triển trong thiết kế hoạt động giáo dục kĩ năng. Sự tiến triển này thể hiện ở độ phức tạp của nhiệm vụ, mức chủ động của HS, khả năng giải thích và tự kiểm tra, phạm vi vận dụng cùng mức hỗ trợ cần thiết. Với cùng một kĩ năng, GV có thể tổ chức quá trình từ quan sát và thực hiện có hướng dẫn đến chủ động thực hiện trong tình huống quen thuộc, rồi vận dụng vào tình huống có thay đổi. Đây là định hướng linh hoạt, không phải tiến trình giống nhau cho mọi HS. Việc lựa chọn phương pháp và đánh giá cần dựa trên quan sát thực tế, bảo đảm mỗi em được thực hành, nhận phản hồi và tiến bộ theo khả năng

Những đặc điểm về nhận thức, tình cảm, hành vi và nhu cầu xã hội của HS tiểu học vừa tạo ra nhiều thuận lợi, vừa đặt ra những yêu cầu riêng đối với giáo dục kĩ năng. Việc lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục cần xuất phát từ đặc điểm phát triển của HS, bảo đảm tính phù hợp với lứa tuổi, tăng cường trải nghiệm, khuyến khích sự tham gia tích cực và tạo cơ hội để các em thường xuyên thực hành trong những tình huống gần gũi với cuộc sống. Đây là cơ sở quan trọng để hình

thành những kĩ năng thiết yếu, góp phần phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của HS tiểu học.

1.4. Các nhóm kĩ năng cần hình thành cho học sinh tiểu học

1.4.1. Căn cứ xây dựng các nhóm kĩ năng

Thứ nhất, căn cứ vào mục tiêu và định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Giáo dục tiểu học không chỉ cung cấp kiến thức mà hướng tới hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của HS, trong đó chú trọng khả năng tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Vì vậy, hệ thống kĩ năng cần tạo cơ hội để HS từng bước biết tự phục vụ, quản lí bản thân, giao tiếp và hợp tác với người khác, nhận thức và quản lí cảm xúc, giải quyết vấn đề, ra quyết định và vận dụng những điều đã học vào thực tiễn.

Thứ hai, căn cứ vào đặc điểm phát triển và nhu cầu của HS tiểu học. HS tiểu học đang hình thành những thói quen, cách ứng xử và khả năng tự lập cơ bản; đồng thời có nhu cầu được giao tiếp, tham gia tập thể, được công nhận và từng bước kiểm soát cảm xúc, hành vi. Do đó, hệ thống kĩ năng cần bao quát cả những kĩ năng phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt hằng ngày, các mối quan hệ xã hội, đời sống tâm lí và khả năng tự bảo vệ của HS.

Thứ ba, căn cứ vào những yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với HS trong đời sống hiện nay. Bên cạnh những yêu cầu truyền thống về tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác và bảo vệ bản thân, HS ngày càng phải đối diện với các vấn đề mới như sử dụng thiết bị số, bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện nguy cơ trên không gian mạng, kiểm chứng thông tin và bước đầu sử dụng trí tuệ nhân tạo. Vì vậy, giáo dục kĩ năng cần mở rộng sang khả năng tham gia môi trường số một cách an toàn, phù hợp và có trách nhiệm.

Thứ tư, căn cứ vào yêu cầu bảo đảm an toàn và quyền được bảo vệ của trẻ em. HS tiểu học cần được trang bị những kĩ năng giúp nhận diện nguy cơ, bảo vệ bản thân và ứng phó phù hợp trước các tình huống có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, thân thể và tinh thần, bao gồm xâm hại, bạo lực học đường, tai nạn thương tích, nguy hiểm trong giao thông và những tình huống không an toàn trong đời sống. Đây là cơ sở để hình thành nhóm kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn.

Thứ năm, căn cứ vào tính chất của kĩ năng là khả năng được hình thành và phát triển thông qua thực hành. Việc phân nhóm không chỉ dựa trên nội dung kiến thức mà chú trọng những lĩnh vực hành động mà HS có thể quan sát, thực hiện, luyện tập và vận dụng trong những tình huống cụ thể. Vì vậy, các nhóm được lựa chọn theo những lĩnh vực hoạt động gần gũi với đời sống của HS, tạo thuận lợi cho GV thiết kế hoạt động, tổ chức thực hành và theo dõi sự tiến bộ của HS.

Thứ sáu, căn cứ vào yêu cầu phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Kĩ năng của HS không chỉ được hình thành trong các tiết học mà còn được rèn luyện thông qua hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, hoạt động tập thể, gia đình và cộng

đồng. Do đó, hệ thống kĩ năng cần đủ rõ để có thể được giáo dục, củng cố và vận dụng trong nhiều môi trường khác nhau.

1.4.2. Các nhóm kĩ năng cần hình thành cho học sinh tiểu học

Căn cứ vào mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi HS tiểu học và các khung năng lực chuyển đổi quốc tế, hệ thống giáo dục kĩ năng ở cấp tiểu học có thể được cấu trúc thành 6 nhóm với những chức năng và nội dung riêng. Sáu nhóm được đề xuất là cách tổ chức nội dung nhằm hỗ trợ GV lựa chọn, thiết kế và đánh giá hoạt động giáo dục kĩ năng ở cấp tiểu học. Các nhóm được xác định theo lĩnh vực hoạt động và nhu cầu rèn luyện chủ yếu của HS, không phải những phạm trù hoàn toàn tách biệt. Một kĩ năng có thể được vận dụng ở nhiều nhóm nhưng được đặt tại nhóm thể hiện chức năng giáo dục trọng tâm của nó. Các nhóm với chức năng, nội dung, ý nghĩa và các kĩ năng thành phần cốt lõi được tổng hợp và trình bày tại Bảng 1.

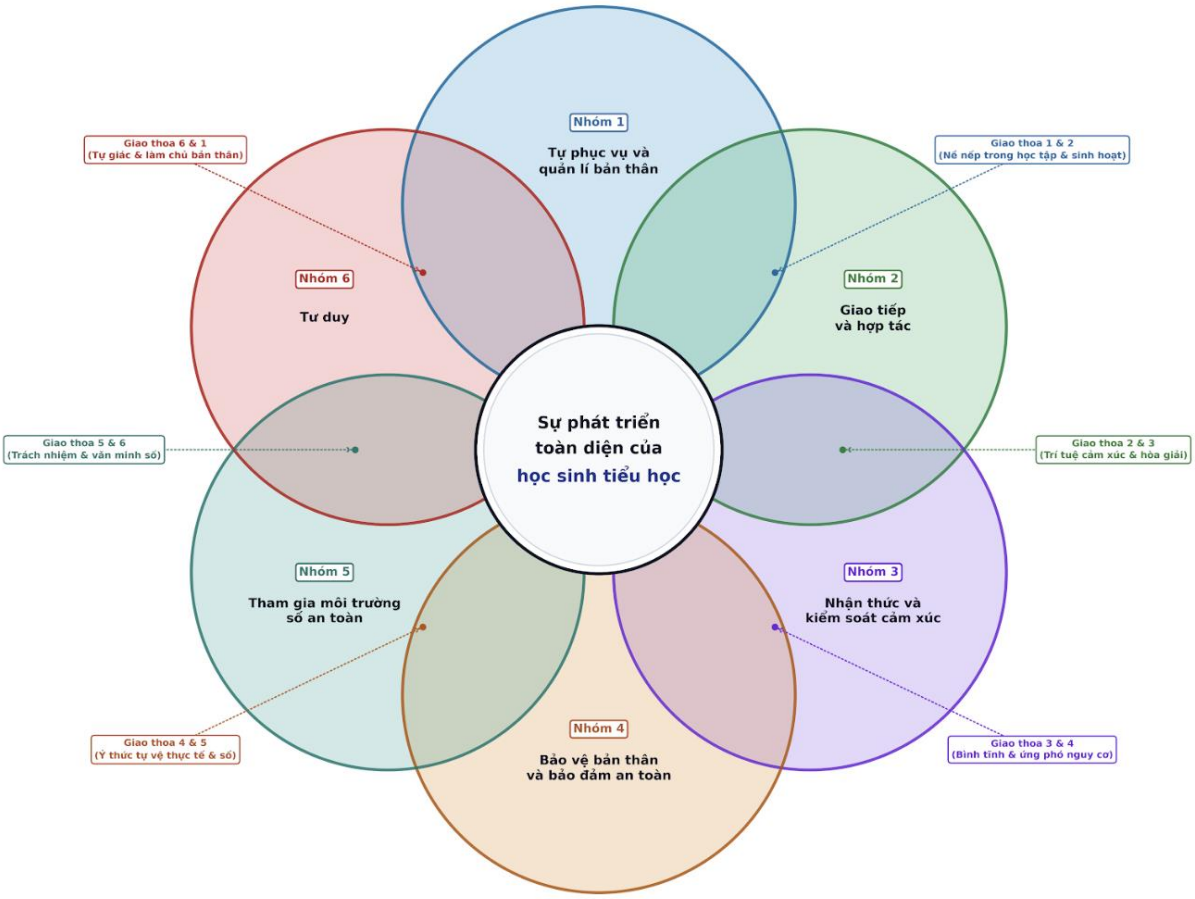
Bảng 1. Nhóm các kĩ năng cần giáo dục cho học sinh tiểu học				
Nhóm	**Chức năng**	**Định nghĩa chung**	**Ý nghĩa**	**Kĩ năng thành phần cốt lõi**
1. Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân	Tổ chức công việc cá nhân	Là khả năng của HS trong việc tự chủ thực hiện các công việc chăm sóc cá nhân, sắp xếp không gian và đồ dùng học tập, quản lí thời gian biểu và duy trì các nề nếp sinh hoạt hằng ngày phù hợp với lứa tuổi mà không cần người lớn làm thay hay nhắc nhở thường xuyên.	Là nền tảng hình thành tính tự lập, ý thức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm với bản thân; giúp HS giảm sự phụ thuộc vào người lớn, thích ứng nhanh với môi trường học đường và phát triển năng lực tự chủ, tự học theo Chương trình GDPT 2018.	• Kĩ năng vệ sinh cá nhân • Kĩ năng sắp xếp đồ dùng học tập và đồ dùng cá nhân • Kĩ năng tự phục vụ trong sinh hoạt hằng ngày • Kĩ năng quản lí thời gian • Kĩ năng hình thành thói quen tích cực
2. Kĩ năng giao tiếp và hợp tác	Tương tác và phối hợp	Là khả năng của HS trong việc sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp để bày tỏ suy nghĩ, lắng nghe tích cực, chia sẻ và phối hợp hiệu quả với thầy cô, bạn bè nhằm thực hiện các nhiệm vụ chung trong học tập và đời sống.	Giúp HS tự tin hòa nhập tập thể, xây dựng các mối quan hệ bạn bè lành mạnh, giảm thiểu xung đột học đường; tạo nền tảng vững chắc để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, bồi dưỡng lòng nhân ái và tinh thần đồng đội.	• Kĩ năng giao tiếp cơ bản (chào hỏi, lễ phép, lắng nghe tích cực, diễn đạt ý kiến) • Kĩ năng hợp tác nhóm (phân công, phối hợp thực hiện nhiệm vụ) • Kĩ năng chia sẻ và hỗ trợ bạn bè • Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn đơn giản (thương lượng, hòa giải ôn hòa)
3. Kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm	Nhận biết bản thân và điều chỉnh cảm xúc	Là khả năng của HS trong việc thấu hiểu bản thân, nhận diện và gọi tên chính xác các trạng thái cảm xúc, đồng thời biết điều hòa các cảm xúc	Cung cấp điểm tựa bình ổn tâm lí, giúp HS tránh được các hành vi bốc đồng, hung hăng; nuôi	• Kĩ năng tự nhận thức (nhận biết điểm mạnh, điểm cần cố gắng, sở thích cá nhân) • Kĩ năng nhận diện cảm xúc

Bảng 1. Nhóm các kĩ năng cần giáo dục cho học sinh tiểu học				
Nhóm	**Chức năng**	**Định nghĩa chung**	**Ý nghĩa**	**Kĩ năng thành phần cốt lõi**
xúc		khó chịu và áp dụng các biện pháp giải tỏa căng thẳng phù hợp với lứa tuổi.	dưỡng sự thấu cảm với người khác, củng cố lòng tự tin và nâng cao sức khỏe tinh thần, giúp việc học tập đạt hiệu quả bền vững.	của bản thân và người khác • Kĩ năng kiểm soát cảm xúc (kiềm chế tức giận, lo lắng, thất vọng) • Kĩ năng ứng phó với căng thẳng phù hợp lứa tuổi • Kĩ năng xây dựng sự tự tin và tinh thần tích cực
4. Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn	Nhận diện nguy cơ và tìm trợ giúp	Là khả năng nhận diện các nguy cơ gây mất an toàn đến sức khỏe, thân thể và tinh thần; từ đó biết lựa chọn hành vi phòng tránh rủi ro, tuân thủ quy tắc an toàn, kiên quyết từ chối điều nguy hại và tìm kiếm sự hỗ trợ kịp thời trong đời sống thực tế.	Bảo vệ sự toàn vẹn thể chất và tâm lí của HS trước các tai nạn thương tích, bạo lực học đường và xâm hại trẻ em; giúp các em chủ động làm chủ sự an toàn của bản thân và hình thành lối sống an toàn, có trách nhiệm.	• Kĩ năng phòng chống xâm hại trẻ em • Kĩ năng từ chối • Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ • Kĩ năng tham gia giao thông an toàn • Kĩ năng phòng tránh tai nạn thương tích (đuối nước, bỏng, điện giật, ngã...) • Kĩ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm (cháy nổ, thiên tai, lạc đường) • Kĩ năng phòng chống bạo lực học đường
5. Kĩ năng tham gia môi trường số	Ứng xử an toàn trong môi trường số	Là khả năng sử dụng các thiết bị công nghệ, nền tảng số đúng mục đích học tập và giải trí lành mạnh; biết bảo mật dữ liệu cá nhân, nhận	Giúp HS tận dụng tối đa tiện ích của công nghệ phục vụ việc tự học và sáng tạo, đồng thời ngăn	• Kĩ năng sử dụng thiết bị số phù hợp (đúng mục đích, cân đối thời gian) • Kĩ năng bảo vệ thông tin cá

Bảng 1. Nhóm các kĩ năng cần giáo dục cho học sinh tiểu học				
Nhóm	**Chức năng**	**Định nghĩa chung**	**Ý nghĩa**	**Kĩ năng thành phần cốt lõi**
an toàn		diện các cạm bẫy trực tuyến và thực hành các quy tắc ứng xử văn minh trên không gian mạng.	ngừa nguy cơ nghiện thiết bị số, tiếp cận nội dung xấu độc, bị lừa đảo hay bắt nạt trực tuyến; bước đầu chuẩn bị năng lực số cho công dân tương lai.	nhân và tài khoản • Kĩ năng nhận diện và ứng phó với nguy cơ trên không gian mạng (thông tin giả, lừa đảo, nội dung độc hại) • Kĩ năng ứng xử văn minh trên môi trường số (tôn trọng, không bắt nạt mạng) • Kĩ năng tìm kiếm, kiểm chứng và tạo nội dung số đơn giản (hỏi, đối chiếu, tôn trọng quyền riêng tư) • Kĩ năng nhận biết và sử dụng AI có hướng dẫn, có trách nhiệm (kiểm chứng, không phụ thuộc, giữ dữ liệu cá nhân)
6. Kĩ năng tư duy	Xem xét thông tin, lựa chọn và giải quyết vấn đề	Là khả năng suy nghĩ có căn cứ, biết quan sát, phân tích, xem xét vấn đề từ nhiều góc độ và lựa chọn các hành vi phù hợp dựa trên các chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	Đóng vai trò "kim chỉ nam" định hình nhân cách và bản lĩnh cho HS; giúp các em không chỉ biết cách hành động mà còn hiểu vì sao cần hành động đúng đắn, góp phần trực tiếp hình thành các phẩm chất cốt lõi (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm).	• Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề • Kĩ năng tư duy phản biện (quan sát, đặt câu hỏi, xem xét thông tin)

1.5. Mối quan hệ giữa các nhóm kĩ năng

Hệ thống 6 nhóm kĩ năng nêu trên không tồn tại biệt lập mà có mối quan hệ biện chứng, có sự giao thoa với nhau và vận hành như một hệ sinh thái bổ trợ lẫn nhau: Nền tảng tự phục vụ (Nhóm 1) làm chủ cảm xúc (Nhóm 3) là điều kiện cần để giao tiếp hiệu quả (Nhóm 2); khi có sự tự chủ và khả năng tương tác tốt, HS sẽ chủ động bảo vệ mình trong thế giới thực (Nhóm 4) lẫn thế giới số (Nhóm 5); toàn bộ các hành động đó được tư duy phản biện và hệ giá trị nhân văn (Nhóm 6) soi sáng và dẫn dắt.



Hình 1. *Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa 6 nhóm kĩ năng.*

Nhìn vào sơ đồ có thể thấy mối quan hệ biện chứng giữa 6 nhóm kĩ năng được thể hiện cô đọng qua 3 tầng cấu trúc như sau:

- *Tập trung phát triển toàn diện của HS tiểu học*

Vùng giao thoa trung tâm của cả 6 hình tròn xác lập mục tiêu tối hậu của giáo dục kĩ năng: bồi dưỡng người học phát triển hài hòa về thể chất, tâm lí, nhận thức và đạo đức. Không một kĩ năng đơn lẻ nào có thể phát huy tối đa hiệu quả nếu tách rời chỉnh thể.

- *Có mối quan hệ biện chứng giao thoa với nhau*

Sự lồng ghép, giao thoa giữa các hình tròn như trong sơ đồ phản ánh cơ chế thẩm thấu hành vi trong đời sống thực tế:

+ Giao thoa 1 & 2 (Nề nếp học tập và sinh hoạt chung): Tự lập, tự quản lí bản thân (Nhóm 1) là điều kiện cần để HS hợp tác, tôn trọng không gian chung trong tập thể (Nhóm 2).

+ Giao thoa 2 & 3 (Trí tuệ cảm xúc và hòa giải): Nhận diện, làm chủ cảm xúc (Nhóm 3) là nền tảng để lắng nghe, thấu cảm và giải quyết bất đồng ôn hòa khi giao tiếp (Nhóm 2).

+ Giao thoa 3 & 4 (Bình tĩnh và ứng phó nguy cơ): Khả năng giữ bình tĩnh, kiểm soát sợ hãi (Nhóm 3) giúp các hành vi tự vệ, thoát hiểm (Nhóm 4) được kích hoạt chuẩn xác.

+ Giao thoa 4 & 5 (Ý thức tự vệ thực tế & số): Nguyên tắc nhận biết ranh giới an toàn, kiên quyết từ chối nguy cơ ngoài đời thực (Nhóm 4) đồng nhất bản chất với phản xạ bảo mật dữ liệu, phòng tránh cạm bẫy mạng (Nhóm 5).

+ Giao thoa 5 & 6 (Trách nhiệm & văn minh số): Tư duy phản biện, phân tích đúng – sai (Nhóm 6) giúp HS chọn lọc thông tin và ứng xử có trách nhiệm trên không gian số (Nhóm 5).

+ Giao thoa 6 & 1 (Tự giác & làm chủ bản thân): Tư duy nhận thức rõ nguyên nhân – hệ quả (Nhóm 6) chuyển hóa các thao tác tự phục vụ (Nhóm 1) từ trạng thái bị nhắc nhở thành nhu cầu tự giác.

Trong đời sống thực tế của HS tiểu học, không có kĩ năng nào hoạt động hoàn toàn độc lập: Để tự giác ngồi vào bàn học đúng giờ (Nhóm 1), HS phải biết kiểm soát cảm giác lười biếng hoặc sự xao nhãng trước các trò chơi hấp dẫn (Nhóm 3). Để lắng nghe và thương lượng hòa bình khi xảy ra bất đồng trong làm việc nhóm (Nhóm 2), HS buộc phải làm chủ được cơn tức giận và sự ức chế ban đầu của bản thân (Nhóm 3). Hành vi "nói không với người lạ" hay "từ chối đụng chạm không an toàn" ngoài đời thực (Nhóm 4) có cùng bản chất tâm lí và nguyên tắc tự vệ với việc "không chia sẻ ảnh cá nhân, từ chối lời mời kết bạn từ người lạ trên mạng" (Nhóm 5).

- *Bồi dưỡng phẩm chất và năng lực HS tiểu học,*

Hệ thống 6 nhóm kĩ năng vận hành khép kín, trực tiếp hiện thực hóa mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018:

+ Trục nội lực (Nhóm 1, 3, 6): Kiến tạo Năng lực tự chủ và tự học, bồi dưỡng phẩm chất Chăm chỉ và Trung thực.

+ Trục xã hội (Nhóm 2): Phát triển Năng lực giao tiếp và hợp tác, nuôi dưỡng phẩm chất Nhân ái.

+ Trục bảo vệ & thích ứng (Nhóm 4, 5): Hình thành Năng lực thích ứng môi trường và Năng lực số, củng cố phẩm chất Trách nhiệm.

2. NGUYÊN TẮC VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG

2.1. Các nguyên tắc giáo dục kĩ năng cho học sinh tiểu học

Giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học cần được tổ chức trên cơ sở những nguyên tắc phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ em và định hướng phát triển phẩm chất, năng

lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Các nguyên tắc này không chỉ định hướng cho việc lựa chọn nội dung mà còn chi phối phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá kết quả giáo dục.

- *Nguyên tắc 1: Bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu phát triển của HS tiểu học.*

Ở lứa tuổi này, HS tiếp thu kiến thức và hình thành kĩ năng chủ yếu thông qua hoạt động, trải nghiệm và tương tác với môi trường. Vì vậy, nội dung giáo dục cần gần gũi với cuộc sống, phù hợp với khả năng nhận thức, tránh quá nặng về lí thuyết hoặc đưa ra những yêu cầu vượt quá khả năng của HS.

- *Nguyên tắc 2: Lấy HS làm trung tâm và coi HS là chủ thể của quá trình rèn luyện kĩ năng.*

Kĩ năng chỉ được hình thành khi HS trực tiếp tham gia vào các hoạt động và tự trải nghiệm. GV giữ vai trò thiết kế, tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ, tạo cơ hội để HS được quan sát, thực hành, thử nghiệm, điều chỉnh và tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân.

Bảo đảm cơ hội tham gia bình đẳng cho mọi HS: tôn trọng sự khác biệt về giới, dân tộc, ngôn ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo, khuyết tật, điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình; cho phép lựa chọn hình thức thể hiện phù hợp và cung cấp hỗ trợ cần thiết. Không buộc trẻ công khai thông tin riêng tư, trải nghiệm bị tổn hại hoặc thực hành khiến trẻ sợ hãi. Khi phát hiện nguy cơ xâm hại, GV lắng nghe riêng, bảo mật thông tin và thực hiện quy trình bảo vệ trẻ em của nhà trường.

- *Nguyên tắc 3: Gắn giáo dục kĩ năng với thực tiễn cuộc sống.*

Các nội dung giáo dục cần xuất phát từ những tình huống HS thường gặp trong học tập, sinh hoạt và các mối quan hệ hằng ngày. Điều này giúp HS nhận thấy ý nghĩa của việc học, đồng thời dễ dàng vận dụng những điều đã học vào thực tiễn.

- *Nguyên tắc 4: Bảo đảm tính liên tục và phát triển.*

Giáo dục kĩ năng là một quá trình lâu dài, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và có sự kế thừa giữa các lớp học. Mỗi giai đoạn cần xác định mục tiêu và mức độ yêu cầu phù hợp, giúp HS từng bước phát triển từ những hành vi đơn giản đến các năng lực tự chủ và ứng xử ngày càng hoàn thiện.

- *Nguyên tắc 5: Bảo đảm sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.*

Kĩ năng không chỉ được hình thành trong nhà trường mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ gia đình và cộng đồng. Vì vậy, việc thống nhất mục tiêu, nội dung và cách thức giáo dục giữa các lực lượng là điều kiện quan trọng để tạo nên môi trường giáo dục đồng bộ, giúp HS hình thành và duy trì các hành vi tích cực.

2.2. Định hướng tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng cho học sinh

2.2.1. Tổ chức giáo dục kĩ năng theo hướng trải nghiệm

Một trong những yêu cầu quan trọng của giáo dục kĩ năng là tạo cơ hội để HS

được trực tiếp trải nghiệm, thực hành và vận dụng trong những bối cảnh thực tiễn. Khác với việc truyền thụ kiến thức, giáo dục kĩ năng hướng đến sự thay đổi về hành vi và thói quen. Vì vậy, HS cần được tham gia vào các hoạt động đa dạng, được thử nghiệm, được mắc lỗi, được điều chỉnh và từng bước hình thành cách ứng xử phù hợp. Những trải nghiệm được lặp lại trong nhiều tình huống khác nhau sẽ giúp các kĩ năng dần trở thành năng lực và hành vi bền vững.

Tổ chức giáo dục kĩ năng theo phương pháp trải nghiệm là một trong những yêu cầu quan trọng của giáo dục kĩ năng, nó tạo cơ hội để HS được trực tiếp trải nghiệm, thực hành và vận dụng trong những bối cảnh thực tiễn. Khác với việc truyền thụ kiến thức, giáo dục kĩ năng hướng đến sự thay đổi về hành vi và thói quen. Vì vậy, HS cần được tham gia vào các hoạt động đa dạng, được thử nghiệm, được mắc lỗi, được điều chỉnh và từng bước hình thành cách ứng xử phù hợp. Những trải nghiệm được lặp lại trong nhiều tình huống khác nhau sẽ giúp các kĩ năng dần trở thành năng lực và hành vi bền vững.

Định hướng này phù hợp với quan điểm của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trong đó người học là chủ thể của quá trình giáo dục, còn GV là người thiết kế, tổ chức và hỗ trợ các hoạt động học tập. Giáo dục kĩ năng vì thế cần chuyển từ cách dạy thiên về giảng giải sang tạo lập các tình huống học tập giàu tính trải nghiệm, khuyến khích HS quan sát, suy nghĩ, trao đổi, thực hành, tự đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động.

2.2.2. Cách thức tổ chức giáo dục, rèn luyện kĩ năng cho học sinh Tiểu học

a/ Tích hợp trong thực hiện chương trình các môn học và Hoạt động trải nghiệm

Đây là con đường cơ bản, nền tảng và mang tính bắt buộc đối với tất cả HS. GV nghiên cứu kĩ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của các môn học và Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) từ Lớp 1 đến Lớp 5 để xác định các "địa chỉ tích hợp" kĩ năng phù hợp với bài học, chủ đề.

Việc tích hợp giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

Đảm bảo tính tự nhiên và không gây quá tải: Giáo dục kĩ năng sống không nên biến thành một môn học riêng biệt mang tính lý thuyết hay áp đặt bài học gượng ép. Việc rèn luyện kĩ năng phải xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu cần đạt (YCCĐ) sẵn có của chương trình, hòa nhập tự nhiên vào các môn học và hoạt động giáo dục, không làm thay đổi cấu trúc hay tăng thời lượng học tập của HS.

Đảm bảo tính trải nghiệm và thực hành thường xuyên: Kĩ năng sống chỉ được hình thành bền vững thông qua hoạt động thực hành, trải nghiệm, đóng vai, giải quyết tình huống thực tế và sự lặp đi lặp lại trong môi trường học đường cũng như gia đình, cộng đồng.

Có tính linh hoạt, chủ động theo điều kiện thực tế: Nhà trường và GV căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất, đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi HS từ Lớp 1 đến Lớp 5 và đặc thù văn hóa - xã hội địa phương để lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức phù hợp nhất.

Có sự phối hợp đồng bộ (Nhà trường - Gia đình - Xã hội): Rèn luyện kĩ năng sống ở trường học phải gắn liền với sự đồng hành của cha mẹ HS trong sinh hoạt hằng ngày và sự hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

Giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học không nên được tổ chức thành một nội dung độc lập hay chỉ thực hiện thông qua những chuyên đề riêng biệt. Theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc hình thành phẩm chất và năng lực cần được thực hiện xuyên suốt trong tất cả các hoạt động giáo dục. Vì vậy, giáo dục kĩ năng cần được tích hợp một cách tự nhiên vào quá trình dạy học, hoạt động giáo dục trải nghiệm của nhà trường, tạo điều kiện để HS được rèn luyện thường xuyên trong nhiều bối cảnh khác nhau. GV cần khai thác địa chỉ tích hợp theo đặc trưng từng môn học, cụ thể là:

Môn Đạo đức (Lớp 1-5): Cung cấp chuẩn mực hành vi, ý thức kỉ luật. Tích hợp kĩ năng quản lí bản thân, tự giác làm việc, thật thà, thực hiện nội quy trường lớp (Lớp 1-2); kĩ năng giữ lời hứa, hòa giải bất đồng, quan tâm hàng xóm (Lớp 3); kĩ năng tôn trọng tài sản, tiết kiệm tiền, yêu lao động (Lớp 4); kĩ năng lập kế hoạch cá nhân, vượt qua khó khăn, phòng tránh xâm hại (Lớp 5).

Môn Tự nhiên và Xã hội / Khoa học (Lớp 1-5): Tích hợp kĩ năng tự chăm sóc sức khỏe, giữ vệ sinh cơ thể, sử dụng an toàn đồ dùng gia đình, phòng tránh tai nạn thương tích, an toàn giao thông (Lớp 1-2); phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, bảo vệ cơ quan hô hấp, tuần hoàn, thần kinh (Lớp 3); chăm sóc cây trồng vật nuôi, phòng tránh đuối nước, phòng chống ô nhiễm tiếng ồn và môi trường (Lớp 4); ứng phó sức khỏe tuổi dậy thì, sử dụng an toàn điện, chất đốt, phòng chống xâm hại tình dục (Lớp 5).

Hoạt động trải nghiệm (Lớp 1-5): Là môi trường trải nghiệm thực hành cốt lõi gồm 4 mạch nội dung: Hướng vào bản thân (khám phá, rèn luyện bản thân), Hướng đến xã hội (chăm sóc gia đình, xây dựng nhà trường, cộng đồng), Hướng đến tự nhiên (tìm hiểu, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường) và Hướng nghiệp. HS được rèn trực tiếp kĩ năng tự phục vụ, sắp xếp đồ dùng, kĩ năng giao tiếp, giải quyết xung đột, quản lí tài chính cá nhân và làm việc nhóm.

Môn Tin học (Lớp 3-5): Tích hợp kĩ năng tham gia môi trường số an toàn, bảo vệ thông tin cá nhân và gia đình, ứng xử văn minh trên mạng, tôn trọng bản quyền phần mềm, tư duy logic, chia nhỏ nhiệm vụ và giải quyết vấn đề.

Các môn Tiếng Việt, Toán, Lịch sử & Địa lí, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật...: Thông qua các phương pháp dạy học tích cực (thảo luận nhóm, đóng vai, xử lí tình huống, dự án học tập), HS rèn luyện kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, hợp tác, tư duy phản biện, tự học và ra quyết định.

Tích hợp giáo dục kĩ năng không có nghĩa là bổ sung thêm nội dung hay làm tăng áp lực đối với giáo viên, mà là khai thác hiệu quả những cơ hội sẵn có trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục. Mỗi bài học, mỗi hoạt động tập thể hay mỗi tình huống diễn ra trong đời sống học đường đều có thể trở thành môi trường để HS hình thành và phát triển các kĩ năng cần thiết.

Bảng 2. Minh họa tích hợp GDKNS trong tiết dạy chính khóa (Lớp 1 - 5):

Khối lớp	Bài học / Chủ đề môn học & HĐTN	YCCĐ trong Chương trình	Kĩ năng sống tích hợp rèn luyện
Lớp 1	**Đạo đức:** Tự giác làm việc của mình **HĐTN:** Tự chăm sóc bản thân	- Thực hiện được hành động tự giác làm việc của mình ở nhà, ở trường; - Tự chăm sóc bản thân vừa sức.	- Kĩ năng tự phục vụ (vệ sinh răng miệng, chuẩn bị sách vở), - Kĩ năng quản lí bản thân và thói quen gọn gàng.
Lớp 2	**TNXH:** Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà **HĐTN:** Phòng tránh bị lạc, bắt cóc	- Kể tên đồ dùng, thức ăn gây ngộ độc; - Nhận biết tình huống bị lạc, bắt cóc và cách phòng tránh.	- Kĩ năng bảo vệ bản thân, nhận diện nguy cơ rủi ro, - Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ từ người lớn tin cậy.
Lớp 3	**TNXH:** Phòng cháy khi ở nhà **Tin học:** Bảo vệ thông tin cá nhân	- Thực hành ứng xử khi có cháy; - Có ý thức bảo vệ thông tin cá nhân và gia đình khi dùng máy tính.	- Kĩ năng PCCC & thoát hiểm đơn giản, - Kĩ năng an toàn môi trường số, bảo mật thông tin cá nhân.
Lớp 4	**Khoa học:** Phòng tránh đuối nước **Đạo đức:** Quý trọng đồng tiền	- Thực hành kĩ năng phân tích nguy cơ đuối nước; - Biết bảo quản, tiết kiệm tiền và mua sắm đúng mức.	- Kĩ năng bảo vệ bản thân vùng sông nước, - Kĩ năng quản lí tài chính cá nhân, lựa chọn mặt hàng mua sắm hợp lí.
Lớp 5	**Khoa học:** Sử dụng an toàn năng lượng điện **HĐTN:** An toàn khi giao tiếp trên mạng	- Nêu quy tắc an toàn điện; - Biết tự chủ và đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng internet.	- Kĩ năng sử dụng điện an toàn, - Kĩ năng tự chủ, ứng xử văn minh và đề phòng nguy cơ lừa đảo trên không gian mạng.

Các môn học ở tiểu học đều có tiềm năng giáo dục kĩ năng nếu GV biết lựa chọn nội dung và phương pháp tổ chức phù hợp. Bên cạnh mục tiêu hình thành kiến thức và năng lực đặc thù của từng môn học, GV cần chủ động thiết kế các hoạt động giúp HS được giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, tự đánh giá và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Chẳng hạn, trong môn Tiếng Việt, HS được rèn luyện kĩ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày ý kiến và bày tỏ cảm xúc thông qua các hoạt động đọc, nói và viết. Môn Toán tạo cơ hội để HS phát triển tư duy logic, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Môn Đạo đức giúp HS hình thành các giá trị sống, kĩ năng ứng xử và hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội. Các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật... đều có nhiều tình huống để HS rèn luyện hợp tác, tư duy, tự phục vụ, bảo vệ bản thân và tham gia môi trường số an toàn.

b/ Tổ chức trong các hoạt động giáo dục thuộc kế hoạch giáo dục của nhà trường

Theo đúng tinh thần Công văn 2345/BGDĐT-GDTH, thời gian tổ chức dạy học và hoạt động giáo dục buổi thứ hai trong ngày là khoảng thời gian quý báu được nhà trường chủ động bố trí trong Kế hoạch giáo dục nhà trường nhằm củng cố, thực hành, rèn luyện kĩ năng sống cho HS. Cần tránh tuyệt đối việc diễn đạt hoặc coi "buổi 2" như một chương trình giáo dục riêng biệt, một môn học mới hay việc kéo dài thời lượng dạy học kiến thức sách giáo khoa.

Việc bố trí các hoạt động rèn luyện kĩ năng trong buổi 2 phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện, căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường và điều kiện tổ chức thực tế. Các hình thức tổ chức phong phú bao gồm:

- *Sinh hoạt tập thể và Hoạt động giáo dục theo chủ đề:*

Sinh hoạt dưới cờ và Sinh hoạt lớp: Được thiết kế thành các chủ đề giáo dục kĩ năng sống theo tuần/tháng (ví dụ: "Nền nếp văn minh trường học", "An toàn giao thông - Cho bạn cho tôi", "Xây dựng tình bạn đẹp - Nói không với bạo lực học đường", "Ứng xử văn minh trên môi trường số"). HS trực tiếp tham gia sân khấu hóa, biểu diễn tiểu phẩm, giao lưu câu hỏi tình huống.

Hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng: Lồng ghép rèn luyện kĩ năng tự quản, kĩ năng chỉ huy, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thắt khăn quàng, kĩ năng nghi thức Đội và phong trào "Đội viên tốt - Cháu ngoan Bác Hồ".

Sinh hoạt Câu lạc bộ (CLB) kĩ năng và sở thích: Nhà trường thành lập các CLB hoạt động vào thời gian buổi 2 hoặc giờ ra chơi/sau giờ học dựa trên nguyện vọng HS:

CLB Kĩ năng sống & Công dân số: Luyện tập kĩ năng giao tiếp, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng ứng phó tình huống khẩn cấp, kĩ năng gõ bàn phím đúng cách, tìm kiếm thông tin an toàn.

CLB STEM & Sáng tạo kĩ thuật: Rèn luyện tư duy khoa học, kĩ năng phân tích giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác nhóm tạo ra sản phẩm tái chế, mô hình học tập.

- *CLB Nghệ thuật, thể thao, đọc sách:* Giúp HS nhận thức và kiểm soát cảm xúc, giải tỏa căng thẳng, rèn luyện thể chất, tính cẩn thận, kiên trì và tinh thần đồng đội.

• *Thiết lập các "Góc thực hành kĩ năng" ngay trong không gian nhà trường:*

- *Góc tự phục vụ & khéo tay:* Hướng dẫn HS Lớp 1-2 thực hành gấp quần áo, xếp cặp sách, buộc dây giày, rửa tay sạch khuẩn đúng quy trình 6 bước.

- *Góc an toàn giao thông & thoát hiểm:* Mô hình ngã tư đường phố, hệ thống biển báo, thực hành đi bộ qua đường có đèn tín hiệu, thực hành mặc áo phao đúng cách và sử dụng bình chữa cháy mô hình (Lớp 3-5).

- *Góc sống xanh & bảo vệ môi trường:* Thực hành phân loại rác tại nguồn (rác hữu cơ, rác tái chế, rác vô cơ), chăm sóc "Vườn cây em chăm" của lớp.

c/ Thông qua các hoạt động giáo dục củng cố, tăng cường và hoạt động theo nhu cầu người học (Gắn với thực tiễn địa phương)

Con đường này mở rộng không gian giáo dục ra ngoài lớp học, kết nối nhà trường với thực tiễn đời sống xã hội và tự nhiên tại địa phương. Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT-GDTH, nhà trường xây dựng kế hoạch linh hoạt, đáp ứng nhu cầu, sở thích của HS và điều kiện cụ thể của địa phương, tạo môi trường đa dạng để HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế.

• *Hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan di tích lịch sử, làng nghề truyền thống:*

- *Nội dung tổ chức:* Tổ chức cho HS tham quan di tích lịch sử - văn hóa địa phương, bảo tàng, làng nghề truyền thống (làm gốm, dệt chiếu, trồng rau sạch, làm bánh) hoặc cơ sở sản xuất tại địa phương.

- *Kĩ năng sống rèn luyện:* HS rèn kĩ năng quan sát, đặt câu hỏi phỏng vấn nghệ nhân, kĩ năng giao tiếp lịch sự nơi công cộng, kĩ năng an toàn lao động khi trải nghiệm nghề, lòng biết ơn người lao động và niềm tự hào về quê hương đất nước.

• *Hoạt động xã hội, tình nguyện, phụng sự cộng đồng:*

- *Nội dung tổ chức:* Tổ chức phong trào "Áo ấm tặng bạn", "Kế hoạch nhỏ", thăm hỏi và chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ, Mẹ Việt Nam Anh hùng, giao lưu với HS trường khuyết tật, tham gia Ngày Chủ nhật Xanh làm sạch bãi biển/dòng sông/khu dân cư.

- *Kĩ năng sống rèn luyện:* Hình thành kĩ năng thấu cảm, sự chia sẻ, lòng nhân ái, kĩ năng hợp tác nhóm và ý thức trách nhiệm công dân đối với cộng đồng xã hội.

• *Ngày hội Kĩ năng sống (Life Skills Festival) và Hoạt động giao lưu thực tiễn:*

- *Nội dung tổ chức:* Định kì hằng năm, nhà trường tổ chức "Ngày hội HS Tiểu học", "Ngày hội STEM & Kĩ năng sống", "Festival Tiếng Anh & Giao tiếp". Mời cán bộ Cảnh sát PCCC, Cảnh sát Giao thông, chuyên gia tâm lý hoặc bác sĩ y tế học đường đến trực tiếp hướng dẫn và tập huấn.

Kĩ năng sống rèn luyện: HS thực hành trực tiếp kĩ năng dập tắt đám cháy nhỏ, kĩ năng thoát hiểm trong mô hình khói, kĩ năng sơ cứu đuối nước, kĩ năng ứng phó khi bị rủ rê bắt cóc, kĩ năng tự tin diễn thuyết trước đám đông.

Giáo dục kĩ năng cần được thực hiện trong toàn bộ đời sống học đường để HS có cơ hội rèn luyện các kĩ năng cần thiết. Do đó, GVcần chú trọng thiết kế các hoạt động gắn với đời sống của HS, tạo cơ hội để các em trực tiếp tham gia, tự đưa ra quyết định, phối hợp với bạn bè và tự đánh giá kết quả sau mỗi hoạt động. Chính quá trình trải nghiệm và phản tư sẽ giúp các kĩ năng được củng cố và chuyển hóa thành hành vi bền vững. Những tình huống diễn ra hằng ngày trong lớp học như làm việc nhóm, phân công nhiệm vụ, giải quyết mâu thuẫn, giữ gìn vệ sinh lớp học, thực hiện nội quy hay tham gia xây dựng tập thể cũng là môi trường giáo dục kĩ năng hiệu quả. GVcần biết khai thác giá trị giáo dục của những tình huống này, hướng dẫn HS tự suy nghĩ, tự điều chỉnh hành vi và rút kinh nghiệm từ những trải nghiệm thực tế thay vì chỉ nhắc nhở hoặc xử lý theo hướng áp đặt.

2.2.3. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng

Giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học là một quá trình diễn ra liên tục trong nhiều môi trường khác nhau. Bên cạnh nhà trường, gia đình và cộng đồng đều có vai trò quan trọng trong việc hình thành, củng cố và phát triển các kĩ năng của HS. Nếu các lực lượng giáo dục có sự thống nhất về mục tiêu, nội dung và cách thức giáo dục, HS sẽ có nhiều cơ hội được thực hành và hình thành những hành vi tích cực một cách bền vững. Ngược lại, sự thiếu đồng bộ giữa các môi trường giáo dục có thể làm giảm hiệu quả rèn luyện và gây khó khăn cho quá trình hình thành thói quen, phẩm chất của HS.

Trong mối quan hệ đó, nhà trường giữ vai trò định hướng và tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng một cách có hệ thống. GV không chỉ giúp HS hình thành kiến thức và kĩ năng mà còn thường xuyên theo dõi, đánh giá sự tiến bộ của các em, đồng thời chủ động trao đổi với cha mẹ HS về mục tiêu, nội dung và kết quả rèn luyện. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục kĩ năng cần được lồng ghép trong kế hoạch giáo dục của nhà trường, bảo đảm tính thống nhất giữa các môn học, Hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành nhân cách của trẻ. Những kĩ năng được học ở trường chỉ thực sự trở thành thói quen khi tiếp tục được củng cố trong đời sống hằng ngày. Cha mẹ cần tạo điều kiện để con được tự phục vụ, tham gia công việc phù hợp với lứa tuổi, giao tiếp, hợp tác, giải quyết những vấn đề đơn giản và chịu trách nhiệm về hành động của mình. Thay vì làm thay hoặc bao bọc quá mức, cha mẹ nên khuyến khích, hướng dẫn và đồng hành cùng con trong quá trình rèn luyện các kĩ năng cần thiết.

Cộng đồng cũng là môi trường quan trọng giúp HS mở rộng trải nghiệm và vận dụng các kĩ năng vào thực tiễn. Các hoạt động tại địa phương, thư viện, bảo tàng, khu

di tích, doanh nghiệp, câu lạc bộ, tổ chức xã hội hoặc các chương trình tình nguyện, hoạt động vì cộng đồng đều tạo cơ hội để HS giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng với những tình huống mới và hình thành ý thức công dân. Việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia giáo dục cũng góp phần làm phong phú nội dung, hình thức tổ chức và tăng tính thực tiễn của hoạt động giáo dục kĩ năng.

Để việc phối hợp đạt hiệu quả, cần thiết lập cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Nhà trường cần đa dạng hóa các hình thức phối hợp như họp cha mẹ HS theo chuyên đề, tư vấn giáo dục, sổ liên lạc điện tử, các kênh thông tin trực tuyến hoặc tổ chức các hoạt động trải nghiệm có sự tham gia của phụ huynh và các tổ chức xã hội. Sự phối hợp này không chỉ giúp các lực lượng giáo dục thống nhất cách thức hỗ trợ HS mà còn tạo nên môi trường giáo dục nhất quán, giúp các em được rèn luyện kĩ năng trong nhiều bối cảnh khác nhau.

Có thể khẳng định rằng, giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học chỉ thực sự đạt hiệu quả khi được thực hiện trên cơ sở sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Mỗi lực lượng có vai trò riêng nhưng cùng hướng tới mục tiêu chung là tạo dựng môi trường thuận lợi để HS được trải nghiệm, thực hành và phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và sự phát triển của xã hội hiện đại.

2.2.4. Xây dựng môi trường giáo dục tích cực hỗ trợ hình thành kĩ năng

Môi trường giáo dục có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kĩ năng của HS tiểu học. Bên cạnh nội dung và phương pháp giáo dục, những trải nghiệm hằng ngày trong lớp học, nhà trường, gia đình và cộng đồng đều tác động đến nhận thức, thái độ và hành vi của HS. Một môi trường giáo dục tích cực sẽ tạo điều kiện để HS được trải nghiệm, được khuyến khích tham gia, được tôn trọng và từng bước hình thành những hành vi tích cực.

Trước hết, môi trường tâm lý an toàn và thân thiện là nền tảng để HS mạnh dạn học tập và rèn luyện kĩ năng. GV cần xây dựng bầu không khí lớp học cởi mở, khuyến khích HS bày tỏ ý kiến, hợp tác với bạn bè và coi sai sót là cơ hội để học tập. Việc động viên, ghi nhận sự tiến bộ và tôn trọng sự khác biệt sẽ giúp HS phát triển sự tự tin, tinh thần trách nhiệm và khả năng hợp tác.

Bên cạnh đó, môi trường văn hóa nhà trường cần được xây dựng trên các giá trị như tôn trọng, nhân ái, trung thực, trách nhiệm và hợp tác. Những giá trị này cần được thể hiện nhất quán trong nội quy, quy tắc ứng xử và các hoạt động giáo dục, đồng thời được phản ánh qua hành vi, lời nói và cách ứng xử của cán bộ quản lí, GV và nhân viên nhà trường.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhà trường cũng cần quan tâm xây dựng môi trường số an toàn, lành mạnh, hướng dẫn HS sử dụng công nghệ đúng mục đích, bảo

vệ thông tin cá nhân, tuân thủ các quy tắc ứng xử trên không gian mạng và biết khai thác hiệu quả các nguồn học liệu số phục vụ học tập.

Cuối cùng, môi trường giáo dục tích cực chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi có sự thống nhất giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục sẽ tạo điều kiện để HS được rèn luyện các kĩ năng trong nhiều bối cảnh khác nhau, từ đó hình thành những thói quen và hành vi tích cực một cách tự nhiên, bền vững.

Xây dựng môi trường giáo dục tích cực vì vậy không chỉ là tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học mà còn là giải pháp quan trọng để phát triển phẩm chất, năng lực và kĩ năng của HS, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

3. VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ QUẢN LÍ, GIÁO VIÊN VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Môi trường giáo dục dù được thiết kế hoàn thiện hay chương trình tài liệu có phong phú đến đâu cũng chỉ có thể phát huy tối đa hiệu quả khi được vận hành bởi một đội ngũ nhân sự giáo dục tâm huyết, có năng lực chuyên môn và thấu hiểu tâm sinh lý HS. Đối với HS tiểu học – lứa tuổi đang trong giai đoạn đầu định hình nhân cách và các hành vi xã hội, cán bộ quản lí và GV không chỉ giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn mà còn là tấm gương sống động nhất về kĩ năng sống. Sự thành công của giáo dục kĩ năng phụ thuộc trực tiếp vào sự phân công trách nhiệm rõ ràng, tinh thần chủ động và sự phối hợp đồng bộ giữa Ban giám hiệu, GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội cùng sự gắn kết bền chặt với phụ huynh HS.

3.1. Vai trò của cán bộ quản lí

Cán bộ quản lí (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) giữ vai trò chỉ đạo chiến lược, kiến tạo môi trường, điều phối các nguồn lực và bảo đảm chất lượng toàn bộ hoạt động giáo dục kĩ năng trong nhà trường. Cán bộ quản lí là người đặt nền móng và định hướng cho việc đưa giáo dục kĩ năng thành một phần không thể tách rời trong kế hoạch phát triển nhà trường.

Cán bộ quản lí đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng tầm nhìn và lập kế hoạch chiến lược. Cán bộ quản lí chủ trì xây dựng kế hoạch giáo dục kĩ năng tích hợp toàn diện vào Kế hoạch giáo dục nhà trường ngay từ đầu năm học, xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra kĩ năng phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương và tâm sinh lý HS từng khối lớp. Chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát chương trình các môn học và hoạt động giáo dục để xây dựng địa chỉ tích hợp kĩ năng sống một cách tự nhiên, tránh khiên cưỡng.

Cán bộ quản lí đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo môi trường giáo dục và quản trị cơ sở vật chất. Cán bộ quản lí chỉ đạo xây dựng không gian nhà trường an toàn, xanh - sạch - đẹp - thân thiện, tạo điều kiện vật chất tối ưu cho HS trải nghiệm.

Huy động, phân bổ và quản lí hiệu quả các nguồn lực tài chính, trang thiết bị dạy học, góc trải nghiệm kĩ năng và học liệu phục vụ cho các hoạt động thực hành của HS.

Cán bộ quản lí đóng vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ. Cán bộ quản lí tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo chuyên đề về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, kỉ luật tích cực và tư vấn tâm lý học đường cho toàn thể GV và nhân viên trong trường. Khuyến khích, tạo điều kiện cho GV đổi mới hình thức tổ chức, áp dụng các phương pháp giáo dục kĩ năng tiên tiến như dự án, tranh biện, kịch tham gia, đóng vai.

Cán bộ quản lí đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm tra, đánh giá và định hướng phát triển. Thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện giáo dục kĩ năng của GV và sự tiến bộ của HS mang tính chất động viên, hướng dẫn thay vì kiểm tra mang tính hình thức, soi xét. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có giải pháp sáng tạo trong giáo dục kĩ năng; đồng thời tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực tế.

3.2. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm

Giáo viên chủ nhiệm là người đồng hành trực tiếp, gắn bó mật thiết và có ảnh hưởng sâu sắc nhất đến sự phát triển kĩ năng hằng ngày của HS tiểu học. GV chủ nhiệm đóng vai trò là nhà giáo dục tổng thể, vừa là người dạy học, người cố vấn tâm lý, người kiến tạo văn hóa lớp học, vừa là cầu nối quan trọng nhất giữa nhà trường và gia đình.

Giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế và tổ chức không gian lớp học tích cực. Trực tiếp xây dựng môi trường lớp học an toàn, ấm áp và giàu tính tương tác; tổ chức cho HS cùng thảo luận và xây dựng quy ước lớp học tích cực ngay từ đầu năm học. Lồng ghép giáo dục kĩ năng vào các tiết Sinh hoạt lớp, Sinh hoạt dưới cờ và Hoạt động trải nghiệm; đa dạng hóa các hình thức thực hành thông qua trò chơi, kể chuyện, xử lý tình huống, thảo luận nhóm.

Giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò quan trọng trong việc quan sát, nhận diện và đồng hành phát triển cá nhân HS. Quan sát tinh tế các biểu hiện hành vi, cảm xúc và mối quan hệ bạn bè của từng HS để kịp thời nhận diện những em còn rụt rè, thiếu tự tin, gặp khó khăn trong kiềm chế cảm xúc hoặc có nguy cơ bị cô lập, bắt nạt. GV chủ nhiệm xây dựng lộ trình hỗ trợ cá nhân hóa, áp dụng kỉ luật tích cực để giúp HS nhận thức ra sai sót, học cách lắng nghe, sửa chữa và từng bước tự lập, chủ động trong sinh hoạt.

Giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức bộ máy tự quản và duy trì nếp sống kỉ luật tự giác. GV chủ nhiệm hướng dẫn HS thành lập và vận hành Hội đồng tự quản lớp học; giao quyền vàluân phiênphân công nhiệm vụ phù hợp để 100% HS đều có cơ hội thực hành kĩ năng quản lí, kĩ năng ra quyết định và tinh thầntrách nhiệm. Duy trìthường xuyên các hoạt động kết nối cảm xúc đầu giờ/cuối

ngày, giúp HS học cách gọi tên cảm xúc, rèn luyện thói quen tự phục vụ và giữ gìn vệ sinh chung.

Giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò quan trọng trong việc là tấm gương chuẩn mực về hành vi và thái độ tích cực,thể hiện sự tôn trọng, công bằng và yêu thương với tất cả HS; sử dụng ngôn từ tích cực, chuẩn mực trong giao tiếp. Điềm tĩnh giải quyết các mâu thuẫn trong lớp học, thể hiện lòng thấu hiểu và lắng nghe, giúp HS noi theo cách ứng xử văn minh trước các tình huống bất đồng.

3.3. Vai trò của giáo viên bộ môn và Tổng phụ trách Đội

Để việc giáo dục kĩ năng diễn ra đồng bộ, không ngắt quãng, sự đóng góp của đội ngũ GV bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Tin học, Tiếng Anh...) và Tổng phụ trách Đội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Đây là những lực lượng giúp HS mở rộng không gian thực hành kĩ năng qua các đặc thù môn học và hoạt động tập thể.

Vai trò của GV bộ môn: Tích hợp kĩ năng qua đặc thù môn học, khai thác tối đa thế mạnh của môn học để rèn luyện kĩ năng tương ứng cho HS. Ví dụ, Môn Thể dục rèn kĩ năng vận động, tính kiên trì, tinh thần đồng đội, Môn Mỹ thuật/Âm nhạc rèn kĩ năng bộc lộ cảm xúc, sáng tạo, Môn Tin học rèn kĩ năng an toàn trên môi trường số. Đồng bộ hóa chuẩn mực ứng xử. Tuân thủ thống nhất các nguyên tắc kỉ luật tích cực và bộ quy tắc ứng xử của nhà trường; không tạo áp lực nặng nề về thành tích môn học làm ảnh hưởng đến tâm lý HS. Phối hợp phản hồi với GV chủ nhiệm kịp thời trao đổi về những biểu hiện bất thường hoặc những năng khiếu, sự tiến bộ vượt bậc của HS trong các giờ học chuyên biệt để cùng có giải pháp thúc đẩy phù hợp.

Vai trò của Tổng phụ trách Đội: Thiết kế các chương trình, phong trào quy mô toàn trường. Chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dưới cờ, lễ hội, các phong trào thi đua giàu tính giáo dục kĩ năng. Tổ chức không gian trải nghiệm và rèn luyện kĩ năng tập thể; Thiết kế các hội thi, chương trình dã ngoại, sinh hoạt chuyên đề giúp HS được đắm mình vào các hoạt động quy mô lớn.

3.4. Vai trò của cha mẹ học sinh

Giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học chỉ thực sự thành công khi có sự nối dài từ nhà trường về đến gia đình. Phụ huynh HS vừa là đối tác bình đẳng, vừa là lực lượng đồng hành không thể thiếu trong việc củng cố, duy trì và phát triển các kĩ năng sống mà HS đã được học ở trường.

Cha mẹ là những người giáo dục kĩ năng sống gần gũi và thường xuyên nhất đối với HS. Gia đình là môi trường đầu tiên và có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành thói quen, hành vi, cách ứng xử và những giá trị của trẻ. Thông qua cách giao tiếp, ứng xử và tổ chức cuộc sống hằng ngày, cha mẹ tạo cho HS những cơ hội tự nhiên để hình thành và rèn luyện các kĩ năng như tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác, quản lí cảm xúc, giải quyết vấn đề, bảo vệ bản thân và thực hiện trách nhiệm. Vì vậy, giáo dục

kĩ năng sống không chỉ diễn ra trong các hoạt động do nhà trường tổ chức mà cần được tiếp tục và củng cố trong gia đình.

Cha mẹ là tấm gương để HS quan sát và học tập. Ở lứa tuổi tiểu học, HS tiếp thu nhiều hành vi thông qua quan sát và bắt chước người lớn. Cách cha mẹ lắng nghe con, giải quyết bất đồng, kiểm soát cảm xúc, thực hiện lời hứa, ứng xử với người khác, sử dụng thiết bị số hay xử lí những tình huống trong cuộc sống đều có thể trở thành những bài học thực tế đối với trẻ. Do đó, cha mẹ cần thể hiện những hành vi tích cực, phù hợp với các kĩ năng và giá trị mà nhà trường đang giáo dục; hạn chế việc chỉ yêu cầu trẻ thực hiện những điều mà người lớn chưa làm gương.

Cha mẹ cần tạo cơ hội để HS được thực hành kĩ năng trong cuộc sống hằng ngày. Kĩ năng chỉ được hình thành bền vững khi HS có cơ hội thực hiện nhiều lần trong những tình huống thực tế. Cha mẹ có thể giao cho con những nhiệm vụ phù hợp với lứa tuổi như tự chuẩn bị đồ dùng học tập, sắp xếp góc học tập, chăm sóc bản thân, làm một số việc nhà, quản lí một khoản tiền nhỏ, tham gia công việc gia đình, giải quyết những vấn đề đơn giản hoặc cùng gia đình thực hiện các hoạt động cộng đồng. Thay vì làm thay hoặc quyết định thay, cha mẹ nên hướng dẫn, đặt câu hỏi, khuyến khích con tự lựa chọn và hỗ trợ khi cần thiết để trẻ từng bước hình thành tính tự lập và trách nhiệm.

Cha mẹ cần đồng hành và hỗ trợ HS về cảm xúc, các mối quan hệ và những khó khăn trong cuộc sống. Ở lứa tuổi tiểu học, HS có thể gặp những khó khăn trong học tập, quan hệ bạn bè, kiểm soát cảm xúc hoặc thích nghi với những thay đổi. Cha mẹ cần dành thời gian lắng nghe, quan tâm đến cảm xúc và những điều trẻ đang trải qua; khuyến khích trẻ chia sẻ thay vì chỉ tập trung vào kết quả hoặc trách phạt khi trẻ mắc lỗi. Khi trẻ gặp vấn đề, cha mẹ nên cùng con xác định vấn đề, xem xét các cách giải quyết và hướng dẫn con lựa chọn cách ứng xử phù hợp. Cách đồng hành này giúp HS cảm thấy an toàn, đồng thời từng bước phát triển khả năng tự nhận thức, quản lí cảm xúc và giải quyết vấn đề.

Cha mẹ có vai trò quan trọng trong giáo dục HS biết tự bảo vệ bản thân, đặc biệt trong môi trường số và trước các nguy cơ trong cuộc sống. Cha mẹ cần hướng dẫn con nhận biết những tình huống không an toàn, biết nói "không", biết rời khỏi tình huống nguy hiểm và tìm kiếm sự hỗ trợ từ người đáng tin cậy. Trong môi trường số, cha mẹ cần cùng con xây dựng thói quen sử dụng thiết bị phù hợp, bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện nội dung và mối quan hệ có nguy cơ, đồng thời ứng xử có trách nhiệm. Việc hướng dẫn cần được thực hiện bằng trao đổi, thực hành và thống nhất nguyên tắc, thay vì chỉ kiểm soát hoặc cấm đoán.

Cha mẹ cần phối hợp thường xuyên với GV và nhà trường. Sự thống nhất giữa gia đình và nhà trường giúp HS nhận được những thông điệp giáo dục nhất quán và có nhiều cơ hội thực hành kĩ năng trong các môi trường khác nhau. Cha mẹ cần trao đổi

với GV về những biểu hiện, khó khăn hoặc thay đổi của con; nắm được những kĩ năng nhà trường đang tập trung giáo dục và tiếp tục tạo cơ hội để con thực hành tại nhà. Khi HS có khó khăn cần được hỗ trợ, cha mẹ và GV nên cùng trao đổi, xác định nguyên nhân, thống nhất cách hỗ trợ và theo dõi sự tiến bộ của trẻ.

Trong giáo dục kĩ năng sống, cha mẹ cần tôn trọng sự khác biệt và mức độ phát triển của từng HS. Mỗi trẻ có đặc điểm, khả năng, hoàn cảnh gia đình và tốc độ phát triển khác nhau. Vì vậy, cha mẹ không nên so sánh con với anh chị em hoặc bạn bè mà cần xác định những yêu cầu phù hợp với lứa tuổi và khả năng của con, ghi nhận sự tiến bộ từng bước và khuyến khích trẻ cố gắng. Sự động viên, tin tưởng và trao quyền phù hợp của cha mẹ sẽ giúp HS mạnh dạn trải nghiệm, chấp nhận sai sót và từng bước hoàn thiện kĩ năng.

PHẦN II
NỘI DUNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1. TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI CÁC NHÓM KĨ NĂNG

Việc phân chia các kĩ năng giáo dục cho HS tiểu học thành các nhóm nhằm hệ thống hóa những kĩ năng cần hình thành và phát triển cho HS, tạo thuận lợi cho GV trong việc lựa chọn nội dung, thiết kế hoạt động giáo dục, tổ chức thực hành và theo dõi sự tiến bộ của HS. Các nhóm kĩ năng được xác định trên cơ sở xem xét chức năng, mục đích của kĩ năng; đối tượng hoặc hướng tác động chính; bối cảnh thực hành; dạng hành động, biểu hiện chủ yếu của HS; đồng thời bảo đảm sự tương đồng trong mỗi nhóm và khả năng phân biệt tương đối giữa các nhóm. Năm tiêu chí này có mối quan hệ bổ trợ, cần được xem xét trong tổng thể để hình thành một khung phân loại phù hợp với mục tiêu giáo dục kĩ năng và điều kiện tổ chức thực hiện trong trường tiểu học.

1.1. Theo chức năng và mục đích của kĩ năng

Đây là tiêu chí cơ bản để phân chia các kĩ năng thành những nhóm có chức năng gần nhau và cùng hướng tới một mục đích giáo dục chủ yếu. Mỗi kĩ năng giúp HS thực hiện một hoặc một số hành động nhất định trong học tập, sinh hoạt và các mối quan hệ xã hội. Khi xem xét chức năng và mục đích trực tiếp của kĩ năng, có thể xác định những kĩ năng cùng hướng đến việc tự lập, tự quản; tương tác với người khác; nhận thức và điều chỉnh bản thân; bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn; tham gia môi trường số; hoặc tư duy, lựa chọn và giải quyết vấn đề.

Theo tiêu chí này, nhóm *kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân* tập hợp những kĩ năng hướng đến khả năng chủ động thực hiện các công việc cá nhân, tổ chức hoạt động và quản lí bản thân trong cuộc sống hằng ngày. Nhóm *kĩ năng giao tiếp và hợp tác* gồm những kĩ năng giúp HS trao đổi, tương tác, phối hợp và xây dựng các mối quan hệ tích cực với người khác. Nhóm *kĩ năng tự nhận thức và quản lí cảm xúc* tập trung vào việc nhận biết bản thân, nhận diện và điều chỉnh cảm xúc, thể hiện sự tự tin và ứng phó với căng thẳng phù hợp với lứa tuổi.

Tương tự, nhóm *kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn* hướng đến việc giúp HS nhận diện nguy cơ, phòng tránh rủi ro, ứng phó với tình huống nguy hiểm và chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết. Nhóm *kĩ năng tham gia môi trường số an toàn* tập hợp những kĩ năng phục vụ việc sử dụng thiết bị, bảo vệ thông tin, nhận diện nguy cơ, tìm kiếm và kiểm chứng thông tin, ứng xử và sử dụng công nghệ số có trách nhiệm. Nhóm *kĩ năng tư duy và ra quyết định* bao gồm những kĩ năng giúp HS phân tích thông tin, xem xét các phương án, đưa ra lựa chọn và giải quyết vấn đề. Việc xem xét chức năng và mục đích giúp xác định trọng tâm của từng nhóm, hạn chế tình trạng phân chia chỉ dựa trên tên gọi hoặc hình thức biểu hiện của kĩ năng.

1.2. Theo đối tượng hoặc hướng tác động chính của kĩ năng

Tiêu chí này xem xét đối tượng hoặc phương diện mà kĩ năng chủ yếu hướng đến. Trong quá trình học tập và sinh hoạt, HS cần vận dụng kĩ năng để quản lí bản thân, tương tác với người khác, nhận thức và điều chỉnh đời sống tâm lí, bảo vệ sự an toàn của bản thân, tham gia môi trường số và giải quyết những vấn đề, tình huống phát sinh. Việc xác định hướng tác động chính góp phần làm rõ trọng tâm của mỗi nhóm kĩ năng và mối liên hệ giữa kĩ năng với những phương diện phát triển của HS. Cụ thể:

- Nhóm *kĩ* năng *tự phục vụ và quản lí bản thân* hướng đến việc quản lí hoạt động và các công việc của chính HS;

- Nhóm *kĩ năng giao tiếp và hợp tác* hướng đến mối quan hệ, sự tương tác giữa HS với bạn bè, thầy cô và những người xung quanh.

- Nhóm *kĩ năng tự nhận thức và quản lí cảm xúc* tập trung vào đời sống tâm lí cá nhân, bao gồm nhận thức về bản thân và khả năng điều chỉnh cảm xúc, hành vi.

- Nhóm *kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn* hướng đến việc duy trì sự an toàn, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của HS trước các nguy cơ, tình huống bất lợi.

- Nhóm *kĩ năng tham gia môi trường số an toàn* hướng đến cách thức HS sử dụng, tương tác và tự bảo vệ mình trong không gian số.

- Nhóm *kĩ năng tư duy và ra quyết định* hướng đến việc nhận thức, phân tích và xử lí các vấn đề trong học tập, sinh hoạt và cuộc sống.

Đối tượng hoặc hướng tác động chính không có nghĩa là mỗi kĩ năng chỉ liên quan đến một phương diện duy nhất. Chẳng hạn, kĩ năng từ chối vừa giúp HS bảo vệ bản thân, vừa liên quan đến giao tiếp và thiết lập ranh giới trong quan hệ với người khác. Vì vậy, tiêu chí này được sử dụng để xác định phương diện trọng tâm của kĩ năng, chứ không nhằm loại trừ những tác động hoặc ý nghĩa khác của kĩ năng đó.

1.3. Theo bối cảnh thực hành chủ yếu

Kĩ năng chỉ thực sự có ý nghĩa khi HS biết vận dụng vào những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống. Do đó, bối cảnh thực hành là một tiêu chí quan trọng để phân nhóm, giúp gắn nội dung giáo dục với những tình huống mà HS thường gặp, đồng thời hỗ trợ GV lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phù hợp.

Theo tiêu chí này, các kĩ năng được xem xét trong những bối cảnh thực hành chủ yếu như: sinh hoạt cá nhân và gia đình; quan hệ với bạn bè, thầy cô và những người xung quanh; đời sống tâm lí cá nhân; các tình huống có nguy cơ mất an toàn; không gian số; và hoạt động học tập, giải quyết vấn đề trong cuộc sống. Chẳng hạn, các kĩ năng vệ sinh cá nhân, sắp xếp đồ dùng và quản lí thời gian thường được thực hành trong sinh hoạt hằng ngày. Kĩ năng giao tiếp, hợp tác, chia sẻ và giải quyết mâu thuẫn được vận dụng chủ yếu trong những mối quan hệ và hoạt động chung. Kĩ năng

nhận diện, quản lí cảm xúc được rèn luyện trong nhiều tình huống có tác động đến tâm lí cá nhân, còn các kĩ năng phòng tránh tai nạn, ứng phó với tình huống nguy hiểm được thực hành thông qua những tình huống liên quan đến an toàn.

Đối với môi trường số, HS cần có cơ hội thực hành các kĩ năng bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện nguy cơ, kiểm chứng thông tin và ứng xử phù hợp khi sử dụng các nền tảng, thiết bị số. Trong học tập và giải quyết vấn đề, HS có thể vận dụng kĩ năng tư duy phản biện, ra quyết định và giải quyết vấn đề để xem xét thông tin, lựa chọn phương án và xử lí những tình huống phù hợp với lứa tuổi. Việc xác định bối cảnh thực hành chủ yếu giúp GVchuyển các yêu cầu giáo dục từ mức độ nhận biết sang thực hành, trải nghiệm và vận dụng; tuy nhiên, cần lưu ý rằng một kĩ năng có thể được rèn luyện trong nhiều bối cảnh khác nhau.

1.4. Theo dạng hành động hoặc biểu hiện chủ yếu của học sinh

Tiêu chí này tập trung vào những hành động và biểu hiện có thể quan sát được khi HS vận dụng kĩ năng. Đây là căn cứ quan trọng để chuyển các nội dung giáo dục thành nhiệm vụ thực hành cụ thể, thiết kế hoạt động học tập phù hợp và nhận xét sự tiến bộ của HS. Thay vì chỉ xác định HS cần biết điều gì, GV cần quan tâm đến việc HS có thể thực hiện hành động nào, thực hiện ra sao và có biết vận dụng trong tình huống phù hợp hay không. Theo đó:

- Nhóm *kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân* chủ yếu gắn với các hành động tự làm, tự sắp xếp, tự quản lí và chủ động thực hiện công việc cá nhân.

- Nhóm *kĩ năng giao tiếp và hợp tác* thể hiện qua những hành động trao đổi, lắng nghe, phối hợp, tương tác, chia sẻ và cùng giải quyết công việc.

- Nhóm *kĩ năng tự nhận thức và quản lí cảm xúc* thể hiện qua khả năng nhận biết, thể hiện và điều chỉnh bản thân, cảm xúc và hành vi phù hợp với hoàn cảnh.

- Nóm *kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn*, các hành động đặc trưng gồm nhận diện nguy cơ, phòng tránh, từ chối hành vi không phù hợp, ứng phó với tình huống nguy hiểm và tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.

- Nhóm *kĩ năng tham gia môi trường số an toàn* thể hiện qua việc sử dụng thiết bị và công nghệ phù hợp, bảo vệ thông tin cá nhân, kiểm chứng thông tin, giao tiếp và ứng xử có trách nhiệm trong môi trường số.

- Nhóm *kĩ năng tư duy và ra quyết định* chủ yếu gắn với các hành động phân tích, xem xét thông tin, cân nhắc phương án, lựa chọn và giải quyết vấn đề.

Việc phân nhóm theo dạng hành động, biểu hiện chủ yếu giúp GV xác định được những biểu hiện cần quan sát trong quá trình tổ chức hoạt động, từ đó xây dựng tiêu chí nhận xét và đánh giá phù hợp. Tuy vậy, không nên đồng nhất một hành động riêng lẻ với một kĩ năng hay một nhóm kĩ năng, bởi cùng một hành động có thể được

huy động trong những tình huống và mục đích khác nhau. Vì vậy, cần xem xét hành động trong mối liên hệ với chức năng, mục đích và bối cảnh vận dụng của kĩ năng.

1.5. Theo mức độ tương đồng và khả năng phân biệt giữa các nhóm

Bên cạnh việc xác định chức năng, đối tượng, bối cảnh và dạng hành động chủ yếu, việc phân chia các nhóm kĩ năng cần bảo đảm mức độ tương đồng tương đối giữa các kĩ năng trong cùng nhóm và khả năng phân biệt giữa các nhóm. Những kĩ năng được xếp vào cùng một nhóm cần có điểm chung về chức năng, mục đích hoặc hướng tác động chủ yếu, qua đó tạo thành một tập hợp có ý nghĩa đối với việc tổ chức giáo dục. Đồng thời, mỗi nhóm cần có trọng tâm tương đối rõ để GV thuận lợi trong việc lựa chọn nội dung, thiết kế hoạt động và theo dõi kết quả giáo dục.

Chẳng hạn, kĩ năng quản lí thời gian và kĩ năng xây dựng, duy trì thói quen tích cực có những biểu hiện khác nhau nhưng cùng hướng đến khả năng tự quản và tổ chức hoạt động cá nhân, nên được xếp vào nhóm kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân. Kĩ năng hợp tác nhóm và kĩ năng giải quyết mâu thuẫn đơn giản cùng liên quan đến việc tương tác, phối hợp và xử lí các vấn đề trong quan hệ với người khác, nên được xếp vào nhóm kĩ năng giao tiếp và hợp tác. Tương tự, kĩ năng bảo vệ thông tin cá nhân, kĩ năng tìm kiếm và kiểm chứng thông tin số, kĩ năng ứng xử văn minh trên môi trường số có những nội dung riêng nhưng cùng gắn với việc tham gia và hành động có trách nhiệm trong không gian số.

Tuy nhiên, các nhóm kĩ năng không hoàn toàn độc lập hay có ranh giới tuyệt đối. Một số kĩ năng có thể liên quan đến nhiều nhóm, tùy thuộc vào mục đích và bối cảnh giáo dục. Ví dụ, kĩ năng từ chối vừa góp phần bảo vệ bản thân, vừa đòi hỏi HS vận dụng cách giao tiếp phù hợp; kĩ năng giải quyết vấn đề có thể được thực hiện trong học tập, trong quan hệ với bạn bè hoặc khi ứng phó với những tình huống mất an toàn. Trong trường hợp này, việc xếp một kĩ năng vào nhóm nào cần căn cứ vào chức năng và mục đích giáo dục trọng tâm của kĩ năng đó trong tài liệu.

Như vậy, năm tiêu chí trên được sử dụng kết hợp để hình thành khung phân chia sáu nhóm kĩ năng: (1) Tự phục vụ và quản lí bản thân; (2) Giao tiếp và hợp tác; (3) Tự nhận thức và quản lí cảm xúc; (4) Bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn; (5) Tham gia môi trường số an toàn; (6) Tư duy và ra quyết định. Đây là khung phân loại phục vụ việc hệ thống hóa nội dung và tổ chức giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học, không phải hệ thống phân loại có tính ranh giới tuyệt đối. Trong quá trình vận dụng, GV cần căn cứ vào mục tiêu giáo dục, đặc điểm HS và tình huống thực tiễn để lựa chọn, phối hợp các kĩ năng phù hợp, bảo đảm tính liên kết, thiết thực và hiệu quả của hoạt động giáo dục.

2. CÁC NHÓM KĨ NĂNG CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

2.1. Giáo dục kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân

2.1.1. Kĩ năng vệ sinh cá nhân

Kĩ năng vệ sinh cá nhân là khả năng của HS trong việc thực hiện các việc chăm sóc, giữ gìn sạch sẽ cơ thể, quần áo và không gian sinh hoạt của bản thân một cách chủ động, đúng cách và trở thành thói quen. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu hình thành ý thức tự chăm sóc bản thân, biết thực hiện các việc làm vệ sinh cơ bản phù hợp với lứa tuổi như rửa tay, đánh răng, tắm gội, giữ gìn quần áo, đầu tóc gọn gàng sạch sẽ; …qua đó góp phần bảo vệ sức khỏe, phòng tránh bệnh tật và hình thành nếp sống khoa học, nền nếp.

Giáo dục kĩ năng vệ sinh cá nhân giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc giữ gìn vệ sinh đối với sức khỏe của bản thân và cộng đồng, không chỉ dừng lại ở việc thực hiện theo yêu cầu, nhắc nhở của người lớn mà từng bước hình thành thái độ tự giác, chủ động.

Biểu hiện

- Nhận biết và thực hiện đúng trình tự các thao tác vệ sinh cá nhân cơ bản như rửa tay bằng xà phòng tại 5 thời điểm quan trọng, đánh răng đúng cách, tắm gội, thay quần áo sạch sẽ hằng ngày…

- Giữ gìn đầu tóc, móng tay, móng chân gọn gàng, sạch sẽ; mặc trang phục phù hợp, gọn gàng phù hợp với bối cảnh, thời tiết.

- Chủ động thực hiện vệ sinh cá nhân mà không cần nhắc nhở, hình thành được thói quen vệ sinh hàng ngày.

- Liên hệ được giữa việc giữ gìn vệ sinh cá nhân với việc phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe của bản thân và những người xung quanh.

2.1.2. Kĩ năng sắp xếp đồ dùng học tập và đồ dùng cá nhân

Kĩ năng sắp xếp đồ dùng học tập và đồ dùng cá nhân là khả năng của HS trong việc phân loại, lựa chọn vị trí và bố trí các vật dụng phục vụ học tập, sinh hoạt cá nhân một cách gọn gàng, khoa học, hợp lí và duy trì điều đó thường xuyên và trở thành thói quen. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu hình thành tính tự lập, ý thức trách nhiệm đối với tài sản của bản thân và môi trường sống xung quanh.

Giáo dục kĩ năng này giúp HS nhận thức được giá trị của sự ngăn nắp, từ bỏ lối sống bừa bãi, cẩu thả, từng bước chuyển từ việc thực hiện dưới sự nhắc nhở của phụ huynh, thầy cô sang chủ động, tự giác duy trì nề nếp hàng ngày.

Biểu hiện

- Nhận biết, phân loại và chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập, sách vở theo thời khóa biểu trước khi đến lớp và trước khi về nhà.

- Phân chia, cất giữ và bảo quản đồ dùng cá nhân như quần áo, giày dép, mũ bảo hiểm, cặp sách, bình nước...đúng nơi quy định tại trường học và ở nhà.

- Sắp xếp góc học tập, bàn học, ngăn bàn, ngăn tủ ngăn nắp, khoa học, thuận tiện cho việc tìm kiếm và sử dụng khi cần thiết.

- Chủ động dọn dẹp, kiểm tra, duy trì sự gọn gàng của không gian học tập và sinh hoạt cá nhân mà không cần nhắc nhở, hình thành được thói quen ngăn nắp hằng ngày.

- Bảo quản đồ dùng học tập và đồ dùng cá nhân cẩn thận, tránh làm hư hỏng, thất lạc; sử dụng đúng mục đích và giữ gìn để dùng được lâu dài.

- Liên hệ được giữa việc sắp xếp đồ dùng gọn gàng, khoa học với việc tiết kiệm thời gian tìm kiếm, chuẩn bị cho học tập và sinh hoạt hằng ngày.

- Áp dụng kĩ năng sắp xếp cá nhân vào việc giữ gìn vệ sinh, trật tự chung của lớp học, nhà trường và gia đình; biết chia sẻ, nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.

2.1.3. Kĩ năng tự phục vụ trong sinh hoạt hằng ngày

Kĩ năng tự phục vụ trong sinh hoạt hằng ngày là khả năng của HS trong việc tự thực hiện những công việc cá nhân và sinh hoạt thường ngày phù hợp với lứa tuổi mà không cần sự trợ giúp của người lớn. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu hình thành tính tự lập, biết tự chuẩn bị đồ dùng học tập, ăn uống, mặc quần áo, thu dọn góc học tập…, phụ giúp một số việc nhà phù hợp với khả năng; qua đó góp phần rèn luyện tính chủ động, trách nhiệm và sự tự tin trong cuộc sống.

Giáo dục kĩ năng tự phục vụ trong sinh hoạt hằng ngày giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc tự làm những việc trong khả năng của bản thân đối với sự trưởng thành và tính tự lập, không chỉ dừng lại ở việc thực hiện theo yêu cầu, nhắc nhở của người lớn mà từng bước trở thành sự tự giác, chủ động.

Biểu hiện

- Nhận biết và tự thực hiện được những việc tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày như tự lấy nước uống, thu dọn khu vực ăn uống sau khi ăn xong, tự mặc/thay quần áo, gấp quần áo, đi giày dép, buộc dây giày, quàng khăn đỏ… tự chuẩn bị cặp sách, đồ dùng học tập,…

- Thực hiện được một số công việc nhà và công việc tập thể vừa sức để tự phục vụ và hỗ trợ người xung quanhnhưgấp chăn màn, quét nhà, lau bàn ghế, nhặt rau, dọn dẹp sau giờ ra chơi/ăn bán trú…

- Biết tự sắp xếp thời gian để hoàn thành các công việc cá nhân trong sinh hoạt hằng ngày mà không không cần nhắc nhở.

Ý thức được vai trò của tính tự lập, chủ động tìm kiếm giải pháp hoặc sự hỗ trợ phù hợp khi gặp khó khăn trong quá trình tự phục vụ bản thân.

2.1.4. Kĩ năng quản lí thời gian

Kĩ năng quản lí thời gian là khả năng của HS trong việc nhận biết, sắp xếp và sử dụng thời gian một cách hợp lý cho các hoạt động học tập, sinh hoạt và vui chơi hằng ngày. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu hình thành thói quen thực hiện công việc theo đúng thời gian biểu, biết phân bổ thời gian cho việc học, việc nhà, nghỉ ngơi và vui chơi một cách cân đối; biết chủ động lập kế hoạch cá nhân, phân biệt được những việc ưu tiên và hoàn thành công việc đúng thời gian, qua đó góp phần rèn luyện tính kỷ luật, chủ động và nâng cao hiệu quả học tập, sinh hoạt.

Giáo dục kĩ năng quản lí thời gian giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng thời gian hợp lý đối với kết quả học tập và chất lượng cuộc sống, không chỉ dừng lại ở việc thực hiện theo yêu cầu, nhắc nhở của người lớn mà từng bước trở thành sự tự giác, chủ động.

Biểu hiện

- Nhận biết và phân biệt được các khoảng thời gian trong ngày (sáng, trưa, chiều, tối), ước lượng được thời gian cần thiết để hoàn thành một số hoạt động cá nhân đơn giản.

- Xây dựng và thực hiện thời gian biểu cá nhân hợp lý cho các hoạt động học tập, vui chơi, nghỉ ngơi và sinh hoạt gia đình phù hợp.

- Xác định và thực hiện được các công việc quan trọng, cần thiết trước như hoàn thành bài tập về nhà, chuẩn bị sách vở, thể dục thể thao… trước các hoạt động giải trí như xem tivi, chơi trò chơi...

- Tự giác hoàn thành các công việc cá nhân đúng thời hạn đã đề ra mà không cần sự nhắc nhở thường xuyên từ người lớn; biết tập trung trong giờ học và giờ làm việc cá nhân để tránh lãng phí thời gian.

- Biết chủ động điều chỉnh lịch trình hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ phù hợp từ người lớn khi có việc bất ngờ làm ảnh hưởng đến thời gian biểu đã đề ra.

- Ý thức được giá trị của thời gian, thể hiện thái độ trân trọng thời gian của bản thân và tôn trọng thời gian của người khác như đi học đúng giờ, đúng hẹn khi tham gia các hoạt động tập thể.

2.1.5. Kĩ năng hình thành thói quen tích cực

Kĩ năng hình thành thói quen tích cực là khả năng của HS trong việc nhận thức, lựa chọn và duy trì lặp đi lặp lại các hành vi, thái độ có lợi cho sự phát triển thể chất, tinh thần và trí tuệ trong cuộc sống hằng ngày. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu hình thành những thói quen tốt trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp như đọc sách, tập thể dục, giữ gìn vệ sinh, lễ phép với người lớn, tuân thủ nội quy,…; qua đó góp phần rèn luyện tính kỷ luật, ý chí và định hình nhân cách ngay từ những năm đầu đời.

Giáo dục kĩ năng hình thành thói quen tích cực giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc duy trì đều đặn những hành vi có lợi đối với sự phát triển bản thân.

Biểu hiện

- Nhận biết và phân biệt được các thói quen tích cực như đọc sách, tập thể dục, giữ vệ sinh, nói lời cảm ơn/xin lỗi…và thói quen chưa tích cực như thức khuya, xem tivi quá nhiều, vứt rác bừa bãi...

- Thực hiện đều đặn những việc làm có lợi cho bản thân trong sinh hoạt và học tập hàng ngày như dậy sớm, tập thể dục, duy trì thói quen đọc sách, tự học bài, vệ sinh cá nhân, chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, giữ lời hứa... không cần người lớn nhắc nhở.

- Theo dõi, đánh giá được kết quả rèn luyện của bản thân; kiên trì vượt qua những cản trở nhỏ như sự lười biếng, xao nhãng… để duy trì chuỗi thói quen tích cực đã đề ra.

- Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ, động viên từ gia đình, thầy cô khi gặp khó khăn trong quá trình rèn luyện thói quen tích cực.

2.2. Giáo dục kĩ năng giao tiếp và hợp tác

2.2.1. Kĩ năng giao tiếp cơ bản

Kĩ năng giao tiếp cơ bản là khả năng của HS trong việc sử dụng lời nói, cử chỉ, ánh mắt và thái độ phù hợp để trao đổi thông tin, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc với người khác trong các tình huống giao tiếp hằng ngày. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu biết chào hỏi, xưng hô, lắng nghe, trình bày ý kiến rõ ràng, mạch lạc và ứng xử phù hợp với người thân, thầy cô, bạn bè; qua đó góp phần xây dựng các mối quan hệ tích cực và tạo nền tảng cho sự phát triển các kĩ năng xã hội sau này.

Giáo dục kĩ năng giao tiếp cơ bản giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc giao tiếp đúng mực đối với việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh, đồng thời, giúp HS tự tin bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân và biết lắng nghe, thấu hiểu người khác trong quá trình giao tiếp, qua đó dần hình thành nền tảng ứng xử văn minh, lịch sự.

Biểu hiện

- Nhận biết và sử dụng được các lời chào hỏi, lễ phép, lời cảm ơn, xin lỗi, xưng hô phù hợp với độ tuổi, đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

- Biết lắng nghe tích cực khi người khác đang nói như nhìn vào người đối thoại, không ngắt lời, thể hiện sự chú ý qua nét mặt, ánh mắt hoặc gật đầu đồng tán thành thể hiện tự tôn trọng trong giao tiếp.

- Bày tỏ rõ ràng, mạch lạc suy nghĩ, mong muốn của bản thân bằng lời nói kết hợp với cử chỉ, điệu bộ phù hợp.

- Đặt câu hỏi và phản hồi lịch sự, đúng lúc khi chưa hiểu hoặc muốn tìm hiểu thêm thông tin trong khi giao tiếp.

- Thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt, biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực và không dùng lời nói làm tổn thương người khác khi xuất hiện bất đồng ý kiến trong giao tiếp.

2.2.2. Kĩ năng hợp tác nhóm

Kĩ năng hợp tác nhóm là khả năng của HS trong việc cùng tham gia, phối hợp với bạn bè để thực hiện một nhiệm vụ, hoạt động chung nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu biết phân công công việc, lắng nghe ý kiến của bạn, chia sẻ nhiệm vụ và cùng nhau hoàn thành công việc trong các hoạt động học tập, vui chơi tập thể; qua đó góp phần rèn luyện tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và khả năng làm việc cùng người khác.

Giáo dục kĩ năng hợp tác nhóm giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc phối hợp cùng bạn bè đối với việc hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ chung so với khi làm việc một mình. Đồng thời, giúp HS biết tôn trọng ý kiến khác biệt, học cách chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Qua đó, HS dần hình thành tinh thần trách nhiệm với công việc chung và khả năng gắn kết với tập thể.

Biểu hiện

- Nhận biết được mục tiêu chung của nhóm; hiểu và thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ được phân công khi tham gia hoạt động nhóm.

- Chủ động tham gia đóng góp ý kiến, chia sẻ ý tưởng và tài liệu học tập để hoàn thành nhiệm vụ chung, không ỷ lại hoặc tránh né công việc.

- Lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác; biết thảo luận ôn hòa và chấp nhận sự khác biệt hoặc quyết định chung của đa số.

- Sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ bạn bè trong nhóm khi gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ

- Biết cùng nhóm nhìn nhận, rút kinh nghiệm sau khi kết thúc nhiệm vụ, thể hiện thái độ tôn trọng, chúc mừng thành công chung và biết chia sẻ trách nhiệm khi kết quả chưa đạt như mong muốn.

2.2.3. Kĩ năng chia sẻ và hỗ trợ bạn bè

- Kĩ năng chia sẻ và hỗ trợ bạn bè là khả năng của HS trong việc quan tâm, giúp đỡ và sẻ chia với bạn bè về vật chất, tinh thần trong học tập và sinh hoạt. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu biết quan tâm đến cảm xúc, hoàn cảnh của bạn, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn; qua đó góp phần xây dựng tình bạn tốt đẹp và môi trường lớp học đoàn kết, thân thiện.

Giáo dục kĩ năng chia sẻ và hỗ trợ bạn bè giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc quan tâm, giúp đỡ người khác, biết đặt mình vào hoàn cảnh của bạn để thấu hiểu và sẻ

chia khi bạn gặp khó khăn, dần hình thành lòng nhân ái, quan tâm và tinh thần gắn kết cộng đồng.

Biểu hiện

- Nhận biết được hoàn cảnh, nhu cầu, cảm xúc của bạn bè xung quanh khi bạn gặp khó khăn, buồn phiền hoặc cần sự trợ giúp.

- Chủ động đề nghị và thực hiện các hành động giúp đỡ bạn bè vừa sức như hướng dẫn bạn học bài, chăm sóc bạn khi bạn bị mệt hay ngã…

- Biết lắng nghe, gửi lời động viên, an ủi chân thành khi bạn bè gặp chuyện buồn hoặc cùng vui mừng, chúc mừng trước thành công của bạn.

- Biết tôn trọng giới hạn cá nhân, hỏi ý kiến bạn trước khi chia sẻ và không áp đặt sự giúp đỡ khi bạn chưa sẵn sàng tiếp nhận.

- Tích cực tham gia vào các hành động chia sẻ, hỗ trợ bạn bè xung quanh và rộng hơn đến bạn bè trong cộng đồng thông qua các phong trào quyên góp, từ thiện do trường, Đội phát động.

2.2.4. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn đơn giản

Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn đơn giản là khả năng của HS trong việc nhận biết các bất đồng, xung đột nhỏ phát sinh trong học tập và sinh hoạt hằng ngày, từ đó biết kiềm chế cảm xúc, lắng nghe và tìm kiếm giải pháp hòa giải mang tính xây dựng, phù hợp với lứa tuổi. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu biết nhận ra nguyên nhân của mâu thuẫn, kiềm chế cảm xúc tiêu cực, trao đổi thẳng thắn để tìm tiếng nói chung hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ từ người lớn khi cần thiết, qua đó góp phần duy trì mối quan hệ bạn bè tốt đẹp và xây dựng môi trường lớp học hòa thuận, an toàn.

Giáo dục kĩ năng giải quyết mâu thuẫn đơn giản giúp HS hiểu được bản chất của mâu thuẫn là điều tự nhiên trong giao tiếp và giá trị của sự hòa giải, qua đó dần hình thành khả năng tự điều chỉnh cảm xúc, hành vi và biết lựa chọn cách ứng xử phù hợp khi đối diện với những tình huống bất đồng trong cuộc sống.

Biểu hiện

- Nhận biết được các tình huống bất đồng, tranh chấp, mẫu thuẫn nhỏ trong học tập và vui chơi như tranh giành đồ dùng, đồ chơi, hiểu lầm trong lời nói, bất đồng khi chơi, làm việc nhóm…

- Nhận diện và kiểm soát cảm xúc tức giận, căng thẳng, tránh dùng lời nói làm tổn thương hay hành động bạo lực khi xảy ra mâu thuẫn.

- Lắng nghe ý kiến của bạn, bày tỏ quan điểm của bản thân một cách bình tĩnh, rõ ràng để cùng tìm ra cách giải quyết phù hợp.

- Chủ động xin lỗi khi mình sai và sẵn sàng tha thứ, làm hòa khi bạn nhận lỗi, không giữ thái độ hờn giận kéo dài.

- Tìm đến sự hỗ trợ của thầy cô hoặc người lớn đáng tin cậy khi mâu thuẫn vượt quá khả năng tự giải quyết của bản thân.

2.3. Giáo dục kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc

2.3.1. Kĩ năng tự nhận thức

Kĩ năng tự nhận thức là khả năng của HS trong việc nhận biết và hiểu về bản thân, bao gồm những đặc điểm ngoại hình, sở thích, điểm mạnh, điểm hạn chế của chính mình. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu hình thành sự tự tin, ý thức về giá trị riêng biệt của chính mình, đồng thời tôn trọng sự khác biệt của người khác; qua đó góp phần rèn luyện bản lĩnh cá nhân, tinh thần tự hoàn thiện và khả năng định hướng phù hợp với bản thân.

Giáo dục kĩ năng tự nhận thức giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc "hiểu mình" đối với quá trình trưởng thành, từ đó từng bước hình thành thái độ chủ động, tinh thần trung thực với bản thân và ý thức rèn luyện để trở thành phiên bản tốt hơn mỗi ngày. Đồng thời, dần hình thành nền tảng để phát triển sự tự tin và khả năng tự điều chỉnh bản thân trong các giai đoạn học tập tiếp theo.

Biểu hiện

- Nhận biết và mô tả được những đặc điểm cơ bản của bản thân như ngoại hình, tính cánh, sở thích, sở trường, năng khiếu, những điều bản thân thích, không thích…

- Xác định được những điểm mạnh của bản thân trong học tập, giao tiếp hoặc các hoạt động khác và cách để phát huy.

- Nhận ra được những điểm còn hạn chế của bản thân, có thái độ tích cực, sẵn sàng và điều chỉnh, khắc phục.

- Tự tin vào khả năng của bản thân, không tự ti khi so sánh mình với người khác và luôn tôn trọng sự khác biệt của các bạn khác.

- Chủ động đặt ra những mục tiêu nhỏ để rèn luyện, hoàn thiện chính mình

2.3.2. Kĩ năng nhận diện và kiểm soát cảm xúc của bản thân

Kĩ năng nhận diện và kiểm soát cảm xúc của bản thân là khả năng của HS trong việc nhận biết, gọi tên, hiểu được trạng thái tâm lý của mình, đồng thời biết điều chỉnh và làm chủ các cảm xúc (đặc biệt là các cảm xúc tiêu cực) để có những phản ứng, hành vi phù hợp trong các tình huống học tập và sinh hoạt hằng ngày.

Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu nhận ra và gọi tên được các cảm xúc cơ bản như vui, buồn, tức giận, sợ hãi, lo lắng; hiểu được nguyên nhân dẫn đến các cảm xúc đó; đồng thời biết cách hạn chế, tránh những cảm xúc mạnh, không để cảm xúc chi phối dẫn đến lời nói hoặc hành động thiếu kiểm soát, góp phần xây dựng các mối quan hệ hài hòa và môi trường học tập, sinh hoạt tích cực.

Giáo dục kĩ năng nhận diện và kiểm soát cảm xúc của bản thân giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc gọi tên đúng và làm chủ cảm xúc đối với việc hiểu rõ trạng thái tâm lý bản thân, duy trì các mối quan hệ tốt đẹp và tránh những hậu quả đáng tiếc do hành vi bột phát gây ra. Đồng thời, kĩ năng này giúp HS biết quan sát những biểu hiện cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của bản thân và người khác, từ đó biết lựa chọn những cách thức phù hợp với lứa tuổi để giải tỏa cảm xúc tiêu cực một cách lành mạnh. Qua đó, HS dần hình thành khả năng thấu hiểu và tự điều chỉnh bản thân, làm cơ sở cho việc kiểm soát hành vi, ứng xử phù hợp và phát triển các kĩ năng khác trong tương lai.

Biểu hiện:

Về nhận diện cảm xúc:

- Nhận biết và gọi tên được các cảm xúc cơ bản của bản thân như vui, buồn, tức giận, sợ hãi, ngạc nhiên, lo lắng trong các tình huống cụ thể.

- Nhận ra nguyên nhân dẫn đến cảm xúc của mình, ví dụ như vui vì được khen, buồn vì bị trách mắng, lo lắng vì chưa chuẩn bị bài.

- Trình bày được những biểu hiện cơ thể đi kèm với cảm xúc như tim đập nhanh, mặt đỏ, tay run khi tức giận hoặc lo lắng.

- Phân biệt được sự khác nhau giữa cảm xúc bên trong và hành vi ứng xử thể hiện ra bên ngoài (ví dụ: phân biệt được tức giận là cảm xúc tự nhiên nhưng đánh bạn là hành vi chưa đúng).

- Ý thức được việc mọi cảm xúc đều có giá trị riêng, chủ động quan sát tâm trạng của bản thân để kịp thời tìm giải pháp giải tỏa các cảm xúc tiêu cực, nuôi dưỡng tinh thần tích cực trong học tập và cuộc sống.

- Về kiểm soát và biểu đạt cảm xúc:

- Nhận biết được dấu hiệu của bản thân đang có cảm xúc mạnh như tức giận, buồn bã, sợ hãi.

- Áp dụng một số phương pháp thư giãn, giải tỏa căng thẳng đơn giản phù hợp với lứa tuổi như hít thở sâu, đếm số, tạm rời khỏi tình huống gây căng thẳng…

- Biết chuyển hướng sự chú ý sang các hoạt động tích cực khác như vẽ tranh, nghe nhạc, vận động nhẹ, đọc sách để làm dịu tâm trạng khi gặp chuyện buồn hoặc thất vọng.

- Biết chia sẻ, biểu đạt cảm xúc của bản thân bằng lời nói phù hợp với người đáng tin cậy thay vì phản ứng bằng hành vi bột phát, thiếu kiểm soát.

- Lắng nghe lời khuyên, sự hướng dẫn của thầy cô, phụ huynh để bình tĩnh lại.

- Chủ động rèn luyện kiểm soát cảm xúc, giữ thái độ ôn hòa trong học tập cũng như sinh hoạt hằng ngày.

2.3.3. Kĩ năng xây dựng sự tự tin

Kĩ năng xây dựng sự tự tin là khả năng của HS trong việc tin tưởng vào giá trị, khả năng của bản thân, luôn nhìn nhận cuộc sống với thái độ lạc quan, sẵn sàng trải nghiệm điều mới và kiên trì hướng tới những điều tốt đẹp trong mọi hoàn cảnh. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu biết tin vào khả năng của mình, mạnh dạn thể hiện bản thân trước đám đông, không ngại thử sức với những điều mới; đồng thời biết nhìn nhận khó khăn, thất bại theo hướng tích cực để rút kinh nghiệm và cố gắng hơn, qua đó góp phần rèn luyện bản lĩnh, niềm yêu thích học hỏi và sự chủ động trong cuộc sống.

Giáo dục kĩ năng xây dựng sự tự tin giúp HS hiểu được ý nghĩa của việc tin tưởng vào bản thân đối với việc mạnh dạn tham gia các hoạt động học tập, giao tiếp và trải nghiệm. Đồng thời, kĩ năng này giúp HS biết nhìn nhận khó khăn, thất bại như một phần tất yếu của quá trình học tập và trưởng thành thay vì né tránh hay tự ti. Qua đó, HS dần hình thành thái độ sống lạc quan, chủ động và sẵn sàng đối diện với những thử thách trong học tập và cuộc sống..

Biểu hiện

- Sẵn sàng xung phong, phát biểu ý kiến trong giờ học và chủ động tham gia các hoạt động tập thể, phong trào của lớp, của trường mà không lo lắng, e ngại.
- Mạnh dạn tham gia các hoạt động học tập, vui chơi mới, không ngại thử sức với những nhiệm vụ chưa quen thuộc.
- Nhìn nhận thất bại, sai sót của bản thân một cách tích cực, coi đó là cơ hội để rút kinh nghiệm và cố gắng hơn.
- Duy trì được thái độ lạc quan, vui vẻ trong phần lớn thời gian học tập, sinh hoạt, không dễ nản lòng trước khó khăn.
- Chủ động rèn luyện mỗi ngày, nuôi dưỡng tư duy mình phát triển và luôn giữ vững nụ cười, tinh thần lạc quan trước các thử thách.

2.3.4. Kĩ năng ứng phó với căng thẳng phù hợp lứa tuổi

Kĩ năng ứng phó với căng thẳng phù hợp lứa tuổi là khả năng của HS trong việc nhận biết những biểu hiện căng thẳng của bản thân và áp dụng những cách thức đơn giản, lành mạnh để giảm bớt, vượt qua trạng thái căng thẳng trong học tập và sinh hoạt hằng ngày. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bước đầu nhận ra những tình huống có thể gây căng thẳng như áp lực bài vở, thi cử, mâu thuẫn với bạn bè, thay đổi trong sinh hoạt; đồng thời biết lựa chọn cách thức phù hợp để lấy lại sự bình tĩnh, thoải mái, qua đó góp phần bảo vệ sức khỏe tinh thần và duy trì tinh thần học tập tích cực.

Giáo dục kĩ năng ứng phó với căng thẳng phù hợp lứa tuổi giúp HS hiểu căng thẳng là trạng thái bình thường có thể gặp phải và có thể được điều chỉnh bằng những cách phù hợp. Qua đó, HS dần hình thành khả năng thích ứng, giữ vững tinh thần lạc quan trước những khó khăn, áp lực trong học tập và cuộc sống.

Biểu hiện

- Nhận biết được các tình huống và nguyên nhân gây ra căng thẳng cho bản thân như áp lực thi kiểm tra, khối lượng bài tập nhiều, mâu thuẫn với bạn bè, thay đổi môi trường học tập …

- Nhận diện được những tín hiệu báo động của cơ thể và tâm lý khi gặp áp lực như đau bụng, đau đầu, mất ngủ, hay giật mình, lo lắng quá mức, dễ khóc hoặc thu mình lại...

- Thực hiện các phương pháp giải tỏa căng thẳng lành mạnh, vừa sức như chơi thể thao, vẽ tranh, nghe nhạc, đi dạo, trò chuyện cùng bạn bè hoặc dành thời gian nghỉ ngơi hợp lý, phân chia bài tập hoặc công việc lớn thành các phần nhỏ để thực hiện, …

- Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ người lớn khi cảm thấy vượt quá khả năng tự giải quyết.

- Duy trì lối sống cân bằng giữa học tập - giải trí - nghỉ ngơi, duy trì sức khỏe tinh thần, tinh thần học tập tích cực trong cuộc sống hằng ngày.

2.4. Giáo dục kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn

2.4.1. Kĩ năng phòng, chống xâm hại trẻ em

Kĩ năng phòng, chống xâm hại trẻ em là khả năng nhận biết những hành vi, lời nói, tình huống có thể xâm phạm đến sự an toàn, sức khỏe, thân thể, danh dự và quyền riêng tư của bản thân; biết bảo vệ ranh giới cá nhân, từ chối những hành vi không phù hợp, rời khỏi tình huống không an toàn và tìm kiếm sự hỗ trợ từ người đáng tin cậy. Kĩ năng này giúp HS hiểu rằng cơ thể và thông tin riêng tư của mình cần được tôn trọng, đồng thời biết tôn trọng cơ thể và quyền riêng tư của người khác.

Biểu hiện:

- Nhận biết được một số hành vi, lời nói hoặc tình huống không phù hợp, có nguy cơ xâm hại hoặc làm mất an toàn cho bản thân. Một số hành vi có thể gây nguy hiểm hoặc xâm hại đến bản thân như đánh đập, đe dọa, bắt nạt, ép buộc, dụ dỗ, quấy rối hoặc có những hành vi tiếp xúc cơ thể không phù hợp.

- Biết phân biệt những hành vi quan tâm, chăm sóc bình thường với những hành vi khiến bản thân cảm thấy không thoải mái, sợ hãi hoặc bị ép buộc.

- Nhận biết được những hành vi, lời nói hoặc tình huống có nguy cơ xâm hại trong cuộc sống hằng ngày, dù người thực hiện là người quen hay người lạ; không đi

theo người khác khi chưa được người chăm sóc đồng ý và không chia sẻ thông tin cá nhân với người khác trên môi trường mạng.

- Nhận biết và tôn trọng vùng riêng tư của cơ thể; phân biệt hành vi chăm sóc phù hợp với hành vi đụng chạm khiến bản thân lo lắng, khó chịu hoặc không an toàn; biết tìm sự giúp đỡ từ người lớn đáng tin cậy.

- Biết nói "không", thể hiện rõ sự không đồng ý khi người khác có hành vi khiến mình khó chịu, sợ hãi hoặc xâm phạm ranh giới cá nhân.

- Biết nhanh chóng rời khỏi tình huống không an toàn, không đi theo người lạ hoặc người khiến mình cảm thấy không an toàn khi không có sự đồng ý của cha mẹ/người chăm sóc.

- Biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ cha mẹ, thầy cô hoặc người lớn đáng tin cậy; mạnh dạn chia sẻ khi bản thân gặp hoặc chứng kiến tình huống có nguy cơ xâm hại.

- Không giữ bí mật về những hành vi xâm phạm cơ thể, đe dọa hoặc làm mình sợ hãi; biết tiếp tục tìm kiếm sự giúp đỡ nếu lần đầu chia sẻ chưa được lắng nghe hoặc hỗ trợ.

- Có ý thức cảnh giác, không chủ quan trước những lời hứa hẹn, dụ dỗ hoặc yêu cầu bất thường từ người khác.

2.4.2. Kĩ năng từ chối

Kĩ năng từ chối là khả năng khả năng nhận biết những yêu cầu, lời rủ rê, đề nghị hoặc hành vi không phù hợp, không an toàn hoặc vượt quá giới hạn của bản thân; biết thể hiện sự không đồng ý một cách rõ ràng, phù hợp và an toàn, đồng thời kiên quyết không thực hiện những yêu cầu, lời đề nghị hoặc hành vi có nguy cơ gây mất an toàn cho bản thân. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em tự tin bảo vệ quyền được an toàn của mình, biết bảo vệ quyền và ranh giới cá nhân, không dễ bị lôi kéo, ép buộc hoặc thực hiện những việc mình không muốn, đồng thời biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi không thể tự giải quyết tình huống.

Giáo dục kĩ năng từ chối cần giúp HS hiểu rằng các em có quyền từ chối trước những hành vi, yêu cầu hoặc lời mời không phù hợp, kể cả khi người đưa ra yêu cầu là người quen hoặc người lớn. Đồng thời, HS cần được hướng dẫn cách từ chối phù hợp, dứt khoát và nhanh chóng rời khỏi tình huống không an toàn.

Biểu hiện

- Nhận biết được những yêu cầu, lời rủ rê hoặc đề nghị không phù hợp với lứa tuổi, trái với quy định hoặc có thể gây nguy hiểm cho bản thân.

- Biết thể hiện sự không đồng ý bằng lời nói và thái độ rõ ràng, phù hợp

- Biết từ chối những lời rủ rê đi theo người lạ, nhận quà, nhận tiền hoặc thực hiện những việc khiến bản thân cảm thấy không an toàn hoặc từ chối tham gia các hoạt động khi chưa được cha mẹ, người chăm sóc cho phép.

- Biết bảo vệ ranh giới cá nhân, từ chối những hành vi đụng chạm hoặc yêu cầu khiến bản thân khó chịu, sợ hãi hoặc không thoải mái.

- Biết lựa chọn cách từ chối phù hợp với từng tình huống; khi cần thiết, nhanh chóng rời khỏi nơi không an toàn và tìm đến người lớn đáng tin cậy.

- Không vì sợ bị chê cười, trách phạt hoặc làm mất lòng người khác mà miễn cưỡng thực hiện điều mình biết là không phù hợp hoặc không an toàn.

- Có thể sử dụng lời nói, cử chỉ hoặc hành động phù hợp để bảo vệ bản thân, như lùi lại, tránh xa hoặc nhanh chóng rời khỏi tình huống nguy hiểm.

- Không giữ im lặng hoặc chấp nhận những hành vi khiến bản thân lo lắng, sợ hãi chỉ vì bị đe dọa hoặc dụ dỗ.

- Thể hiện sự tự tin khi bảo vệ quyền được an toàn của bản thân.

2.4.3. Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ

Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ là khả năng nhận biết khi bản thân gặp khó khăn, nguy hiểm cần được giúp đỡ hoặc khi gặp tình huống vượt quá khả năng tự giải quyết và chủ động tìm đến những người có thể tin cậy hoặc cơ quan có thể bảo vệ mình để và lựa chọn cách thức phù hợp để chia sẻ, chủ động yêu cầu sự giúp đỡ. Kĩ năng này giúp HS không im lặng hoặc tự giải quyết những vấn đề có thể gây tổn hại đến bản thân, đồng thời biết sử dụng sự hỗ trợ của gia đình, thầy cô và những người có trách nhiệm để bảo đảm an toàn cho mình và người khác. Kĩ năng này còn giúp HS hiểu rằng việc chia sẻ với người lớn đáng tin cậy không phải là mách lẻo hay làm phiền người khác mà là một cách quan trọng để bảo vệ bản thân và ngăn ngừa những hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra.

Giáo dục kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ cần giúp HS xác định được những người có thể tin cậy như cha mẹ, người thân, thầy cô giáo, Tổng phụ trách Đội, cán bộ nhà trường hoặc lực lượng chức năng; đồng thời biết cách trình bày sự việc trung thực, rõ ràng và kịp thời khi cần được giúp đỡ.

Biểu hiện

- Nhận biết được những tình huống bản thân cần sự giúp đỡ, như bị đe dọa, bắt nạt, xâm hại, lạc đường, gặp tai nạn hoặc không biết cách xử lí một tình huống nguy hiểm.

- Biết xác định những người lớn đáng tin cậy có thể tìm đến khi cần hỗ trợ như cha mẹ, người chăm sóc, thầy cô giáo, người thân hoặc người có trách nhiệm.

- Biết chủ động nói rõ điều mình đang gặp phải, cảm xúc của mình và sự hỗ trợ mình cần bằng lời nói phù hợp.

- Biết trình bày sự việc một cách trung thực, rõ ràng và không che giấu thông tin quan trọng hoặc im lặng khi bản thân bị đe dọa, xâm hại, bắt nạt hoặc gặp tình huống nguy hiểm; hiểu rằng tìm kiếm sự giúp đỡ là cách bảo vệ bản thân.

- Không giữ bí mật đối với những hành vi gây nguy hiểm hoặc xâm hại đến bản thân hay người khác, dù bị đe dọa hoặc yêu cầu giữ kín.

- Biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ người khác khi người mình chia sẻ lần đầu chưa thể giúp đỡ hoặc chưa giải quyết được vấn đề.

- Biết hỗ trợ và báo cho người lớn khi nhận thấy bạn bè hoặc người khác đang gặp nguy hiểm, khó khăn hoặc có nguy cơ bị xâm hại.

- Biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ các kênh phù hợp trong trường học và cộng đồng khi cần thiết.

2.4.4. Kĩ năng tham gia giao thông an toàn

Kĩ năng tham gia giao thông an toàn là khả năng nhận biết và thực hiện đúng các quy định cơ bản về an toàn giao thông, đồng thời có ý thức bảo vệ bản thân và người khác khi tham gia giao thông. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em hình thành những hành vi đúng khi đi bộ, đi xe đạp, sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc ngồi trên các phương tiện giao thông cùng người lớn; từ đó góp phần phòng ngừa tai nạn giao thông và xây dựng văn hóa giao thông an toàn ngay từ những năm đầu đời.

Giáo dục kĩ năng tham gia giao thông an toàn cần giúp HS hiểu được tầm quan trọng của việc chấp hành các quy định về an toàn giao thông; biết nhận diện những nguy cơ mất an toàn có thể gặp phải trên đường; hình thành thói quen quan sát, tuân thủ tín hiệu giao thông và lựa chọn cách ứng xử phù hợp trong các tình huống giao thông hằng ngày.

Biểu hiện

- HS biết thực hiện một số quy định cơ bản khi tham gia giao thông như đi đúng phần đường dành cho người đi bộ, qua đường tại nơi quy định, quan sát trước khi sang đường và tuân thủ tín hiệu đèn giao thông.

- Biết đội mũ bảo hiểm đúng quy cách khi đi xe mô tô, xe gắn máy hoặc xe đạp điện cùng người lớn; bước đầu hình thành ý thức sử dụng các phương tiện bảo hộ khi tham gia giao thông.

- Nhận biết được một số hành vi mất an toàn như chạy nhảy dưới lòng đường, bám đuôi phương tiện giao thông, sang đường đột ngột, đùa nghịch trên đường hoặc sử dụng thiết bị điện tử khi tham gia giao thông.

- Biết lựa chọn cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống giao thông thường gặp, như chờ người lớn hỗ trợ khi qua đường đông xe, không tự ý đi theo người lạ hoặc không lên xuống xe khi phương tiện chưa dừng hẳn.

- Có ý thức nhắc nhở bạn bè và người thân thực hiện các quy định về an toàn giao thông; thể hiện thái độ nghiêm túc, tự giác trong việc chấp hành các quy định khi tham gia giao thông.

2.4.5. Kĩ năng phòng tránh tai nạn thương tích

Kĩ năng phòng tránh tai nạn thương tích là khả năng nhận biết các nguy cơ có thể gây tai nạn trong học tập, sinh hoạt và vui chơi, đồng thời biết lựa chọn cách ứng xử phù hợp để bảo vệ bản thân và người khác. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em hình thành ý thức chủ động phòng ngừa rủi ro, biết tránh xa những tình huống nguy hiểm và thực hiện các hành vi an toàn trong cuộc sống hằng ngày.

Giáo dục kĩ năng phòng tránh tai nạn thương tích cần giúp HS nhận biết được những nguy cơ thường gặp ở gia đình, nhà trường và cộng đồng như ngã, bỏng, điện giật, đuối nước, hóc dị vật, ngộ độc thực phẩm, động vật cắn hoặc các tai nạn khi vui chơi, sử dụng dụng cụ học tập. Đồng thời, HS cần được hướng dẫn thực hiện những biện pháp phòng tránh phù hợp với lứa tuổi và biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

Biểu hiện

- HS nhận biết được một số nguy cơ có thể gây tai nạn thương tích trong học tập, sinh hoạt và vui chơi; biết tránh tiếp xúc với các vật sắc nhọn, nguồn điện, lửa, hóa chất hoặc những khu vực có nguy cơ mất an toàn.

- Thực hiện được một số quy tắc an toàn trong trường học, gia đình và cộng đồng như không leo trèo ở nơi nguy hiểm, không nghịch điện, không tự ý sử dụng các thiết bị hoặc dụng cụ khi chưa được người lớn hướng dẫn.

- Biết tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia các hoạt động thể chất, hoạt động trải nghiệm, vui chơi ngoài trời hoặc tham gia các hoạt động dưới nước; không tự ý đến gần ao, hồ, sông, suối hoặc khu vực có nguy cơ đuối nước khi không có người lớn đi cùng.

- Có ý thức giữ gìn môi trường học tập và sinh hoạt an toàn; biết nhắc nhở bạn bè thực hiện các quy tắc phòng tránh tai nạn thương tích.

- Bình tĩnh, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ giáo viên, cha mẹ hoặc người lớn đáng tin cậy khi phát hiện nguy cơ mất an toàn hoặc khi bản thân hay người khác gặp tai nạn.

2.4.6. Kĩ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm

Kĩ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm là khả năng nhận biết, đánh giá ban đầu và lựa chọn cách xử lí phù hợp khi gặp những tình huống có nguy cơ đe dọa đến sức khỏe, tính mạng hoặc sự an toàn của bản thân và người khác. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em bình tĩnh, chủ động và biết thực hiện những hành động cần

thiết để giảm thiểu rủi ro, đồng thời tìm kiếm sự hỗ trợ kịp thời từ người lớn khi xảy ra tình huống nguy hiểm.

Giáo dục kĩ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm cần giúp HS nhận biết được một số tình huống có thể xảy ra trong học tập, sinh hoạt và cuộc sống như hỏa hoạn, thiên tai, đuối nước, lạc đường, gặp người lạ có hành vi bất thường, động vật tấn công hoặc các sự cố mất an toàn khác. HS cần được hướng dẫn cách giữ bình tĩnh, không hoảng sợ, biết bảo vệ bản thân, nhanh chóng rời khỏi khu vực nguy hiểm và tìm kiếm sự hỗ trợ từ người lớn hoặc lực lượng chức năng khi cần thiết.

Biểu hiện

- HS nhận biết được một số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong gia đình, nhà trường và cộng đồng; bước đầu xác định được những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sự an toàn của bản thân.

- Biết giữ bình tĩnh, không hoảng loạn và thực hiện một số biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống, như nhanh chóng rời khỏi nơi nguy hiểm, tìm nơi an toàn

- hoặc gọi người lớn giúp đỡ.

- Biết ghi nhớ và sử dụng một số thông tin cần thiết trong trường hợp khẩn cấp như họ tên, địa chỉ, số điện thoại của cha mẹ hoặc người chăm sóc; bước đầu biết liên hệ với các lực lượng hỗ trợ khi cần thiết.

- Không tự ý thực hiện những hành động vượt quá khả năng có thể gây nguy hiểm cho bản thân hoặc người khác; biết ưu tiên bảo đảm an toàn cho bản thân trước khi hỗ trợ người khác.

- Chủ động thông báo cho giáo viên, cha mẹ hoặc người lớn đáng tin cậy khi phát hiện các tình huống có nguy cơ gây mất an toàn trong học tập, sinh hoạt hoặc vui chơi.

2.4.7. Kĩ năng phòng, chống bạo lực học đường

Kĩ năng phòng, chống bạo lực học đường là khả năng nhận biết những hành vi, lời nói hoặc tình huống có thể gây tổn hại về thể chất, tinh thần hoặc danh dự của bản thân và người khác trong môi trường học đường; biết lựa chọn cách ứng xử phù hợp để phòng tránh, không tham gia hoặc cổ vũ bạo lực, đồng thời biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi bản thân hoặc bạn bè gặp tình huống có nguy cơ bị bạo lực. Kĩ năng này giúp HS biết tôn trọng người khác, kiểm soát hành vi và góp phần xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện.

Biểu hiện:

- Nhận biết được một số biểu hiện của bạo lực học đường như đánh, đẩy, xô ngã, đe dọa, xúc phạm, chế giễu, cô lập hoặc cố ý làm tổn thương người khác.

- Biết kiểm soát cảm xúc và hành vi khi xảy ra mâu thuẫn; không sử dụng bạo lực, lời nói xúc phạm hoặc hành vi gây tổn thương để giải quyết bất đồng.

- Biết từ chối tham gia, cổ vũ hoặc quay phim, chia sẻ những hành vi bạo lực đối với bạn bè.

- Biết lựa chọn cách giải quyết mâu thuẫn phù hợp như bình tĩnh trao đổi, lắng nghe, tìm cách thỏa thuận hoặc nhờ thầy cô, cha mẹ hỗ trợ khi cần thiết.

- Biết bảo vệ bản thân và tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị đe dọa, bắt nạt hoặc chứng kiến bạn bè bị bạo lực; không tự mình đối đầu với tình huống có nguy cơ gây nguy hiểm.

- Biết quan tâm, hỗ trợ và báo cho người lớn khi nhận thấy bạn bè có dấu hiệu bị bắt nạt, cô lập hoặc bị bạo lực.

2.5. Giáo dục kĩ năng tham gia môi trường số an toàn

2.5.1. Kĩ năng sử dụng thiết bị số phù hợp

Kĩ năng sử dụng thiết bị số phù hợp là khả năng sử dụng các thiết bị số như máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị kết nối internet một cách đúng mục đích, an toàn, hiệu quả và phù hợp với lứa tuổi. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em từng bước hình thành thói quen sử dụng thiết bị số phục vụ học tập, tìm hiểu kiến thức, giải trí lành mạnh và giao tiếp phù hợp; đồng thời biết cân bằng giữa thời gian sử dụng thiết bị số với các hoạt động học tập, vui chơi, vận động và giao tiếp trực tiếp.

Giáo dục kĩ năng sử dụng thiết bị số phù hợp cần giúp HS hiểu được lợi ích cũng như những nguy cơ khi sử dụng thiết bị số; biết lựa chọn nội dung phù hợp với lứa tuổi, tuân thủ các quy định của gia đình và nhà trường về thời gian sử dụng thiết bị số, đồng thời hình thành ý thức sử dụng thiết bị số một cách có trách nhiệm.

Biểu hiện

- HS biết sử dụng các thiết bị số phục vụ học tập, tra cứu thông tin và tham gia các hoạt động học tập trực tuyến theo hướng dẫn của GV hoặc cha mẹ.
- Biết sử dụng thiết bị số đúng thời gian, đúng mục đích; không lạm dụng thiết bị số để chơi trò chơi hoặc xem các nội dung không phù hợp.
- Có ý thức giữ gìn và sử dụng thiết bị số cẩn thận, đúng cách; biết tắt thiết bị hoặc đăng xuất sau khi sử dụng.
- Bước đầu hình thành thói quen cân bằng giữa việc sử dụng thiết bị số với các hoạt động học tập, vui chơi, rèn luyện sức khỏe và giao tiếp với gia đình, bạn bè.
- Thực hiện đúng các quy định của gia đình và nhà trường về việc sử dụng thiết bị số.

2.5.2. Kĩ năng bảo vệ thông tin cá nhân

Kĩ năng bảo vệ thông tin cá nhân là khả năng nhận biết, quản lí và bảo vệ những thông tin thuộc về bản thân khi tham gia môi trường số nhằm phòng tránh nguy cơ bị lộ thông tin, bị lợi dụng hoặc bị xâm hại. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em hiểu rằng không phải mọi thông tin cá nhân đều có thể chia sẻ trên internet; đồng thời biết thận trọng khi sử dụng các ứng dụng, trò chơi hoặc mạng xã hội.

Giáo dục kĩ năng bảo vệ thông tin cá nhân cần giúp HS nhận biết được những thông tin cần được giữ bí mật như họ tên đầy đủ, địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu, hình ảnh cá nhân hoặc thông tin của gia đình. HS cần được hướng dẫn chỉ chia sẻ thông tin khi có sự đồng ý của cha mẹ, GV hoặc người chăm sóc; đồng thời biết báo cho người lớn khi phát hiện những dấu hiệu bất thường liên quan đến thông tin cá nhân.

Biểu hiện

- HS nhận biết được một số thông tin cá nhân cần được bảo vệ và không tùy tiện chia sẻ trên môi trường số.
- Biết trao đổi với người chăm sóc hoặc GV trước khi đăng tải; tôn trọng ý kiến của người có mặt trong hình ảnh, video và không công khai thông tin riêng tư.
- Không cung cấp mật khẩu, mã xác thực hoặc thông tin cá nhân cho người lạ hoặc các trang thông tin không đáng tin cậy.
- Có ý thức thận trọng khi tham gia các trò chơi, ứng dụng hoặc trang web yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân.
- Chủ động báo cho cha mẹ hoặc GV khi phát hiện tài khoản, thông tin hoặc hình ảnh của mình có dấu hiệu bị sử dụng không đúng mục đích.

2.5.3. Kĩ năng nhận diện và ứng phó với nguy cơ trên không gian mạng

Kĩ năng nhận diện và ứng phó nguy cơ trên không gian mạng là khả năng phát hiện và bước đầu đánh giá những tình huống hoặc hành vi có thể gây mất an toàn khi sử dụng internet và các nền tảng số. Kĩ năng này giúp HS tiểu học biết cảnh giác trước các nguy cơ như nội dung độc hại, thông tin sai lệch, lừa đảo trực tuyến, bắt nạt trên mạng hoặc sự tiếp cận của người lạ có mục đích không an toàn.

Giáo dục kĩ năng nhận diện và ứng phó với nguy cơ trên không gian mạng cần giúp HS hiểu rằng môi trường số mang lại nhiều cơ hội học tập và kết nối, nhưng cũng tiềm ẩn những rủi ro. Vì vậy, các em cần biết quan sát, suy nghĩ trước khi truy cập, chia sẻ hoặc tương tác với thông tin và người khác trên internet; đồng thời biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ người lớn khi gặp tình huống bất thường.

Biểu hiện

- Nhận biết được một số dấu hiệu của nội dung hoặc trang thông tin không phù hợp với lứa tuổi, có yếu tố bạo lực, lừa đảo, kích động thù ghét hoặc xâm phạm quyền riêng tư.

- Biết cảnh giác với các tin nhắn, cuộc gọi, đường liên kết hoặc lời mời kết bạn từ người không quen biết trên môi trường số.

- Không nhấp vào các đường liên kết, tệp tin hoặc ứng dụng không rõ nguồn gốc khi chưa có sự hướng dẫn của người lớn.

- Bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của hành vi bắt nạt, quấy rối hoặc lừa đảo trên không gian mạng.

- Chủ động chia sẻ với cha mẹ hoặc GV khi gặp những nội dung, hình ảnh hoặc tình huống khiến bản thân cảm thấy lo lắng, sợ hãi hoặc không an toàn.

2.5.4. Kĩ năng ứng xử văn minh trên môi trường số

Kĩ năng ứng xử văn minh trên môi trường số là khả năng giao tiếp, chia sẻ thông tin và tương tác với người khác trên internet một cách lịch sự, tôn trọng, có trách nhiệm và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như chuẩn mực đạo đức. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em hình thành ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp, tôn trọng quyền riêng tư của người khác và có trách nhiệm đối với những nội dung mình chia sẻ trên môi trường số.

Giáo dục kĩ năng ứng xử văn minh trên môi trường số cần giúp HS hiểu rằng những hành vi trên internet cũng cần tuân thủ các chuẩn mực ứng xử giống như trong cuộc sống hằng ngày. HS cần được hướng dẫn biết suy nghĩ trước khi đăng tải, bình luận hoặc chia sẻ thông tin; không sử dụng lời nói xúc phạm, chế giễu hoặc làm tổn thương người khác; đồng thời biết tôn trọng sự khác biệt và xây dựng môi trường số tích cực, an toàn.

Biểu hiện

- HS sử dụng ngôn ngữ lịch sự, thân thiện và tôn trọng người khác khi giao tiếp trên môi trường số.

- Biết cân nhắc trước khi đăng tải, bình luận hoặc chia sẻ thông tin, hình ảnh; không phát tán những nội dung chưa được kiểm chứng hoặc có thể gây ảnh hưởng đến người khác.

- Tôn trọng quyền riêng tư của bạn bè và người khác; không tự ý đăng tải hoặc chia sẻ hình ảnh, thông tin của người khác khi chưa được đồng ý.

- Không tham gia các hành vi bắt nạt, xúc phạm, chế giễu hoặc cổ vũ những hành vi thiếu văn hóa trên môi trường số.

- Có ý thức lan tỏa những thông tin tích cực, ứng xử thân thiện và chủ động báo cho người lớn khi phát hiện các hành vi vi phạm hoặc nội dung không phù hợp trên không gian mạng.

2.5.5. Kĩ năng tìm kiếm, kiểm chứng và tạo nội dung số đơn giản

- Kĩ năng này là khả năng nêu câu hỏi, tìm thông tin trong nguồn phù hợp với lứa tuổi, bước đầu đối chiếu thông tin và tạo sản phẩm số đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Cần giúp HS nhận ra rằng một hình ảnh, giọng nói hoặc câu trả lời được chia sẻ trên mạng, kể cả nội dung do AI tạo ra, có thể thiếu chính xác hoặc bị chỉnh sửa.

- GV dùng ví dụ giả định, nguồn đã chọn trước và câu hỏi gần gũi để hướng dẫn HS hỏi "Ai đưa tin?", "Có thể kiểm tra ở đâu?", "Em nên hỏi ai khi chưa chắc?". Việc thực hành có thể dùng tranh, thẻ giấy hoặc thiết bị chung của lớp; không yêu cầu HS có tài khoản hay thiết bị riêng.

- Biểu hiện

- Biết hỏi GV hoặc người chăm sóc khi gặp thông tin, hình ảnh gây ngạc nhiên, lo lắng hoặc chưa rõ đúng sai; không vội chia sẻ tiếp.

- Biết đối chiếu một thông tin đơn giản với sách, lời giải thích của GV hoặc nguồn phù hợp khác; bước đầu phân biệt ý kiến với sự việc có thể kiểm chứng.

- Biết tạo một tranh, đoạn chữ hoặc thông điệp số đơn giản theo hướng dẫn, tôn trọng sản phẩm của người khác và không đăng ảnh, thông tin riêng tư khi chưa phù hợp.

- Biết nói rõ phần mình tự làm, phần được GVhoặc công cụ số hỗ trợ; không coi câu trả lời tự động là kết luận cuối cùng.

2.5.6. Kĩ năng nhận biết và sử dụng AI có hướng dẫn, có trách nhiệm

- AI là công nghệ có thể nhận dạng mẫu, đưa ra gợi ý hoặc tạo nội dung từ dữ liệu. Ở cấp tiểu học, nội dung giáo dục kĩ năng tập trung vào nhận biết ứng dụng AI quen thuộc, hiểu AI có thể sai hoặc thể hiện thiên lệch, giữ quyền quyết định của con người và biết tìm người lớn hỗ trợ; không đặt yêu cầu sử dụng thành thạo một ứng dụng hay tự tạo tài khoản.

- Lớp 1–2 có thể nhận diện ví dụ gần gũi như tính năng gợi ý bài hát hoặc đọc chữ tự động qua tranh và trò chơi do GV chuẩn bị. Lớp 3–5 có thể quan sát GV đặt câu hỏi cho công cụ được nhà trường cho phép, so sánh một câu trả lời với sách và thảo luận khi nào cần hỏi người thật. GV lựa chọn công cụ phù hợp, kiểm soát nội dung hiển thị, bảo vệ dữ liệu của trẻ; hoạt động không dùng thiết bị vẫn đạt mục tiêu nhận biết và đánh giá.

Biểu hiện

- Nhận ra một số sản phẩm, tính năng có AI và nêu được rằng câu trả lời do máy tạo ra cần được người dùng kiểm tra.

- Biết diễn đạt câu hỏi ngắn, rõ mục đích trong hoạt động do GV hướng dẫn; tự suy nghĩ và trình bày lời giải của mình sau khi tham khảo gợi ý.

- Biết hỏi lại, đối chiếu với sách hoặc GV khi nội dung AI đưa ra chưa rõ, có thể sai hoặc thể hiện định kiến về giới, dân tộc, hoàn cảnh hay người khuyết tật.

- Không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ, ảnh, giọng nói, mật khẩu hoặc câu chuyện riêng của mình và bạn bè vào công cụ AI; báo người lớn khi nội dung khiến em khó chịu hoặc không an toàn.

- Biết tôn trọng công sức của người khác, nêu khi có sử dụng AI hỗ trợ và không nộp nguyên vẹn sản phẩm do AI tạo ra như bài làm của mình.

2.6. Giáo dục kĩ năng tư duy và ra quyết định

2.6.1. Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề

Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề là khả năng nhận diện vấn đề hoặc tình huống cần giải quyết, suy nghĩ về các phương án có thể thực hiện, cân nhắc những kết quả có thể xảy ra, lựa chọn cách giải quyết phù hợp, an toàn và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Đối với HS tiểu học, kĩ năng này giúp các em từng bước hình thành thói quen suy nghĩ trước khi hành động, biết cân nhắc giữa các lựa chọn khác nhau và chủ động tìm cách giải quyết những khó khăn, vướng mắc, xử lí những vấn đề phù hợp với khả năng, lứa tuổi và biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp vấn đề vượt quá khả năng tự giải quyết.

Giáo dục kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề cần giúp HS hiểu rằng trong học tập, sinh hoạt và các mối quan hệ hằng ngày luôn xuất hiện những tình huống cần lựa chọn hoặc giải quyết. Thay vì hành động theo cảm tính hoặc phụ thuộc hoàn toàn vào người lớn, HS cần được khuyến khích suy nghĩ, phân tích đơn giản về nguyên nhân của vấn đề, dự đoán kết quả của từng lựa chọn và lựa chọn cách giải quyết phù hợp.

Biểu hiện

- Xác định được một số khó khăn hoặc vấn đề đơn giản mà bản thân gặp phải trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp.

- Nhận biết được những vấn đề hoặc tình huống trong học tập, vui chơi và cuộc sống cần đưa ra lựa chọn hoặc tìm cách giải quyết.

- Biết xác định nguyên nhân hoặc những điều cần giải quyết trước khi lựa chọn cách xử lí.

- Biết suy nghĩ và đưa ra từ hai phương án trở lên khi gặp một vấn đề đơn giản; biết cân nhắc ưu điểm, hạn chế hoặc hậu quả có thể xảy ra của từng phương án.

- Lựa chọn được cách giải quyết phù hợp với hoàn cảnh, khả năng của bản thân và bảo đảm an toàn cho mình và người khác.

- Thực hiện được quyết định, theo dõi kết quả và điều chỉnh cách làm khi giải pháp chưa phù hợp.

- Biết cân nhắc hậu quả của hành vi và bước đầu chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình.

- Chủ động trao đổi, hỏi ý kiến hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ từ cha mẹ, thầy cô hoặc bạn bè, người đáng tin cậy khi gặp những vấn đề khó hoặc vượt quá khả năng tự giải quyết.

2.6.2. Kĩ năng tư duy phản biện

Kĩ năng tư duy phản biện là khả năng quan sát, đặt câu hỏi, xem xét và phân tích thông tin, ý kiến hoặc sự việc từ nhiều góc độ và đưa ra nhận xét hoặc kết luận dựa trên những căn cứ phù hợp. Đối với HS tiểu học, tư duy phản biện không phải là sự phản đối hay tranh cãi với người khác mà là khả năng suy nghĩ độc lập, biết đặt câu hỏi về những điều mình quan sát, nghe thấy hoặc tiếp nhận, từ đó hình thành những nhận định phù hợp.

Kĩ năng tư duy phản biện giúp HS hình thành thói quen suy nghĩ trước khi tin tưởng hoặc làm theo một thông tin nào đó; biết lắng nghe ý kiến của người khác nhưng đồng thời cũng biết suy nghĩ độc lập, giải thích lí do cho ý kiến của mình, bày tỏ suy nghĩ của bản thân một cách phù hợp, đồng thời lắng nghe và xem xét các ý kiến khác. Đây là nền tảng quan trọng giúp HS học tập tích cực, giải quyết vấn đề hiệu quả và tham gia có trách nhiệm trong môi trường số cũng như trong cuộc sống.

Biểu hiện

- Biết đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin, sự việc, vấn đề hoặc ý kiến mà bản thân chưa hiểu hoặc còn băn khoăn.

- Phân biệt được giữa điều mình trực tiếp biết, điều được nghe kể và điều chưa có đủ thông tin để khẳng định.

- Biết quan sát, so sánh và xem xét một sự việc hoặc vấn đề từ những góc nhìn khác nhau, không vội kết luận khi chưa tìm hiểu đầy đủ.

- Nêu được ý kiến của bản thân và giải thích được lí do dựa trên những thông tin, bằng chứng phù hợp với lứa tuổi.

- Biết lắng nghe ý kiến của người khác, tôn trọng những ý kiến khác với mình và sẵn sàng điều chỉnh nhận thức, suy nghĩ khi có những thông tin hoặc lí do phù hợp hơn.

- Không dễ dàng tin, làm theo hoặc chia sẻ những thông tin chưa được kiểm chứng; biết trao đổi với giáo viên, cha mẹ hoặc người lớn khi có điều chưa rõ.

PHẦN III
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC

1. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG

Việc lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng cần căn cứ vào mục tiêu giáo dục, nội dung kĩ năng, đặc điểm tâm lí lứa tuổi HS, điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. GV cần ưu tiên các phương pháp phát huy tính tích cực, chủ động của HS, tạo cơ hội để HS được trải nghiệm, thực hành, chia sẻ và vận dụng những điều đã học vào các tình huống thực tiễn. Trong quá trình tổ chức, GV có thể linh hoạt kết hợp nhiều phương pháp và hình thức khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục.

Sau đây là một số phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng cụ thể.

1.1. Trò chơi giáo dục

Trò chơi giáo dục là phương pháp tổ chức cho HS tham gia các hoạt động chơi có mục đích giáo dục nhằm hình thành và phát triển kiến thức, kĩ năng, thái độ và hành vi tích cực. Thông qua trò chơi, HS được học tập trong bầu không khí vui vẻ, hứng thú, được trải nghiệm, hợp tác, thử nghiệm và rút ra bài học từ chính quá trình tham gia.

Trong giáo dục kĩ năng, trò chơi giáo dục là một trong những phương pháp phù hợp nhất với HS tiểu học. Phương pháp này giúp HS phát triển nhiều kĩ năng như giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, giải quyết vấn đề, kiểm soát cảm xúc và ra quyết định thông qua các hoạt động gần gũi với đặc điểm tâm lí lứa tuổi.

Cách tổ chức

GV lựa chọn trò chơi phù hợp với mục tiêu giáo dục và nội dung kĩ năng cần hình thành. Trước khi tổ chức, GV giới thiệu mục đích, hướng dẫn luật chơi, cách chơi và các yêu cầu cần thực hiện.

Trong quá trình tổ chức, GV tạo cơ hội để tất cả HS được tham gia, quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh hoạt động khi cần thiết. Sau trò chơi, GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận, phân tích những hành vi, cách ứng xử trong quá trình chơi và cùng rút ra bài học liên hệ với thực tiễn.

Một số lưu ý

- Trò chơi cần phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm lứa tuổi HS.
- Luật chơi đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.
- Bảo đảm mọi HS đều có cơ hội tham gia.
- Không quá coi trọng kết quả thắng thua mà chú trọng trải nghiệm và bài học giáo dục.

- Dành thời gian để HS chia sẻ, rút kinh nghiệm sau trò chơi.

1.2. Đóng vai

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS nhập vai vào các nhân vật trong những tình huống giả định hoặc gần gũi với cuộc sống nhằm trải nghiệm cảm xúc, suy nghĩ và thực hành cách ứng xử phù hợp. Thông qua việc nhập vai, HS có cơ hội nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, hiểu được hậu quả của hành vi và hình thành những cách ứng xử tích cực.

Trong giáo dục kĩ năng, đóng vai giúp HS thực hành các hành vi trong môi trường an toàn trước khi vận dụng vào thực tế. Đây là phương pháp đặc biệt hiệu quả đối với các nội dung như giao tiếp, hợp tác, phòng chống xâm hại, giải quyết xung đột, kiểm soát cảm xúc và ứng xử trong các tình huống thường gặp.

Cách tổ chức

GV xây dựng hoặc lựa chọn tình huống phù hợp với nội dung giáo dục, phân công vai diễn và hướng dẫn HS chuẩn bị. Sau khi các nhóm thực hiện phần đóng vai, GV tổ chức cho HS quan sát, nhận xét, trao đổi về hành vi của các nhân vật, phân tích những điểm phù hợp và chưa phù hợp, từ đó rút ra bài học.

Một số lưu ý

- Tình huống cần gần gũi với cuộc sống của HS.
- Khuyến khích HS sáng tạo trong cách thể hiện vai diễn.
- Không đánh giá khả năng diễn xuất mà tập trung vào cách xử lí tình huống.
- Tạo môi trường thân thiện để HS tự tin tham gia.
- Kết thúc hoạt động cần giúp HS liên hệ với thực tiễn.

1.3. Kể chuyện

Kể chuyện là phương pháp sử dụng các câu chuyện, truyện kể, tấm gương hoặc những tình huống có thật nhằm truyền tải thông điệp giáo dục, khơi gợi cảm xúc và giúp HS hình thành nhận thức, thái độ, giá trị và hành vi phù hợp. Những câu chuyện gần gũi, giàu ý nghĩa sẽ giúp HS dễ tiếp nhận bài học và ghi nhớ lâu hơn.

Trong giáo dục kĩ năng, kể chuyện không chỉ giúp HS hiểu điều đúng, điều nên làm mà còn tạo cơ hội để các em suy ngẫm, chia sẻ cảm nhận và liên hệ với bản thân.

Cách tổ chức

GV lựa chọn câu chuyện phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm lứa tuổi HS. Trong quá trình kể, GV có thể kết hợp tranh ảnh, video hoặc các phương tiện trực quan nhằm tăng hứng thú cho HS.

Sau khi kể chuyện, GV đặt câu hỏi gợi mở để HS trao đổi về nội dung câu chuyện, phân tích hành vi của các nhân vật, nêu bài học rút ra và liên hệ với những tình huống trong học tập, sinh hoạt hằng ngày.

Một số lưu ý

- Lựa chọn câu chuyện ngắn gọn, phù hợp với HS tiểu học.
- Nội dung câu chuyện cần có ý nghĩa giáo dục rõ ràng.
- Khuyến khích HS chia sẻ cảm nhận và nêu bài học theo cách hiểu của mình.
- Không áp đặt một cách hiểu duy nhất nếu HS có những cách nhìn phù hợp khác.
- Có thể khuyến khích HS kể lại hoặc sáng tạo phần kết của câu chuyện.

1.4. Bài tập xử lí tình huống

Bài tập xử lí tình huống là phương pháp tổ chức cho HS phân tích và giải quyết các tình huống giả định hoặc tình huống thực tế có thể xảy ra trong học tập, sinh hoạt và cuộc sống. Thông qua việc suy nghĩ, trao đổi và lựa chọn cách giải quyết, HS từng bước hình thành kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề và ứng xử phù hợp.

Trong giáo dục kĩ năng, phương pháp này giúp HS vận dụng kiến thức và kinh nghiệm vào những bối cảnh cụ thể, đồng thời rèn luyện khả năng phân tích, dự đoán hậu quả và lựa chọn hành vi tích cực.

Cách tổ chức

GV xây dựng hoặc lựa chọn tình huống phù hợp với mục tiêu giáo dục. HS có thể làm việc cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm để phân tích tình huống, đề xuất các phương án giải quyết và trình bày trước lớp.

Sau khi HS trình bày, GV tổ chức trao đổi, phân tích ưu điểm, hạn chế của từng phương án và định hướng HS lựa chọn cách giải quyết phù hợp nhất.

Một số lưu ý

- Tình huống cần gần gũi, phù hợp với trải nghiệm của HS.
- Khuyến khích nhiều phương án giải quyết khác nhau nếu phù hợp.
- GV đóng vai trò định hướng, không áp đặt ngay đáp án.
- Chú trọng quá trình HS phân tích và lập luận.
- Kết nối bài học với các tình huống thực tế trong cuộc sống.

1.5. Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS cùng trao đổi, chia sẻ ý kiến và hợp tác để giải quyết một nhiệm vụ hoặc vấn đề chung. Thông qua quá trình thảo luận, HS được bày tỏ quan điểm, lắng nghe ý kiến của người khác, học cách hợp tác, thống nhất ý kiến và cùng chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của nhóm.

Trong giáo dục kĩ năng, thảo luận nhóm góp phần phát triển nhiều kĩ năng quan trọng như giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Đồng thời, phương pháp này giúp HS hình thành sự tự tin và tôn trọng sự khác biệt trong quá trình làm việc cùng người khác.

Cách tổ chức

GV xác định nhiệm vụ thảo luận rõ ràng, chia nhóm phù hợp và giao thời gian

thực hiện. Trong quá trình thảo luận, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm khi cần thiết và khuyến khích tất cả HS cùng tham gia.

Sau khi thảo luận, đại diện các nhóm trình bày kết quả. GV tổ chức cho các nhóm trao đổi, bổ sung ý kiến và tổng hợp những nội dung trọng tâm trước khi kết luận.

Một số lưu ý

- Nhiệm vụ thảo luận cần rõ ràng, phù hợp với trình độ của HS.
- Quy mô nhóm nên từ 4–6 HS để tạo điều kiện cho mọi thành viên tham gia.
- Phân công vai trò cụ thể trong nhóm như trưởng nhóm, thư ký, người trình bày khi cần thiết.
- GV cần quan sát, hỗ trợ những HS còn rụt rè hoặc ít tham gia.
- Khuyến khích HS tôn trọng ý kiến của nhau, biết lắng nghe, trao đổi và thống nhất trên tinh thần hợp tác.

1.6. Kịch tham gia

Kịch tham gia là phương pháp tổ chức cho HS tham gia xây dựng hoặc nhập vai vào các tình huống gần gũi với cuộc sống để trải nghiệm, khám phá và thực hành các hành vi, cách ứng xử phù hợp. Khác với biểu diễn kịch nhằm mục đích trình diễn, kịch tham gia chú trọng quá trình HS trực tiếp tham gia vào việc xử lí tình huống, trao đổi, chia sẻ cảm nhận và rút ra bài học sau hoạt động.

Trong giáo dục kĩ năng, kịch tham gia tạo cơ hội để HS được "học thông qua trải nghiệm", thử nghiệm nhiều cách ứng xử khác nhau trong môi trường an toàn trước khi vận dụng vào thực tiễn. Phương pháp này đặc biệt phù hợp với HS tiểu học vì các em dễ tiếp nhận kiến thức thông qua hình ảnh, cảm xúc và hoạt động nhập vai.

Cách tổ chức

GV lựa chọn hoặc xây dựng tình huống phù hợp với mục tiêu giáo dục kĩ năng và đặc điểm lứa tuổi HS. Tình huống cần gần gũi với cuộc sống hằng ngày của HS, có vấn đề cần giải quyết và khuyến khích HS suy nghĩ, đưa ra nhiều cách ứng xử khác nhau.

Sau khi giới thiệu tình huống và phân công vai diễn, GV tạo điều kiện để HS thảo luận, chuẩn bị và thực hiện vai diễn. Trong quá trình tham gia, GVđóng vai trò là người hướng dẫn, khuyến khích HS thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và sáng tạo trong cách giải quyết tình huống.

Sau hoạt động, GV tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét về cách xử lí của các nhân vật, phân tích điểm phù hợp và chưa phù hợp, từ đó cùng HS rút ra bài học và liên hệ với những tình huống tương tự trong cuộc sống.

Một số lưu ý

- Lựa chọn tình huống gần gũi với trải nghiệm của HS tiểu học.
- Khuyến khích nhiều HS cùng tham gia, hạn chế để một số em đóng vai trong

khi các em khác chỉ quan sát.

- Không đánh giá khả năng diễn xuất mà chú trọng cách suy nghĩ và ứng xử của HS.
- Sau mỗi hoạt động cần dành thời gian để HS chia sẻ cảm nhận và rút ra bài học.
- GV cần tạo bầu không khí an toàn, tôn trọng để HS tự tin bày tỏ ý kiến.

1.7. Tranh biện

Tranh biện là phương pháp tổ chức cho HS trình bày, trao đổi và bảo vệ ý kiến của mình về một vấn đề dựa trên những lí lẽ và dẫn chứng phù hợp, đồng thời biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác. Đối với HS tiểu học, tranh biện không đặt mục tiêu thắng – thua mà hướng đến việc giúp các em phát triển tư duy, khả năng diễn đạt, lắng nghe và hợp tác.

Trong giáo dục kĩ năng, tranh biện tạo cơ hội để HS suy nghĩ về nhiều góc nhìn khác nhau của một vấn đề, từ đó hình thành kĩ năng tư duy phản biện, ra quyết định và giao tiếp tích cực.

Cách tổ chức

GV lựa chọn chủ đề gần gũi với HS và phù hợp với mục tiêu giáo dục, chẳng hạn như "Có nên sử dụng điện thoại khi đang ăn cơm?", "Có nên giúp bạn làm bài tập?", hoặc "Nên làm gì khi thấy bạn bị bắt nạt?". GV giới thiệu quy tắc tranh biện, chia nhóm và giao thời gian để HS chuẩn bị ý kiến.

Trong quá trình tranh biện, GV khuyến khích HS trình bày quan điểm rõ ràng, lắng nghe ý kiến của nhóm khác và trao đổi trên tinh thần tôn trọng. Sau hoạt động, GV cùng HS tổng hợp các ý kiến, làm rõ những nội dung đúng, phù hợp và giúp HS rút ra bài học.

Một số lưu ý

- Lựa chọn chủ đề phù hợp với khả năng nhận thức của HS tiểu học.
- Khuyến khích HS nêu lí do cho ý kiến của mình thay vì chỉ trả lời "đúng" hoặc "sai".
- GV cần hướng dẫn HS tranh luận trên tinh thần tôn trọng, không công kích hoặc chế giễu người khác.
- Tạo cơ hội cho tất cả HS được tham gia phát biểu.
- GV giữ vai trò điều phối, định hướng và kết luận sau mỗi hoạt động.

1.8. Dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện một nhiệm vụ hoặc giải quyết một vấn đề gắn với thực tiễn trong một khoảng thời gian nhất định thông qua việc lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, tìm kiếm thông tin, thực hiện sản phẩm và báo cáo kết quả. Trong quá trình tham gia dự án, HS được huy động kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm để giải quyết nhiệm vụ, đồng thời phát triển các phẩm chất và năng lực cần thiết.

Trong giáo dục kĩ năng, phương pháp dạy học theo dự án tạo cơ hội để HS được trải nghiệm, hợp tác, ra quyết định và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Các dự án dành cho HS tiểu học cần có quy mô nhỏ, nội dung gần gũi, phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi và có thể thực hiện trong phạm vi lớp học, nhà trường hoặc cộng đồng.

Cách tổ chức

GV lựa chọn chủ đề hoặc vấn đề phù hợp với mục tiêu giáo dục kĩ năng, hướng dẫn HS xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Trong quá trình thực hiện, GV theo dõi, hỗ trợ, tạo điều kiện để HS thu thập thông tin, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết những khó khăn phát sinh.

Kết thúc dự án, HS trình bày sản phẩm hoặc kết quả thực hiện trước lớp, chia sẻ những điều đã học được và tự đánh giá quá trình tham gia. GV tổ chức cho HS nhận xét, rút kinh nghiệm và khuyến khích các em vận dụng những kĩ năng đã hình thành vào các hoạt động khác.

Một số lưu ý

- Lựa chọn chủ đề gần gũi với cuộc sống của HS tiểu học.
- Quy mô dự án cần phù hợp với thời gian, điều kiện của nhà trường và khả năng của HS.
- Giao nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với từng HS để mọi em đều có cơ hội tham gia.
- Chú trọng quá trình thực hiện hơn là sản phẩm cuối cùng.
- Khuyến khích HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong quá trình thực hiện dự án.

1.9. Xem video và thảo luận

Xem video và thảo luận là phương pháp sử dụng các đoạn phim, video, hoạt hình hoặc tình huống trực quan làm phương tiện khởi tạo trải nghiệm, từ đó tổ chức cho HS trao đổi, phân tích, chia sẻ ý kiến và rút ra bài học. Hình ảnh trực quan kết hợp với thảo luận giúp HS dễ dàng tiếp cận những vấn đề gần gũi với cuộc sống, đồng thời tạo hứng thú và tăng khả năng ghi nhớ.

Trong giáo dục kĩ năng, phương pháp này giúp HS quan sát các tình huống thực tế hoặc mô phỏng, nhận diện hành vi phù hợp và chưa phù hợp, từ đó hình thành nhận thức và cách ứng xử tích cực.

Cách tổ chức

GV lựa chọn video phù hợp với mục tiêu giáo dục, nội dung cần ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học. Trước khi xem, GV nêu mục đích và gợi ý một số câu hỏi để HS tập trung quan sát.

Sau khi xem, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm nhỏ; khuyến khích HS chia sẻ cảm nhận, nhận xét hành vi của các nhân vật, đề xuất cách xử

lí khác và liên hệ với bản thân. Cuối hoạt động, GV tổng hợp ý kiến, nhấn mạnh những thông điệp và bài học cần ghi nhớ.

Một số lưu ý

- Lựa chọn video có nội dung chính xác, phù hợp với lứa tuổi và mục tiêu giáo dục.
- Thời lượng video không nên quá dài để bảo đảm sự tập trung của HS.
- Câu hỏi thảo luận cần rõ ràng, khuyến khích HS suy nghĩ và bày tỏ quan điểm.
- Không để HS chỉ xem video một cách thụ động mà cần dành thời gian trao đổi, phân tích và rút ra bài học.
- GV cần định hướng, điều chỉnh những nhận xét chưa phù hợp và khuyến khích HS liên hệ với thực tiễn.

1.10. Tổ chức cuộc thi, hội thi

Tổ chức cuộc thi, hội thi là phương pháp tạo cơ hội để HS tham gia các hoạt động thi đua, giao lưu, thể hiện hiểu biết, kĩ năng và thái độ thông qua các hình thức đa dạng như thi tìm hiểu, sân khấu hóa, hùng biện, vẽ tranh, thiết kế sản phẩm hoặc thực hành xử lí tình huống. Đây là phương pháp góp phần tạo không khí học tập sôi nổi, khuyến khích HS tích cực tham gia và vận dụng những điều đã học vào thực tiễn.

Trong giáo dục kĩ năng, cuộc thi và hội thi không chỉ nhằm lựa chọn người đạt kết quả cao mà còn là môi trường để HS được trải nghiệm, hợp tác, giao lưu và học hỏi lẫn nhau.

Cách tổ chức

GV xác định mục tiêu, nội dung và hình thức cuộc thi phù hợp với chủ đề giáo dục kĩ năng. Trước khi tổ chức, GV phổ biến rõ thể lệ, tiêu chí đánh giá và phân công nhiệm vụ cho HS. Trong quá trình diễn ra hoạt động, GV tạo điều kiện để tất cả HS được tham gia bằng nhiều hình thức khác nhau.

Sau cuộc thi, GV tổ chức nhận xét, tuyên dương những cố gắng của HS, khuyến khích HS chia sẻ những điều đã học được và liên hệ với việc vận dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Một số lưu ý

- Nội dung cuộc thi cần hướng tới mục tiêu giáo dục, tránh chạy theo hình thức hoặc thành tích.
- Khuyến khích sự tham gia của tất cả HS, không chỉ tập trung vào những em có năng khiếu.
- Tiêu chí đánh giá cần rõ ràng, công bằng và phù hợp với lứa tuổi.
- Kết hợp động viên, khích lệ với đánh giá kết quả hoạt động.
- Chú trọng việc rút ra bài học sau mỗi cuộc thi.

1.11. Tham quan, dã ngoại

Tham quan, dã ngoại là phương pháp tổ chức cho HS học tập thông qua việc quan sát, trải nghiệm và khám phá tại các địa điểm ngoài lớp học như di tích lịch sử, bảo tàng, làng nghề, cơ sở sản xuất, công viên, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc các địa điểm văn hóa, xã hội khác. Đây là phương pháp giúp HS mở rộng hiểu biết, gắn kiến thức với thực tiễn và phát triển nhiều kĩ năng cần thiết thông qua trải nghiệm thực tế.

Trong giáo dục kĩ năng, tham quan, dã ngoại tạo điều kiện để HS rèn luyện kĩ năng giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, quan sát, giải quyết vấn đề và ứng xử phù hợp trong các môi trường khác nhau.

Cách tổ chức

GV lựa chọn địa điểm phù hợp với mục tiêu giáo dục và xây dựng kế hoạch tổ chức cụ thể. Trước chuyến tham quan, GV phổ biến mục đích, nội dung, nội quy và các quy định về an toàn; đồng thời giao nhiệm vụ quan sát hoặc tìm hiểu cho HS.

Trong quá trình tham quan, GV theo dõi, hướng dẫn và khuyến khích HS chủ động quan sát, đặt câu hỏi, ghi chép hoặc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Sau hoạt động, GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả, chia sẻ trải nghiệm, rút ra bài học và liên hệ với những nội dung đã học.

Một số lưu ý

- Lựa chọn địa điểm bảo đảm an toàn và phù hợp với mục tiêu giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức chi tiết, trong đó xác định rõ nhiệm vụ của giáo viên, HS và các lực lượng phối hợp.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về an toàn, y tế, phương tiện và phương án xử lí các tình huống phát sinh.
- Khuyến khích HS chủ động quan sát, đặt câu hỏi và tham gia các hoạt động trải nghiệm.
- Sau chuyến tham quan cần tổ chức hoạt động tổng kết để HS chia sẻ những điều đã học được và định hướng vận dụng vào thực tiễn.

2. GỢI Ý THIẾT KẾ KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG

2.1. Xác định yêu cầu cần đạt

Xác định yêu cầu cần đạt là bước "kim chỉ nam" định hình toàn bộ hoạt động giáo dục kĩ năng. Thầy, cô không thể tổ chức một hoạt động hiệu quả nếu không biết sau hoạt động đó, HS sẽ thay đổi ra sao về nhận thức, thái độ và hành vi.

Để giúp GV dễ dàng hình dung và viết đúng yêu cầu cần đạt cho một bài/hoạt động giáo dục kĩ năng, quy trình thực hiện được cụ thể hóa theo các bước "cầm tay chỉ việc" dưới đây.

2.1.1. Công thức viết yêu cầu cần đạt (theo 3 thành tố: Phẩm chất - Năng lực - Hành vi)

Khi viết yêu cầu cần đạt cho một kĩ năng, thầy, cô hãy trả lời câu hỏi: "Sau bài học/hoạt động này, HS làm được gì, cảm thấy thế nào và thay đổi hành vi ra sao?". Một yêu cầu cần đạt về kĩ năng thường bao gồm 3 khía cạnh:

- Về kiến thức/nhận thức (Hiểu biết): HS nhận diện, gọi tên hoặc hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của kĩ năng.

- Về kĩ năng/thực hiện (Làm được): HS thực hành thành thạo các bước của kĩ năng hoặc vận dụng được kĩ năng vào tình huống cụ thể.

- Về thái độ/phẩm chất (Cảm xúc & Giá trị): HS tự giác, tích cực, tự tin hoặc có ý thức trách nhiệm khi thực hiện kĩ năng đó.

Khi viết yêu cầu cần đạt hãy sử dụng các động từ hành động ở mức độ từ thấp đến cao trong thang đo tư duy, tránh dùng những từ chung chung như "biết về", "hiểu về". Nên dùng các từ: Nhận diện, phân biệt, thực hiện, liệt kê, từ chối, trình bày, xử lý, hợp tác, tự giác, ... Hạn chế dùng các từ: Hiểu, biết, nhận thức sâu sắc (vì khó đo lường).

2.1.2. Các bước viết yêu cầu cần đạt

- Bước 1: Xác định tên kĩ năng trọng tâm cần hình thành cho HS trong tiết học/hoạt động (Ví dụ: Kĩ năng từ chối; Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn bằng thương lượng, ...).

- Bước 2: Căn cứ vào lứa tuổi HS để định mức độ đạt được (HS lớp 1, 2 cần sự trực quan, thao tác mẫu đơn giản; HS lớp 4, 5 có thể phân tích tình huống, tranh luận và đưa ra quyết định linh hoạt).

- Bước 3: Diễn đạt thành câu hoàn chỉnh theo cấu trúc: "HS [Động từ chỉ mức độ] + [Nội dung kĩ năng/kiến thức] + [Biểu hiện cụ thể trong hành vi/thái độ]".

** Ví dụ minh họa thực tế cho các khối lớp khi viết yêu cầu cần đạt:*

Ví dụ 1: Chủ đề "Kĩ năng từ chối sự đụng chạm không an toàn" (Dành cho HS khối lớp 1 - 2)

- Về nhận thức:

+ Nhận diện được các vùng trên cơ thể là "vùng riêng tư" (vùng mặc đồ lót).

+ Phân biệt được hành động đụng chạm nào là an toàn, thân thiện và hành động nào là không an toàn/không được phép.

- Về kĩ năng:

+ Thực hiện thành thạo quy tắc 4 bước từ chối (Nói KHÔNG ➔ Lùi lại/Bỏ chạy ➔ Kêu lớn để cầu cứu ➔ Kể lại với người đáng tin cậy).

+ Tự tin thực hành đóng vai từ chối khi có tình huống giả định xảy ra.

- Về thái độ:

+ Có ý thức bảo vệ bản thân, không sợ hãi hoặc xấu hổ khi phải lên tiếng bảo vệ cơ thể mình.

Ví dụ 2: Chủ đề "Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn với bạn bè" (Dành cho HS khối lớp 4 - 5)

- Về nhận thức:

+ Trình bày được nguyên nhân phổ biến dẫn đến mâu thuẫn giữa các bạn trong lớp (hiểu lầm, nói tranh phần, đồ dùng...).

+ Nhận biết được hậu quả của việc giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực hoặc cãi vã.

- Về kĩ năng:

+ Vận dụng thành thạo quy tắc 3 bước giải quyết mâu thuẫn (Bình tĩnh hít thở ➔ Lắng nghe góc nhìn của bạn ➔ Đưa ra giải pháp cùng thắng - Win-win).

+ Kiềm chế được cảm xúc tức giận khi xảy ra bất đồng ý kiến trong nhóm.

- Về thái độ:

+ Tôn trọng ý kiến của bạn bè, cởi mở và thiện chí trong việc giảng hòa, xây dựng tình bạn đoàn kết.

2.1.3. Một số lỗi cần tránh khi viết yêu cầu cần đạt

- Viết chung chung, ôm đồm: Đưa ra quá nhiều mục tiêu lớn lao trong một tiết học ngắn (ví dụ: Giúp HS có toàn bộ kĩ năng sống...). Cách khắc phục: Chỉ tập trung vào 1-2 biểu hiện hành vi cốt lõi nhất của kĩ năng đó.

- Dùng sai từ khóa đánh giá: Dùng từ "Hiểu bài" nhưng lại không chỉ ra được HS hiểu thì thể hiện qua hành động gì. Cách khắc phục: Thay bằng "Trình bày được", "Nêu được", "Phân loại được".

- Tách rời lý thuyết và hành động: Chỉ đặt mục tiêu HS nhớ kiến thức mà quên mất kĩ năng phải gắn liền với thực hành và thay đổi thái độ.

2.2. Lựa chọn nội dung

Sau khi đã có "kim chỉ nam" là Yêu cầu cần đạt, việc tiếp theo thầy, cô cần làm là lựa chọn nội dung để đưa vào bài học/hoạt động. Nội dung giáo dục kĩ năng sống không phải là những lý thuyết hàn lâm, khô khan mà phải gắn liền với thực tiễn đời sống, phù hợp với tâm sinh lý và giải quyết đúng những "vấn đề" mà HS đang gặp phải.

Để giúp thầy cô tự tin lựa chọn và biên soạn nội dung giáo dục kĩ năng cho HS, việc thực hiện được cụ thể hóa như sau.

2.2.1. Tiêu chí khi lựa chọn nội dung giáo dục kĩ năng

Khi chọn một chủ đề hay một tiểu mục nội dung để dạy HS, thầy, cô hãy chiếu qua ba tiêu chí sau:

*(1) Tính thiết thực (Đúng - Trúng - Đủ)***:** Nội dung phải giải quyết được nhu cầu thực tế của HS. Ví dụ: HS lớp 1 đang lúng túng trong việc tự thu dọn bàn học, nội dung chọn phải là "Cách gấp gọn quần áo và xếp sách vở vào cặp", không lan man sang quản lí thời gian biểu.

(2) Tính vừa sức (Đúng độ tuổi):

- Khối 1, 2, 3 (giai đoạn trực quan): Nội dung tập trung vào thao tác cơ bản, thói quen sinh hoạt và dấu hiệu của hành vi, tình huống không an toàn (tự mặc áo, sắp xếp đồ dùng, từ chối lời rủ rê gây lo lắng). Không đánh giá người khác là nguy hiểm chỉ qua vẻ ngoài hoặc xuất thân.
- Khối 4, 5 (giai đoạn phát triển tư duy và cảm xúc xã hội): Mở rộng việc hợp tác, quản lí cảm xúc, kiểm chứng thông tin và tìm hiểu công cụ AI qua tình huống do GV lựa chọn; khuyến khích đặt câu hỏi, đối chiếu câu trả lời với nguồn đáng tin cậy và tự trình bày điều đã học.

*(3) Tính hành động (Dễ thực hành)***:** Nội dung chọn ra phải chuyển hóa thành các bước hành động cụ thể mà HS có thể thực hành ngay tại lớp hoặc tại nhà.

Gợi ý tổ chức nội dung số và AI: Với lớp 1–2, GV dùng tranh hai thông tin khác nhau, cho HS nêu điều chưa chắc và hỏi người đáng tin cậy. Với lớp 3–5, GV dùng một câu trả lời do AI tạo sẵn, trong đó có một chi tiết cần kiểm chứng; HS tìm bằng chứng trong sách hoặc học liệu đã được chọn và giải thích vì sao không chép nguyên câu trả lời.

Hoạt động do GV điều phối, có thể thực hiện trên thẻ giấy; không buộc HS tự đăng ký dịch vụ, nhập dữ liệu cá nhân hay mua thiết bị. Mục tiêu đánh giá là biết hỏi, kiểm tra, giữ thông tin riêng tư và tự trình bày suy nghĩ, không đánh giá tốc độ thao tác hoặc khả năng viết câu lệnh.

2.2.2. Các bước lựa chọn và chắt lọc nội dung

- *Bước 1: Khoanh vùng vấn đề cốt lõi:* Từ tên kĩ năng lớn (ví dụ: *Kĩ năng giao tiếp và hợp tác*), thầy, cô chọn ra một lát cắt hẹp để dạy trong buổi đó (ví dụ: *Cách lắng nghe người khác khi nói* hoặc *Cách phân công công việc trong nhóm*). Không tham lam đưa tất cả vào một buổi.
- *Bước 2: Xây dựng hệ thống ý chính***:** Chắt lọc nội dung thành 3 phần chính theo tư duy logic:

✓ *Ý 1: Vì sao cần kĩ năng này?* (Lợi ích/Hậu quả nếu không có).

✓ *Ý 2: Các bước thực hiện kĩ năng thế nào?* (Quy trình chuẩn, từ 3 - 5 bước ngắn gọn).

✓ *Ý 3: Lưu ý hoặc mẹo nhỏ khi thực hiện.*

- *Bước 3: Việt hóa nội dung thành ngôn ngữ phù hợp với HS tiểu học:* Chuyển các thuật ngữ chuyên môn thành từ ngữ gần gũi, dễ nhớ, thậm chí có thể biến thành "bí kíp", "khẩu hiệu" hoặc "quy tắc bàn tay" để HS dễ thuộc, dễ áp dụng.

** Ví dụ minh họa cho việc lựa chọn nội dung*

Để thầy, cô dễ hình dung cách "gọt giũa" một nội dung lí thuyết thành nội dung hoạt động thực tế, dưới đây là 2 ví dụ cụ thể:

Ví dụ 1: Lựa chọn nội dung cho chủ đề "Kĩ năng sắp xếp đồ dùng cá nhân" (Dành cho HS khối lớp 2)

- *Nếu viết theo kiểu sách giáo khoa cũ (khô khan):* Khái niệm về ngăn nắp, ý nghĩa của việc giữ gìn đồ dùng học tập sạch đẹp, các quy định chung của nhà trường về giữ gìn vệ sinh lớp học. ➔ (Cách này HS dễ chán và không biết bắt đầu từ đâu).

- *Nếu lựa chọn nội dung theo hướng hoạt động kĩ năng thực tế:* Chắt lọc thành 3 nội dung trọng tâm để HS thực hành ngay tại lớp:

1. *Nhận diện "thủ phạm" gây bừa bộn:* Vì sao cặp sách và bàn học của em hay bị lộn xộn? (Mang thừa đồ, không phân loại).

2. *Bí kíp "3 bước dọn bàn học siêu tốc":*

▪ *Bước 1 - Lọc đồ:* Đặt mọi thứ lên bàn, chia làm 2 nhóm (Đồ dùng học tập hôm nay và Đồ dùng để ở nhà).

▪ *Bước 2 - Sắp xếp theo khu vực:* Sách vở vào ngăn to, hộp bút vào góc phải, vở kiểm tra vào bìa riêng.

▪ *Bước 3 - Kiểm tra lại:* Nhìn tổng thể và đóng nắp bàn gọn gàng.

3. *Quy tắc "Về nhà đúng chỗ":* Mỗi đồ vật có một "ngôi nhà riêng", dùng xong phải trả về đúng chỗ đó.

Ví dụ 2: Lựa chọn nội dung cho chủ đề "Kĩ năng ứng phó khi bị bắt nạt học đường" (Dành cho HS khối lớp 4)

- Nếu lựa chọn nội dung theo hướng hoạt động kĩ năng thực tế: Chắt lọc thành 3 nội dung cốt lõi phù hợp để xử lý tình huống:

1. *Nhận diện hành vi bắt nạt:* Phân biệt rõ giữa "trêu đùa vui vẻ" và "bắt nạt" (bắt nạt có tính chất lặp lại, cố ý gây tổn thương thể xác hoặc tinh thần, có sự chênh lệch quyền lực).

2. *Bộ quy tắc ứng phó "3 bước tự bảo vệ" (B - A - C):*

▪ *Bước B (Bình tĩnh & Bày tỏ thái độ):* Giữ sắc mặt nghiêm túc, dùng giọng nói dứt khoát nói "Dừng lại ngay, tôi không thích điều này!".

▪ *Bước A (Á khẩu/Rời đi):* Quay lưng bỏ đi ngay lập tức đến nơi đông người, không đôi co thêm để tránh xung đột leo thang.

▪ Bước C (Cầu cứu): Tìm sự hỗ trợ từ GV chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội, người chăm sóc hoặc người lớn đáng tin cậy.

3. *Quy tắc "Người quan sát thông thái":* Dạy HS nếu thấy bạn bị bắt nạt thì không đứng xem/hùa theo, phải đi báo ngay cho thầy cô hoặc kéo bạn cùng chạy đi.

2.2.3. Một số lỗi cần tránh khi lựa chọn nội dung

- *Biến giờ kĩ năng thành giờ lý thuyết đạo đức:* Dạy quá nhiều chữ nghĩa, giảng giải dài dòng thay vì tập trung vào các bước hành động cụ thể. Cách khắc phục: Giảm bớt phần "Lý thuyết tại sao", tăng tối đa phần "Hướng dẫn cách làm thế nào".

- *Nội dung quá tầm với HS:* Đưa các khái niệm tâm lý học phức tạp xuống tiểu học. Cách khắc phục: Luôn đặt câu hỏi "HS lớp này ở nhà/ở trường thường lúng túng ở điểm gì nhất?" để khoanh vùng đúng nội dung cần gỡ rối.

2.3. Thiết kế hoạt động

Để một tiết học kĩ năng sống không bị khô khan hay biến thành một bài giảng đạo đức một chiều, việc thiết kế tiến trình tổ chức hoạt động theo mô hình trải nghiệm 4 bước: Khám phá - Kết nối - Thực hành - Vận dụng là phương pháp tối ưu. Mô hình này giúp HS đi từ trải nghiệm thực tế, đúc rút bài học, luyện tập thành thạo rồi chuyển hóa thành hành vi trong đời sống.

Dưới đây là hướng dẫn cụ thể cách triển khai từng bước cùng ví dụ minh họa trực quan.

Bước 1: Khám phá (Kích thích tư duy và kết nối trải nghiệm ban đầu)

- *Mục đích:* Thu hút sự chú ý của HS, gợi mở những trải nghiệm, hiểu biết sẵn có của các em liên quan đến kĩ năng sắp học, tạo tâm thế hào hứng bước vào bài học.

- *Nội dung:* Thông qua trò chơi, tình huống, câu đố,… huy động những kiến thức, kĩ năng của HS về kĩ năng sống cần giáo dục; tạo hứng thú, kích thích sự tò mò của HS về kĩ năng sẽ được trải nghiệm.

- *Cách thức thực hiện cho giáo viên:*

+ Không giảng giải lý thuyết dài dòng ngay từ đầu.

+ Nên cho HS tham gia một trò chơi ngắn (1-3 phút), xem một đoạn video ngắn, quan sát một bức tranh, một tình huống có vấn đề hoặc trả lời một câu hỏi gợi mở, đố vui.

+ Thời lượng gợi ý: Khoảng 3 - 5 phút.

- *Ví dụ minh họa (Chủ đề: Kĩ năng quản lí cảm xúc tức giận - Lớp 3):*

+ *Hoạt động:* GV tổ chức trò chơi nhanh *"Khuôn mặt biến hóa"*. GV hô tên một cảm xúc (ví dụ: *Vui vẻ, Buồn bã, Tức giận*), HS dưới lớp lập tức làm biểu cảm khuôn mặt đó trong 5 giây.

+ *Câu hỏi chốt chuyển giao:* "Khi gặp chuyện trái ý mình, các em thường có khuôn mặt giống trạng thái nào nhất? Lúc đó cơ thể và tim các em đập như thế nào?".

Bước 2: Kết nối (Hình thành kiến thức và rút ra bài học cốt lõi)

- *Mục đích:* Giúp HS gọi tên được kĩ năng, hiểu rõ bản chất của vấn đề và nắm được "bí kíp" (các bước thực hiện) của kĩ năng đó.

- *Nội dung:* Kết nối với khái niệm, kiến thức, kĩ năng mà HS sẽ được học trong chủ đề thông qua các hoạt động đa dạng như: quan sát tranh, trả lời câu hỏi, nối, ghép, đánh dấu, tìm hiểu, thảo luận nhóm, bài tập cá nhân, …

- *Cách thức thực hiện cho giáo viên:*

+ Từ hoạt động Khám phá ở Bước 1, GV dẫn dắt để HS tự thảo luận, phát biểu xem vì sao lại xảy ra hiện tượng đó và cần ứng phó thế nào.

+ GV chốt lại kiến thức cốt lõi bằng các bước ngắn gọn, dễ nhớ (có thể dùng sơ đồ tư duy, quy tắc bàn tay, khẩu hiệu hoặc các bước 1-2-3).

+ Thời lượng gợi ý: Khoảng 10 - 15 phút.

- *Ví dụ minh họa (Tiếp tục chủ đề Kĩ năng quản lí cảm xúc tức giận - Lớp 3):*

+ *Thảo luận:* GV hỏi: "Khi tức giận, nếu mình đánh bạn hoặc hét lên thì chuyện gì sẽ xảy ra?". HS chia sẻ.

+ *Chốt kiến thức (Bí kíp "Chiếc khiên dừng lại" - 3 bước):*

1. *Dừng lại:* Nhận diện mình đang nổi giận (Tim đập nhanh, mặt nóng bừng).

2. *Hít thở sâu:* Hít vào thật sâu bằng mũi, thở ra từ từ bằng miệng giống như đang thổi nến (làm 3 lần).

3. Nói lời bình tĩnh: Diễn đạt cảm xúc bằng giọng phù hợp hoặc tìm giáo viên, người chăm sóc hỗ trợ; không dùng bạo lực.

Bước 3: Thực hành (Trải nghiệm, đóng vai và rèn luyện kĩ năng)

- *Mục đích:* Đây là "trái tim" của tiết học kĩ năng. HS được chuyển từ "biết" sang "làm được" thông qua việc thử nghiệm các bước đã học vào tình huống giả định.

- *Nội dung:* HS thực hành những kĩ năng vừa học được trong chủ đề thông qua nhiều hoạt động như: vẽ tranh, làm bài tập cá nhân, thực hành kĩ năng, xử lý tình huống, đóng vai, hỏi chuyên gia, hỏi và trả lời, …

- *Cách thức thực hiện cho giáo viên:*

+ Đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế lớp học.

+ Tổ chức cho HS làm việc theo cặp, theo nhóm nhỏ để đóng vai, thảo luận cách giải quyết hoặc thực hiện thao tác mẫu. (Lưu ý: tổ chức hoạt động để 100% HS được thực hành)

+ GV quan sát, hỗ trợ các nhóm còn lúng túng và mời đại diện các nhóm lên trình diễn/thể hiện lại trước lớp.

+ Thời lượng gợi ý: Khoảng 10 - 15 phút.

- *Ví dụ minh họa (Tiếp tục chủ đề Kĩ năng quản lí cảm xúc tức giận - Lớp 3):*

+ *Tình huống giả định giao cho nhóm đôi:* "Giờ ra chơi, bạn Nam vô tình làm rơi vỡ hộp bút vẽ mới mua của Bình. Bình đang rất tức giận và muốn lao vào mắng Nam. Nếu là Bình, em sẽ làm gì?".

+ *Thực hành:* Các cặp HS đóng vai, một bạn làm Bình, một bạn làm Nam. Bạn "Bình" phải thực hành áp dụng ngay 3 bước: Dừng lại ➔ Hít thở sâu ➔ Nói nhẹ nhàng: "Bạn làm rơi hộp bút của mình rồi, mình buồn lắm, lần sau bạn cẩn thận hơn nhé!".

+ *Nhận xét:* GV và cả lớp nhận xét xem các bạn đã thực hiện đúng quy tắc 3 bước chưa.

Bước 4: Vận dụng (Mở rộng, cam kết hành động trong đời sống)

- *Mục đích:* Giúp HS biết cách mang kĩ năng vừa học áp dụng vào cuộc sống thực tế ở nhà, ở trường và hình thành thói quen tích cực lâu dài.

- *Nội dung:* HS được mở rộng và vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được trong chủ đề vào những tình huống, bối cảnh mới thông qua các hoạt động như: sắm vai xử lí tình huống, làm sản phẩm, lập kế hoạch, thực hiện dự án, …

- *Cách thức thực hiện cho giáo viên:*

+ Giao nhiệm vụ thực hiện ngoài giờ học bằng cách linh hoạt (ví dụ: luyện tập với người chăm sóc nếu phù hợp, dùng tình huống giả định hoặc tự quan sát trong tuần).

+ Tổ chức cho HS chia sẻ nhanh cam kết cá nhân hoặc viết vào "Nhật ký kĩ năng".

+ Thời lượng gợi ý: Khoảng 3 - 5 phút.

- *Ví dụ minh họa (Tiếp tục chủ đề Kĩ năng quản lí cảm xúc tức giận - Lớp 3):*

+ Nhiệm vụ vận dụng (tự nguyện): Khi cảm thấy bực mình, em có thể thử hít thở chậm, tìm người hỗ trợ và chọn cách diễn đạt cảm xúc an toàn. HS có thể nói về tình huống giả định, không phải kể chuyện riêng ở nhà trước lớp.

** Bảng kiểm nhanh giúp GV tự đánh giá một kế hoạch hoạt động kĩ năng*

Trước khi lên lớp, thầy cô có thể tự xem lại kế hoạch bài dạy của mình qua 4 câu hỏi kiểm tra nhanh:

1. *Phần Khám phá đã có trò chơi hoặc tình huống khơi gợi sự tò mò chưa?* (Có/Không)

2. *Phần Kết nối đã đúc rút được quy trình/các bước thực hiện rõ ràng, dễ nhớ chưa?* (Có/Không)

3. *Phần Thực hành có cho HS được tự mình thao tác/đóng vai xử lý tình huống không?* (Có/Không)

4. *Phần Vận dụng có gắn với đời sống thực tế hằng ngày của các em không?* (Có/Không)

3. GỢI Ý MỘT SỐ KĨ NĂNG ĐƯỢC TÍCH HỢP TRONG YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MỘT SỐ MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC

Giáo dục kĩ năng không phải là một môn học độc lập trong chương trình giáo dục tiểu học mà được thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau, trong đó tích hợp trong các môn học là một con đường quan trọng và có nhiều ưu thế. Thông qua các nội dung học tập, các tình huống sư phạm và các hoạt động học tập trên lớp, GV có thể giúp HS hình thành và phát triển những kĩ năng cần thiết cho học tập, cuộc sống và sự phát triển toàn diện của bản thân.

Việc tích hợp giáo dục kĩ năng trong các môn học cần được thực hiện một cách tự nhiên, phù hợp với mục tiêu, nội dung và đặc trưng của từng môn học. GV không nên tách riêng thành một nội dung độc lập hoặc làm tăng áp lực về thời lượng dạy học mà cần khai thác những cơ hội giáo dục sẵn có trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập.

Trong quá trình dạy học, GV có thể tích hợp giáo dục kĩ năng thông qua việc lựa chọn nội dung bài học, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức các hoạt động trải nghiệm học tập và khai thác các tình huống thực tiễn gắn với nội dung môn học.

Ví dụ:

- Môn Tiếng Việt có thể góp phần hình thành các kĩ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày ý kiến, hợp tác và ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ.
- Môn Đạo đức tạo cơ hội để giáo dục các giá trị sống, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, ứng xử có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.
- Môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học giúp HS hình thành các kĩ năng tự bảo vệ bản thân, chăm sóc sức khỏe, phòng tránh tai nạn thương tích, bảo vệ môi trường và ứng phó với các tình huống trong cuộc sống.
- Môn Tin học góp phần phát triển các kĩ năng sử dụng thiết bị số an toàn, bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện nguy cơ trên không gian mạng và ứng xử văn minh trên môi trường số.
- Môn Giáo dục thể chất giúp HS rèn luyện tính kỉ luật, tinh thần hợp tác, khả năng tự phục vụ và các kĩ năng bảo đảm an toàn trong vận động.
- Hoạt động trải nghiệm giúp HS rèn luyện những kĩ năng như nhận thức, quản lí bản thân, tự bảo vệ, giao tiếp và hợp tác, …

Dưới đây là bảng **g**ợi ý một số kĩ năng được tích hợp trong yêu cầu cần đạt của một số môn học ở Tiểu học

Bảng 3. Gợi ý lồng ghép, tích hợp một số kĩ năng trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với học sinh lớp 1

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
1. Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân	- Nêu được những việc làm tự chăm sóc bản thân như: vệ sinh răng, miệng, tóc, cơ thể; ăn mặc chỉnh tề;... - Tự làm được các việc chăm sóc bản thân vừa sức của mình. - Thực hiện được hành động tự giác làm việc của mình ở nhà, ở trường. - Bước đầu hình thànhđược một số nền nếp như: gọn gàng, ngăn nắp; học tập, sinh hoạt đúng giờ;... - Thực hiện đúng nội quy của trường, lớp.	- Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và ích lợi của việc làm đó; thực hiện đúng các quy tắc giữ vệ sinh cơ thể; tự đánh giá được việc thực hiện giữ vệ sinh cơ thể. - Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. - Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp. - Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng, thiết bị của lớp học và trường học. - Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch đẹp. - Thực hiện được việc sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh để giữ cho cơ thể khoẻ mạnh.	- Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi. - Biết tham gia sắp xếp nhà cửa gọn gàng. - Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện được những việc đó. - Thực hiện được một số việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ môi trường xung quanh luôn sạch, đẹp.
2. Kĩ năng giao tiếp và hợp tác	- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương người thân trong gia đình. - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi. - Lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ, anh chị; hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.	- Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình. - Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình. - Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, GV và các thành viên khác trong nhà trường. - Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình. - Nêu được một số việc HS có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương.	- Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô. - Thể hiện được một số biểu hiện cảm xúc và hành vi yêu thương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường. - Thực hiện được lời nói, việc làm thể hiện tình yêu thương với các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
	- Nhắc nhở bạn bè thực hiện đúng nội quy trường, lớp.		- Biết thiết lập các mối quan hệ với hàng xóm. - Tham gia các hoạt động giáo dục của Sao Nhi đồng và của nhà trường. - Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi. - Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.
3. Kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc	- Nêu được một số biểu hiện của tính thật thà. - Thực hiện được lời nói và việc làm thật thà như: không nói dối; nhặt được của rơi trả lại người đánh mất; không lấy đồ dùng của người khác; biết nhận lỗi khi nói hoặc làm sai;..	- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học và trường học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó. - Nêu được cảm xúc khi tham gia lễ hội đó. - Tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân.	- Mô tả được hình thức bên ngoài của bản thân. - Thể hiện được một số biểu hiện cảm xúc và hành vi yêu thương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.
4. Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn	- Nêu được một số tai nạn, thương tích trẻ em thường gặp (đuối nước, bỏng, ngộ độc thực phẩm, ngã, điện giật, tai nạn giao thông,...). - Nhận biết được nguyên nhân và hậu quả của tai nạn, thương tích. - Thực hiện được một số cách đơn giản và phù hợp để phòng, tránh tai nạn, thương	- Chỉ ra hoặc nêu được tên đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm. - Nêu được cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình và lựa chọn được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận. - Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ; biết lựa chọn và chơi những trò chơi an	- Nêu được những hành động an toàn, không an toàn khi vui chơi và thực hiện được một số hành vi tự bảo vệ. - Biết cách sử dụng một số dụng cụ gia đình một cách an toàn.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
	tích.	toàn. - Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và nêu được cách phòng tránh thông qua quan sát thực tế cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video. - Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và đèn hiệu giao thông. - Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông. - Nhận biết được vùng riêng tư của cơ thể cần được bảo vệ. - Thực hành nói không và tránh xa người có hành vi động chạm hay đe doạ đến sự an toàn của bản thân. - Thực hành nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ khi cần. - Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây, con vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. - Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.	
5. Kĩ năng tham gia môi trường số an toàn	*(Chương trình hiện hành cho lớp 1 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 1 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 1 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*
6. Kĩ năng tư duy và ra quyết định	- Đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương trong gia đình; không đồng	- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình. - Giải thích được ở mức độ đơn giản tại sao	- Nhận biết được thế nào là môi trường sạch, đẹp và chưa sạch, đẹp.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
	tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương gia đình. - Đồng tình với những thái độ, hành vi thật thà; không đồng tình với những thái độ, hành vi không thật thà. - Biết vì sao phải tự giác làm việc của mình. - Biết vì sao phải thật thà. - Biết vì sao phải sinh hoạt nền nếp. - Biết vì sao phải thực hiện đúng nội quy trường, lớp.	cần phải bảo vệ các giác quan. - So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm; bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao). - Nêu tên và đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đặc điểm bên ngoài nổi bật của cây và con vật thường gặp. - Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người (cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa,...). - Phân biệt được một số con vật theo ích lợi hoặc tác hại của chúng đối với con người. - Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý.	

Bảng 4. Gợi ý lồng ghép, tích hợp một số kĩ năng trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với học sinh lớp 2

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
1. Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân	- Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian. - Thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí. - Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình. - Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.	- Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh). - Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường. - Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống. - Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.	- Biết sắp xếp đồ dùng sinh hoạt cá nhân ngăn nắp, gọn gàng. - Thực hiện được một số công việc tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi. - Thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn vệ sinh môi trường ở nhà trường.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
		- Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận. - Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh.	
2. Kĩ năng giao tiếp và hợp tác	- Nêu được một số biểu hiện của sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè. - Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè. - Sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai. - Nhắc nhở bạn bè, người thân bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.	- Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình. - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình. - Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.	- Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự quan tâm chăm sóc, lòng biết ơn đến các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. - Trao đổi được với người thân về một số hoạt động chung trong gia đình. - Nhận diện được những việc làm để thể hiện tình bạn và biết nói những lời phù hợp khi giao tiếp với bạn. - Biết thể hiện lòng biết ơn với thầy cô. - Làm quen được với những người bạn hàng xóm, tạo được quan hệ gần gũi, thân thiện với bạn bè trong cộng đồng. - Biết thể hiện sự đồng cảm và chia sẻ với người gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống và trong hoạt động vì cộng đồng. - Tham gia vào một số hoạt động hướng đến cộng đồng do nhà trường tổ chức. - Giới thiệu được với bạn bè,

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
			người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương.
3. Kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc	- Phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...). - Biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với bản thân và mọi người xung quanh. - Biết kiềm chế các cảm xúc tiêu cực.- Nêu được một số biểu hiện của nhận lỗi, sửa lỗi. - Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi.	- Nhận xét được về sự tham gia của HS trong những sự kiện đó và chia sẻ cảm nhận của bản thân.	- Nhận diện được hình ảnh thân thiện, luôn vui vẻ của bản thân. - Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân thông qua sản phẩm tự làm.
4. Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn	- Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ. - Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.	- Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc. - Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc. - Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc. - Xác định được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia những hoạt động ở trường và cách phòng tránh. - Phân biệt được một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn; biển báo cấm; biển báo nguy hiểm) qua hình ảnh.	- Nhận biết được những tình huống có nguy cơ bị lạc, bị bắt cóc và thực hiện được những việc làm để phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc. - Biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè khi tự mình không giải quyết được vấn đề trong mối quan hệ với bạn. - Biết cách sử dụng an toàn một số dụng cụ lao động quen thuộc.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm
		- Nêu được quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông (ví dụ: xe máy, xe buýt, đò, thuyền,...) và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. - Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai.	
5. Kĩ năng tham gia môi trường số an toàn	*(Chương trình hiện hành cho lớp 2 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 2 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 2 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*
6. Kĩ năng tư duy và ra quyết định	- Biết vì sao phải quý trọng thời gian. - Biết vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi. - Đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi. - Biết vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình. - Biết vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ. - Biết vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng. - Đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng.	- Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh). - Nêu được lí do vì sao phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua. - Giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông. - Giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật. - Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu một trong các cơ quan trên không hoạt động.	- Nhận biết đồng tiền được sử dụng trong trao đổi hàng hoá. - Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh môi trường xung quanh.

Bảng 5. Gợi ý lồng ghép, tích hợp một số kĩ năng trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với học sinh lớp 3

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
1. Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân	- Hoàn thành nhiệm vụ đúng kế hoạch, có chất lượng. - Rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân.	- Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà. - Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp (theo mẫu) để có được thói quen học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc.	- Sắp xếp được thứ tự các hoạt động, công việc trong ngày của bản thân và bước đầu thực hiện được thời gian biểu đề ra. - Có thói quen giữ gìn nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. - Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể. - Thực hiện được ý tưởng về việc trang trí, lao động vệ sinh lớp học, có ý thức giữ an toàn trong khi trang trí lớp học.	
2. Kĩ năng giao tiếp và hợp tác	- Quan tâm đến hàng xóm láng giềng bằng những lời nói, việc làm phù hợp. - Thực hiện giữ lời hứa bằng lời nói, việc làm cụ thể. - Nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ. - Thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để xử lí bất hoà với bạn bè.	- Xưng hô đúng với các thành viên trong gia đình thuộc họ nội, họ ngoại. - Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại. - Giới thiệu được một cách đơn giản về truyền thống nhà trường. - Bày tỏ được tình cảm hoặc mong ước của bản thân đối với nhà trường. - Trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của	- Thể hiện được lòng biết ơn, sự quan tâm, chăm sóc đến bố mẹ, người thân bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể. - Kể lại được điều ấn tượng nhất về thầy giáo, cô giáo và thể hiện tình cảm với thầy cô bằng sản phẩm tự làm. - Biết cách hoà giải bất đồng trong quan hệ bạn bè. - Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự quan tâm đến các thành viên trong cộng đồng.	

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
	- Sẵn sàng giúp bạn bè xử lí bất hoà với nhau.	địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được.	- Tham gia một số hoạt động tình nguyện, nhân đạo, giáo dục truyền thống do nhà trường, địa phương tổ chức.	
3. Kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc	- Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Thực hiện được một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	- Nêu được một số ví dụ về mối quan hệ với gia đình hoặc bạn bè có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến trạng thái cảm xúc (hoặc sức khoẻ tinh thần) của mỗi người.	- Nhận ra được những nét riêng của bản thân. - Giới thiệu được các sở thích của bản thân và sản phẩm được làm theo sở thích. - Nhận ra được một số đức tính của bản thân liên quan đến nghề yêu thích.	
4. Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn	- Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông phù hợp với lứa tuổi.	- Đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra; Nhận xét về những cách ứng xử đó. - Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra. - Điều tra, phát hiện được những thứ có thể gây cháy trong nhà và nói với người lớn có biện pháp để phòng cháy. - Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn và thần kinh. - Thu thập được thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tim mạch, thần kinh (ví	- Nhận thức được các nguy cơ nếu không thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hiện những việc làmbảo đảman toàn trong ăn uống. - Biết giữ an toàn trong lao động.	- Biết thực hiện quy tắc an toàn về điện, có ý thức đề phòng tai nạn về điện khi sử dụng máy tính. - Nêu được tác hại của việc ngồi sai tư thế hoặc sử dụng máy tính quá thời gian quy định cho lứa tuổi. Nhận ra được tư thế ngồi sai khi làm việc với máy tính.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
		dụ: thuốc lá, rượu, ma tuý); nêu được cách phòng tránh.		
5. Kĩ năng tham gia môi trường số an toàn	*(Chương trình hiện hành cho lớp 3 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 3 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 3 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	- Có ý thức bảo vệ thông tin cá nhân và gia đình khi giao tiếp qua máy tính; biết được việc người xấu có thể lợi dụng những thông tin này gây hại cho em và gia đình. - Biết được không phải thông tin nào trên Internet cũng phù hợp với lứa tuổi.
6. Kĩ năng tư duy và ra quyết định	- Biết vì sao phải quan tâm đến hàng xóm láng giềng. - Biết vì sao phải giữ lời hứa. - Biết vì sao phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ. - Biết vì sao phải biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Nhận biết được lợi ích của việc ham học hỏi đối với lứa tuổi của mình. - Đồng tình với những lời nói, việc làm tốt; không đồng tình với những lời nói, việc làm	- Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà. - Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm, qua sử dụng mô hình hoặc video. - Đặt được một số câu hỏi để tìm hiểu về truyền thống nhà trường (năm thành lập trường, thành tích dạy và học; các hoạt động khác,...). - So sánh (hình dạng, kích thước, màu sắc) rễ, thân, lá, hoa, quả của các thực vật khác nhau; phân loại được thực vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ:	- Nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường.	- Nêu được ví dụ minh hoạ cho nhận xét: Cuộc sống quanh ta có những máy móc tiếp nhận thông tin để quyết định hành động. Nhận ra được trong ví dụ của giáo viên, máy đã xử lí thông tin nào và kết quả xử lí ra sao. - Giải thích được nếu sắp xếp những gì ta có một cách hợp lý thì khi cần sẽ tìm được nhanh hơn. - Sử dụng được cách nói "Nếu...Thì..." thể

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Tự nhiên và Xã hội	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
	không tốt đối với hàng xóm láng giềng. - Đồng tình với những lời nói, hành động thể hiện việc giữ lời hứa; không đồng tình với lời nói, hành động không giữ lời hứa. - Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông.	đặc điểm của thân, rễ, lá,...). - So sánh được đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; phân loại được động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm cơ quan di chuyển,...). - Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ.		hiện quyết định thực hiện một việc hay không tuỳ thuộc vào một điều kiện có được thoả mãn hay không. - Phát biểu được nhiệm vụ đặt ra bằng cách xác định những gì đã cho trước, cần làm gì hay cần tạo ra sản phẩm số nào. - Chia được một công việc cụ thể thành những việc nhỏ hơn, trong đó có những việc có thể thực hiện và sự trợ giúp của máy tính.

Bảng 6. Gợi ý lồng ghép, tích hợp một số kĩ năng trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với học sinh lớp 4

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
1. Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân	- Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân. - Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp. - Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công. - Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,… đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình. - Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi.	- Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí. - Thực hiện được việc làm phù hợp để chăm sóc cây trồng (ví dụ: tưới nước, bón phân,...) và (hoặc) vật nuôi ở nhà. - Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân gây hỏng thực phẩm, nêu được một số cách bảo quản thực phẩm (làm lạnh, sấy khô, ướp muối,...). - Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày. - Nhận xét được bữa ăn có cân bằng, lành mạnh không dựa vào sơ đồ tháp dinh dưỡng của trẻ em và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày ở nhà hoặc ở trường. - Thực hiện được một số việc làm để phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng. - Thực hiện được và vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm.	- Thể hiện được nền nếp sinh hoạt, - Tự lực thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công, hướng dẫn. - Lựa chọn được mặt hàng muốn mua phù hợp với khả năng tài chính của bản thân và gia đình. - So sánh được giá của các mặt hàng phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình và có ý thức tiết kiệm cho gia đình.	

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
		- Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ bầu không khí trong lành.		
2. Kĩ năng giao tiếp và hợp tác	- Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. - Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động. - Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. - Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân. - Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác. - Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công. - Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập, duy trì quan hệ bạn bè. - Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố. - Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.	- Thực hiện các quy định giữ trật tự nơi công cộng; biết cách phòng chống ô nhiễm tiếng ồn trong cuộc sống. - Vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm. - Vận động những người xung quanh cùng thực hiện bảo vệ bầu không khí trong lành. - Vận động mọi người trong gia đình cùng thực hiện phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng. - Thực hiện được một số việc làm giữ cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên và vận động gia đình cùng thực hiện.	- Biết tạo sự gắn kết yêu thương giữa các thành viên trong gia đình bằng các cách khác nhau. - Thực hiện được những lời nói, việc làm để duy trì và phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô. - Nêu được một số vấn đề thường xảy ra trong quan hệ với bạn bè và đề xuất được cách giải quyết. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường. - Thực hiện được hành vi có văn hoá nơi công cộng. - Đề xuất được một số hoạt động kết nối những người sống xung quanh. - Tham gia tích cực vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa và hoạt động giáo dục truyền thống ở địa phương.	

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
	- Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.		- Giới thiệu được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. - Thực hiện được một số việc làm cụ thể để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. - Trải nghiệm một số công việc của nghề truyền thống ở địa phương và thể hiện được hứng thú với nghề truyền thống của địa phương.	
3. Kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc	- Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.		- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân. - Nhận diện được khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.	
4. Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn	- Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em.	- Có ý thức không ăn nấm lạ để phòng tránh ngộ độc. - Nhận xét, so sánh được mức độ mạnh của gió qua quan sát thực tế hoặc tranh ảnh, video clip; nêu và thực hiện được một số việc cần làm để phòng tránh bão. - Biết tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; không đọc, viết	- Nhận biết được nguy cơ bị xâm hại và thực hiện được những hành động để phòng tránh bị xâm hại. - Biết giữ an toàn trong lao động khi làm nghề truyền thống.	- Giải thích được sơ lược tác hại khi trẻ em cố tình truy cập vào những trang web không phù hợp lứa tuổi và không nên xem.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
		dưới ánh sáng quá yếu; thực hiện được tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết phù hợp để bảo vệ mắt, tránh bị cận thị. - Trình bày được tác hại của tiếng ồn và một số biện pháp chống ô nhiễm tiếng ồn. - Có ý thức không ăn nấm lạ để phòng tránh ngộ độc. - Nêu được tóm tắt thế nào là thực phẩm an toàn và lí do cần phải sử dụng thực phẩm an toàn. - Nhận biết được một số dấu hiệu nhận biết thực phẩm an toàn thông qua vật thật hoặc tranh ảnh, video clip. - Nêu được những việc nên và không nên làm để phòng tránh đuối nước. - Thực hành luyện tập kĩ năng phân tích và phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước và thuyết phục, vận động các bạn tránh xa những nguy cơ đó. - Cam kết thực hiện các nguyên tắc an toàn khi bơi hoặc tập bơi.		
5. Kĩ năng tham gia môi trường số an toàn	*(Chương trình hiện hành cho lớp 4 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 4 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành cho lớp 4 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	- Nhận biết và phân biệt được các loại thông tin chính trên trang web: văn bản, hình ảnh, âm thanh, thông tin siêu văn bản.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
				- Giải thích được sơ lược tác hại khi trẻ em cố tình truy cập vào những trang web không phù hợp lứa tuổi và không nên xem. - Biết rằng chỉ được sử dụng phần mềm có bản quyền khi được phép.
6. Kĩ năng tư duy và ra quyết định	- Biết vì sao phải biết ơn người lao động. - Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. - Biết vì sao phải yêu lao động. - Quý trọng người yêu lao động; không đồng tình với những biểu hiện lười lao động. - Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác. - Biết vì sao phải bảo vệ của công. - Biết vì sao phải thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè. - Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền. - Biết vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.	- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra một số tính chất và sự chuyển thể của nước. - Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy. - Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí trong lành. - Vận dụng được kiến thức về tính chất cho ánh sáng truyền qua hay không cho ánh sáng truyền qua của các vật để giải thích được một số hiện tượng tự nhiên và ứng dụng thực tế. - Vận dụng được kiến thức nhiệt truyền từ vật nóng hơn sang vật lạnh hơn để giải thích, đưa ra cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản. - Vận dụng được kiến thức về nhu cầu sống của thực vật và động vật	- Bước đầu hình thành thói quen tư duy khoa học. - So sánh được giá của các mặt hàng phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình và có ý thức tiết kiệm cho gia đình. - Nêu được một số vấn đề thường xảy ra trong quan hệ với bạn bè và đề xuất được cách giải quyết. - Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp. - Tìm hiểu được những thông tin cơ bản về nghề truyền thống ở địa phương.	- Nêu được sơ lược về vai trò của phần cứng, phần mềm và mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng. - Nhận thấy được phần mềm có thể giúp tập gõ đúng cách, có thể "hướng dẫn" luyện gõ bằng hệ thống bảng chọn và các thông báo. - Nhận ra được chương trình máy tính qua các trò chơi. - Nêu được ví dụ cụ thể về sử dụng chương trình máy tính để diễn tả ý tưởng, câu chuyện theo từng bước. - Tự thiết lập và tạo được chương trình đơn giản, ví dụ điều khiển một nhân vật chuyển động trên màn

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
		để đề xuất việc làm cụ thể trong chăm sóc cây trồng và vật nuôi, giải thích được tại sao cần phải làm công việc đó. - Sử dụng được sơ đồ đơn giản để mô tả sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác trong tự nhiên.		hình.

Bảng 7. Gợi ý lồng ghép, tích hợp một số kĩ năng trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với học sinh lớp 5

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
1. Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân	- Nêu được các loại kế hoạch cá nhân. - Biết cách lập kế hoạch cá nhân và lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống. - Nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí. - Nêu được cách sử dụng tiền hợp lí. - Thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí. - Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống. - Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học	- Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí. - Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì. - Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì. - Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài. - Nêu và thực hiện được việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà. - Nêu và thực hiện được việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.	- Rèn luyện được một số đức tính cần thiết để thích ứng với môi trường học tập mới. - Tham gia lập kế hoạch kinh doanh dựa trên hoạt động do trường tổ chức. - Biết lập sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình.	

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
	tập và sinh hoạt.	- Thực hiện được một số việc làm thiết thực, phù hợp để góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.		
2. Kĩ năng giao tiếp và hợp tác	- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước. - Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. - Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. - Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,…) của người khác. - Thể hiện được bằng lời nói và hành động thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. - Góp ý với bạn bè để sử dụng tiền hợp lí.	- Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ; thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới. - Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,...) để vận động gia đình và cộng đồng cùng thực hiện. - Đề xuất, thực hiện được việc làm giúp bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng thực hiện. - Xây dựng được nội dung và sử dụng cách trình bày phù hợp như dùng hình ảnh, sơ đồ,... để vận động mọi người cùng sống hoà hợp với thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học ở địa phương.	- Thể hiện được trách nhiệm, lòng biết ơn của mình với các thành viên trong gia đình bằng thái độ, lời nói, việc làm cụ thể. - Biết tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. - Đề xuất được những cách làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn, tình thầy trò. - Giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với bạn bè và thầy cô. - Tham gia tổ chức sự kiện về truyền thống tôn sư trọng đạo và các truyền thống khác của nhà trường. - Tham gia các hoạt động giáo dục của Đội Thiếu niên Tiền phong	- Hợp tác, chia sẻ được thông tin với các bạn trong nhóm để hoàn thành công việc được giao. - Hợp tác được theo nhóm để viết kịch bản và chương trình thể hiện kịch bản.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
			Hồ Chí Minh. - Thiết lập được quan hệ thân thiện với những người sống xung quanh. - Tham gia tích cực các hoạt động xã hội, hoạt động lao động công ích và các lễ hội truyền thống ở địa phương. - Đánh giá được sự đóng góp và sự tiến bộ của các thành viên khi tham gia hoạt động xã hội.	
3. Kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc	- Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn. - Quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống. - Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ. - Mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.	- Phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,...).	- Nhận diện sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ. - Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân. - Trình bày được ước mơ nghề nghiệp của bản thân.	
4. Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn	- Nêu được một số biểu hiện xâm hại. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ	- Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp. - Trình bày được biện pháp	- Nhận biết được những nguyên nhân gây hoả hoạn để phòng chống và biết cách thoát hiểm khi gặp hoả	

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
	em. - Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.	phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt. - Kể được tên một đến hai bệnh ở người do vi khuẩn gây ra; nêu được nguyên nhân gây bệnh và cách phòng tránh. - Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. - Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại. - Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần. - Đưa ra được yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại.	hoạn. - Tìm hiểu được về an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước.	
5. Kĩ năng tham gia môi trường số an toàn	*(Chương trình hiện hành môn Đạo đức lớp 5 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	*(Chương trình hiện hành môn Khoa học lớp 5 chưa thiết lập YCCĐ trực tiếp cho nhóm này)*	- Biết tự chủ và bảo đảm an toàn khi giao tiếp trên mạng.	– Nhận biết và giải thích sơ lược được một số vấn đề đạo đức và tính hợp lệ của việc truy cập nội dung, việc bảo mật thông tin. – Thể hiện được sự tôn trọng tính riêng tư và bản quyền nội dung thông tin. – Thể hiện được sự không

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
				đồng tình với hiện tượng sai trái, gian dối trong học tập và đời sống như xem thư riêng hay sao chép tệp của bạn khi chưa được sự đồng ý,…
6. Kĩ năng tư duy và ra quyết định	- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. - Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người. - Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,…. - Biết vì sao phải vượt qua khó khăn. - Biết vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt. - Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống. - Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống. - Biết vì sao phải lập kế hoạch cá nhân.	- Nêu được nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm, xói mòn đất và biện pháp chống ô nhiễm, xói mòn đất. - Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho. - Giải thích được lí do sử dụng vật dẫn điện, vật cách điện trong một số đồ vật, tình huống thường gặp. - Đề xuất được cách làm thí nghiệm để xác định vật dẫn điện, vật cách điện. - Thu thập, xử lí thông tin và trình bày được (bằng những hình thức khác nhau) về việc khai thác, sử dụng các dạng năng lượng nêu trên. - Xác định được cơ quan sinh sản của thực vật có hoa; phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính. - Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người.- Trình bày được các	- Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. - Tìm hiểu được thực trạng môi trường nơi sinh sống. - Tìm hiểu được những thông tin cơ bản về nghề mình mơ ước.	- Tìm được trên website cho trước những thông tin phù hợp và có ích cho nhiệm vụ đặt ra. - Giải thích được sự cần thiết, tầm quan trọng của việc thu thập và tìm kiếm thông tin trong giải quyết vấn đề. – Tìm kiếm và chọn được thông tin phù hợp với vấn đề cần giải quyết. – Thể hiện được sự hợp tác với người khácđể giải quyết vấn đề cụ thể. - Giải thích được một số khái niệm liên quan đến bản quyền nội dung thông tin.

Nhóm kĩ năng	Môn Đạo đức	Môn Khoa học	Hoạt động trải nghiệm	Môn Tin học
	- Biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại; vì sao phải sử dụng tiền hợp lí.	chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng. - Thu thập được một số thông tin, bằng chứng cho thấy con người có những tác động tiêu cực và những tác động tích cực đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên.		

PHẦN IV
GỢI Ý MỘT SỐ KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1. NHÓM KĨ NĂNG TỰ PHỤC VỤ VÀ QUẢN LÝ BẢN THÂN

KĨ NĂNG SẮP XẾP ĐỒ DÙNG HỌC TẬP VÀ ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN

Thời lượng: 2 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:
Nhóm kĩ năng : Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân
Kĩ năng: Kĩ năng sắp xếp đồ dùng học tập và đồ dùng cá nhân
Đối tượng: HS Lớp 1 , Lớp 2
Hình thức tổ chức:
- Tích hợp trong Hoạt động trải nghiệm, Đạo Đức, Tự nhiên xã hội
- Tổ chức trong hoạt động giáo dục (buổi 2);
- Hoạt động củng cố, tăng cường/theo nhu cầu người học

Mối quan hệ với:
- **Năng lực trong HĐTN:**
  + Năng lực thích ứng với cuộc sống: Hình thành được một số thói quen, nếp sống sinh hoạt và kĩ năng tự phục vụ
- **Năng lực chung:**
  + Tự chủ và tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.
- **Phẩm chất chủ yếu:**
  +Chăm chỉ: Có thói quen giữ gìn đồ dùng ngăn nắp, rèn luyện việc tự chăm sóc bản thân hằng ngày.
  +Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn vệ sinh, có ý thức sinh hoạt nền nếp.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS đạt được các yêu cầu sau:
- Nhận diện được sự khác biệt giữa góc học tập/đồ dùng gọn gàng và bừa bộn.
- Thực hiện được các thao tác sắp xếp đồ dùng học tập vào cặp sách/ngăn bàn và đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.
- Rèn luyện thói quen tự giác, ngăn nắp, giữ gìn bảo quản đồ dùng cá nhân và đồ dùng học tập hàng ngày.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Máy tính, bài giảng điện tử (PowerPoint minh họa trực quan).
- Các thẻ hình: Sách, bút màu, mũ bảo hiểm, bình nước, giày dép, bảng con.
- Mẫu thẻ hình chiếc cặp sách.
- Sticker khen thưởng: Ngôi sao ngăn nắp.

2. Học sinh

- Cặp sách cá nhân và các đồ dùng học tập hiện có.
- Đồ dùng cá nhân mang theo (mũ, áo khoác, bình nước).

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG

TIẾT 1: GỌN GÀNG, NGĂN NẮP

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Trò chơi Đi tìm đồ vật (5 phút)

- **Mục tiêu:** Tạo không khí vui vẻ và giúp HS nhận ra sự khó khăn khi đồ dùng bị để bừa bộn.
- **Cách tiến hành:**
  - GV chuẩn bị 2 chiếc cặp sách: 1 cặp xếp gọn gàng, 1 cặp để lộn xộn bừa bãi.
  - Mời 2 HS lên thi tìm một chiếc bút chì trong cặp.
  - GV đặt câu hỏi: Tại sao bạn A lại tìm thấy bút nhanh hơn bạn B?
  - Kết luận: Đồ dùng để ngăn nắp sẽ giúp chúng ta tìm kiếm rất nhanh và không bị mất đồ.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Quan sát tranh căn phòng của bạn Búp bê và bạn Gấu (15 phút)

- **Mục tiêu:** Nhận diện góc học tập gọn gàng và bừa bộn, hiểu tác hại của việc để đồ đạc lung tung.
- **Cách tiến hành:**
  - GV chiếu 2 bức tranh tương phản:

    Tranh 1: Căn phòng bạn Búp bê (Gọn gàng, ngăn nắp).

    Tranh 2: Căn phòng bạn Gấu (Bừa bộn, sách vở nhăn nhúm).
  - GV cho HS thảo luận cặp đôi theo gợi ý:
    (i) Con thích căn phòng của bạn nào hơn? Vì sao?
    (ii) Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta để đồ dùng bừa bộn? (Mất đồ, hỏng sách vở, tốn thời gian tìm kiếm).
  - Kết luận: Sắp xếp đồ dùng gọn gàng giúp đồ dùng bền đẹp, phòng ở sạch sẽ và tiết kiệm thời gian.

Hoạt động 3: Bí kíp "3 Dễ" khi sắp xếp đồ dùng (10 phút)

- **Mục tiêu:** Hướng dẫn quy tắc vàng trong tổ chức đồ dùng.

- **Cách tiến hành:**
    - GV giới thiệu Bí kíp "3 Dễ":
        (1) **Dễ thấy:** Đặt đồ dùng ở nơi dễ quan sát.
        (2) **Dễ lấy:** Đồ dùng thường xuyên đặt để ở nơi dễ lấy, thuận tiện lấy đồ.
        (3) **Dễ trả lại:** Dùng xong phải cất ngay vào vị trí cũ.
    - Hướng dẫn thao tác xếp cặp: Sách khổ lớn xếp phía sau/dưới, sách nhỏ xếp phía trước/trên. Hộp bút và bình nước để vào ngăn riêng biệt.

Hoạt động vận dụng tại nhà (5 phút): HS chọn một chỗ để đồ dùng học tập và thử sắp xếp cho thuận tiện, phù hợp điều kiện của mình. Buổi học sau có thể kể lại, vẽ sơ đồ hoặc mô tả bằng lời; không yêu cầu có góc học tập riêng, thiết bị chụp ảnh hay đăng hình nhà ở.

TIẾT 2: RÈN LUYỆN THÓI QUEN NGĂN NẮP

THỰC HÀNH

Hoạt động 4: Thử thách Bàn tay khéo léo (15 phút)

- **Mục tiêu:** Thực hành trực tiếp thao tác sắp xếp cặp sách và ngăn bàn.
- **Cách tiến hành:**
    - HS lấy toàn bộ đồ dùng trong cặp đặt lên mặt bàn.
    - GV hô hiệu lệnh: 1 - 2 - 3, Sắp xếp ngăn nắp!.
    - HS thực hiện quy trình: Phân loại -> Sắp xếp theo kích thước -> Đặt vào ngăn bàn/cặp.
    - GV và các bạn HS cùng kiểm tra, điều chỉnh cách sắp xếp của từng bạn (nếu chưa đúng).

Hoạt động 5: Trò chơi Đồ nào chỗ nấy (10 phút)

- **Mục tiêu:**Củng cốkĩ năngphân loại đồ dùng vào đúng vị trí quy định.
- **Cách tiến hành:**
    - GV chuẩn bị các thẻ hình: Sách, bút màu, mũ bảo hiểm, bình nước, giày dép, bảng con cho các nhóm, mỗi nhóm 1 bộ thẻ.
    - GV tổ chức cho các nhóm thi đua dán thẻ hình vào đúng Ngôi nhà tương ứng: cặp sách, ngăn bàn, góc để đồ cá nhân.
    - Mời đại diện các nhóm lên chia sẻ.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Thẻ Em gọn gàng, ngăn nắp (7 phút)

- **Mục tiêu:** Cam kết tự giác duy trì thói quen hàng ngày.
- **Cách tiến hành:**
    - GV phát mẫu thẻ hình chiếc cặp sách. HS tô màu trang trí và viết (hoặc vẽ) 2 việc sẽ tự làm để duy trì thói quen gọn gàng, ngăn nắp hàng ngày.
    - HS thực hiện cam kết và dán tại góc học tập để nhắc nhở bản thân.

Hoạt động tổng kết (3 phút):

- Cả lớp cùng hát vang bài hát về tính ngăn nắp.
- GV trao sticker Ngôi sao ngăn nắp cho các cá nhân và tổ tiêu biểu.

IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU HÀNH ĐỘNG

CAM KẾT EM GỌN GÀNG NGĂN NẮP

(Em hãy đánh dấu X vào những việc em đã tự giác thực hiện trong tuần này nhé!)

Việc làm	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tự xếp sách vở và hộp bút vào cặp					
Giữ gìn ngăn bàn ở lớp luôn gọn gàng					
Tự treo áo khoác, cất mũ đúng nơi					
Xếp giày dép gọn gàng khi về nhà					
Dùng xong đồ dùng cất về vị trí cũ					

Ý kiến/Xác nhận của cha mẹ cuối tuần:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KĨ NĂNG QUẢN LÍ THỜI GIAN

Thời lượng: 3 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:
Nhóm kĩ năng : Kĩ năng tự phục vụ và quản lí bản thân
Kĩ năng: Kĩ năng quản lý thời gian
Đối tượng: Lớp 4, Lớp 5
- Tích hợp trong Hoạt động trải nghiệm, Đạo Đức, Tự nhiên xã hội
- Tổ chức trong hoạt động giáo dục (buổi 2);
- Hoạt động củng cố, tăng cường/theo nhu cầu người học

Mối quan hệ với:

- **Năng lực trong HĐTN:**
  + Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Nhận biết ý nghĩa quản lí thời gian; nhận biết các hoạt động chính trong ngày; liệt kê, phân loại công việc; bước đầu xây dựng thời khóa biểu đơn giản và hợp lý; có ý thức tự giác thực hiện theo kế hoạch.
- **Năng lực chung:**
  + Năng lực Tự chủ và tự học: Tự giác thực hiện theo kế hoạch đã đề ra, rèn luyện tính kỷ luật và thói quen làm việc có kế hoạch, không để việc học và các việc khác bị ảnh hưởng.
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Liệt kê, phân loại công việc cần làm trong ngày và sắp xếp vào thời khóa biểu cá nhân đơn giản, hợp lý.
- **Phẩm chất chủ yếu:**
  + Trách nhiệm: Có ý thức tự giác thực hiện theo kế hoạch đã đề ra, rèn luyện tính kỷ luật và thói quen làm việc có kế hoạch.
  + Chăm chỉ: Chủ động sắp xếp các hoạt động trong ngày (học tập, vui chơi, giúp việc nhà, vệ sinh cá nhân, nghỉ ngơi) và rèn luyện thói quen làm việc có kế hoạch.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được ý nghĩa của việc quản lí thời gian (giúp chủ động sắp xếp công việc, hạn chế quên việc).
- Nhận biết các hoạt động chính trong một ngày (học tập, vui chơi, giúp việc nhà, vệ sinh cá nhân, nghỉ ngơi).
- Liệt kê và phân loại được các công việc cần làm trong ngày.
- Bước đầu xây dựng được thời khóa biểu cá nhân đơn giản và hợp lý.

- Có ý thức tự giác thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.
- Rèn luyện tính kỷ luật và thói quen làm việc có kế hoạch.

II. CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:**
    - Máy tính,bài trình chiếu, đồng hồ mô hình to
    - Các thẻ hình ảnh về các hoạt động trong ngày (ăn sáng, đi học, quét nhà, xem TV...).
    - Mẫu thời khóa biểu trống khổ lớn.
2. **Học sinh:**
    - Bút màu, thước kẻ, giấy vẽ hoặc phiếu bài tập thời khóa biểu.

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG

TIẾT 1: THỜI GIAN CỦA EM VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Trò chơi "Đồng hồ quay quay" (10 phút)

- **Mục tiêu:** Nhận diện các mốc thời gian và hoạt động tương ứng trong một ngày.
- **Cách tiến hành:**

- GV xoay kim đồng hồ mô hình đến một mốc giờ (ví dụ: 7 giờ sáng, 11 giờ trưa, 7 giờ tối).
- HS thi đua nói nhanh hoạt động mình thường làm vào giờ đó.
- GV đặt câu hỏi: "Nếu không có kế hoạch, chuyện gì sẽ xảy ra nếu con dành quá nhiều thời gian chơi mà quên làm bài tập?"

- **Lưu ý:** Khuyến khích HS nhận ra sự cần thiết của việc cân bằng các hoạt động.

KẾT NỐI

Hoạt động 2: Phân loại "Việc cần - Việc thích" (20 phút)

- **Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt nhóm công việc bắt buộc và nhóm giải trí.
- **Cách tiến hành:**
    - GV phát bộ thẻ hình ảnh hoạt động cho các nhóm 4.
    - HS thảo luận và phân loại vào 2 cột trên bảng nhóm:

      Cột 1: Việc cần làm (học bài, vệ sinh cá nhân, cùng người thân làm việc nhà phù hợp sức khỏe và độ tuổi, ngủ đủ giấc).

      Cột 2: Việc yêu thích (Xem hoạt hình, chơi đá bóng, vẽ tranh).
    - GV dẫn dắt: Để có một ngày hiệu quả, chúng ta cần ưu tiên "việc cần làm" trước rồi mới đến "việc yêu thích".

Hoạt động vận dụng ngắn (5 phút):

- **Việc con làm:** Tối nay, hãy quan sát đồng hồ và ghi lại giờ con bắt đầu đi ngủ. Con có ngủ đúng giờ không?

TIẾT 2: QUẢN LÍ THỜI GIAN KHOA HỌC

KẾT NỐI

Hoạt động 3: Khám phá"Thời khóa biểu của con" (10 phút)

- **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu cấu trúc cơ bản của một bản thời khóa biểu.
- **Cách tiến hành:**
  - GV trình chiếu một mẫu thời khóa biểu tiêu chuẩn gồm các cột: Thời gian - Hoạt động.
  - Hướng dẫn HS cách chia các buổi: Sáng - Trưa - Chiều - Tối.
  - Giải thích quy tắc: "Giờ nào việc nấy" và "Việc quan trọng làm trước".

THỰC HÀNH

Hoạt động 4: Em tập làm "Nhà quản lí thời gian" (20 phút)

- **Mục tiêu:** HS thực hành điền các hoạt động vào khung thời gian có sẵn.
- **Cách tiến hành:**
  - GV phát phiếu "Thời khóa biểu " cho mỗi HS.
  - HS thực hiện điền 3 hoạt động quan trọng nhất vào buổi chiều và buổi tối của mình.
  - GVhỗ trợ HS ước lượng thời gian theo điều kiện thực tế (ví dụ: học bài, nghỉ ngơi, vui chơi và làm việc nhà phù hợp). Không áp đặt cùng một thời lượng cho mọi HS.
- **Lưu ý:** Chỉnh sửa cho HS nếu các em xếp quá nhiều việc vào cùng một khung giờ.

Hoạt động vận dụng ngắn (5 phút):

- **Thử thách:** Con hãy chọn ra một khung giờ "Vàng" (khung giờ con học tập tốt nhất) để ghi vào sổ tay.

TIẾT 3: HOÀN THIỆN VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

THỰC HÀNH

Hoạt động 5: Trang trí "Thời khóa biểu rực rỡ" (15 phút)

- **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú để HS yêu thích bản kế hoạch mình vừa lập.
- **Cách tiến hành:**

- HS sử dụng bút màu, sticker để trang trí bản thời khóa biểu chính thức của mình.
- Có thể vẽ các biểu tượng minh họa (hình quyển sách cho giờ học, hình cái chổi cho giờ giúp việc nhà).
- Viết dòng chữ cam kết ở cuối trang: "Tớ hứa sẽ thực hiện đúng!"

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Chia sẻ "Thời khóa biểu của tớ" (15 phút)

- **Mục tiêu:** Giúp HS tự tin trình bày và lắng nghe góp ý từ bạn bè.

- **Cách tiến hành:**

- GV tổ chức giới thiệu thời khóa biểu theo hình thức tự nguyện: trưng bày, trao đổi theo cặp hoặc nộp riêng; không bắt buộc công khai lịch sinh hoạt gia đình.
- HS góp ý về sự cân bằng giữa học tập, nghỉ ngơi, vận động và vui chơi; không xếp hạng theo độ đẹp hoặc điều kiện vật chất của sản phẩm.
- Trao đổi với bạn về thời khóa biểu của bạn, ví dụ như: "Tại sao bạn lại sắp xếp giờ chơi vào lúc 5 giờ chiều?"

Hoạt động 7: Trò chơi thử thách "Giờ nào việc nấy" (10 phút)

- **Mục tiêu:** Kiểm tra phản xạ xử lý tình huống khi bị xao nhãng khỏi kế hoạch.
- **Cách tiến hành:**

GV nêu tình huống nhanh:

1. "Đến giờ học bài rồi nhưng tivi đang có phim hay, con làm gì?"
   A. Tắt tivi đi học; B. Xem hết rồi mới học.
2. "Em đang làm việc nhà phù hợp với sức mình thì bạn rủ đi chơi. Em sẽ làm gì?"
   A. Quét xong rồi mới đi; B. Bỏ chổi chạy đi luôn.

GV khen ngợi những bạn chọn cách ưu tiên thực hiện theo kế hoạch.

Hoạt động tổng kết (5 phút):

- GV dặn dò: "Để quản lí thời gian hiệu quả, cần xây dựng thời khoa biểu khoa học, hợp lý và thực hiện đúng theo thời khóa biểu đã đề ra. Thời khóa biểu giống như một người bạn nhắc nhở chúng ta. Hãy dán nó ở góc học tập nhé!"
- GV tặng sticker "Kiện tướng thời gian" cho những bạn hoàn thành tốt sản phẩm.

IV. PHỤ LỤC: MẪU THỜI KHÓA BIỂU

THỜI KHÓA BIỂU CỦA BẠN: .....

Buổi	**Thời gian**	**Hoạt động**	**Ghi chú**
SÁNG	6:30 - 7:00	Thức dậy, vệ sinh, ăn sáng	
	7:30 - 11:00	Học tập ở trường	
TRƯA	11:30 - 13:30	Ăn trưa, nghỉ trưa	
CHIỀU	14:00 - 16:30	Học chiều / Về nhà	
	17:00 - 18:00	Chơi thể thao / Giúp việc nhà	
TỐI	19:00 - 20:00	Học bài buổi tối	
	20:00 - 21:00	Giải trí / Chuẩn bị sách vở	
	21:00	Đi ngủ	

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

2. NHÓM KĨ NĂNG GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC

KĨ NĂNG HỢP TÁC NHÓM

Thời lượng: 4 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:
Nhóm kĩ năng : Kĩ năng giao tiếp và hợp tác
Kĩ năng: Kĩ năng hợp tác nhóm
Đối tượng: HS Lớp 3, Lớp 4.
Hình thức tổ chức:
- Tích hợp trong Hoạt động trải nghiệm, Đạo Đức, Tự nhiên xã hội, Tin học
- Tổ chức trong hoạt động giáo dục (buổi 2);
- Hoạt động củng cố, tăng cường/theo nhu cầu người học

Mối quan hệ với:

- **Năng lực trong HĐTN:**
  + Thiết kế và tổ chức hoạt động:
  Kĩ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động: Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm, thể hiện sự chia sẻ, hỗ trợ bạn bè cùng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công.
  Biết phối hợp với các thành viên để hoàn thành mục tiêu chung của nhóm theo đúng tiến độ và hướng dẫn.
- **Năng lực chung:**
  + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn; thực hiện trao đổi nhỏ nhẹ với âm lượng vừa đủ; phân công vai trò rõ ràng và hoàn thành phần việc được giao trong nhóm 2, nhóm 4.
  + Tự chủ và tự học: Tự giác hoàn thành phần việc được giao theo sự phân công, có trách nhiệm với nhiệm vụ chung của nhóm.
- **Phẩm chất chủ yếu:**
  + Nhân ái: : Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn, đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong nhóm.
  + Trách nhiệm: Có trách nhiệm với phần việc được giao, hoàn thành nhiệm vụ chung và đoàn kết cùng nhóm.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được lợi ích của việc làm việc nhóm (nhanh hơn, vui hơn, nhiều ý tưởng hơn).

- Nêu được các nhóm cơ bản (nhóm 2, nhóm 4) và các thành viên của nhóm (nhóm trưởng, thư kí, người báo cáo, quản đồ dùng….)

- Nêu được cách lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn.
- Thực hiện được kĩ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn.
- Nêu được cách trao đổi nhỏ nhẹ (âm lượng vừa đủ) trong nhóm.
- Hoàn thành được nhiệm vụ chung của nhóm theo sự phân công.
- Đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ bạn và có trách nhiệm với phần việc được giao.

II. CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:**
   - Thẻ tên các vị trí (Nhóm trưởng, Thư ký...).
   - Các bộ đồ chơi xếp hình hoặc tranh ghép (Puzzle).
   - Chuông báo hoặc đồng hồ bấm giờ.
   - Sticker "Nhóm đoàn kết".
2. **Học sinh :**
   - Bút màu, giấy A3.

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG

TIẾT 1: SỨC MẠNH CỦA SỰ ĐOÀN KẾT

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Trò chơi "Xây tháp một tay" (10 phút)

- **Mục tiêu:** HS nhận thấy làm việc một mình khó hơn làm cùng nhau.
- **Cách tiến hành:**

- Chia lớp thành các nhóm 4. Đầu tiên, mỗi bạn chỉ được dùng 1 tay để tự xếp một tháp bằng các khối gỗ/lon nhựa.
- Sau đó, cả 4 bạn cùng dùng 1 tay để phối hợp xây một cái tháp chung cao nhất.
- HS thảo luận: "Xây tháp nào cao hơn? Xây cùng bạn con thấy thế nào?"
- GV tổng kết: Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

KẾT NỐI

Hoạt động 2: Nhóm bạn - Một gia đình (20 phút)

- **Mục tiêu:** Giới thiệu 4 vai trò quan trọng trong nhóm.
- **Cách tiến hành:**
  - GV giới thiệu 4 "Nhân vật" trong một nhóm:
    1. **Nhóm trưởng (Tàu trưởng):** Điều hành, nhắc nhở các bạn.
    2. **Thư ký (Cây bút thần):** Ghi chép hoặc vẽ ý kiến.
    3. **Người báo cáo (Loa phát thanh):** Đại diện nhóm nói trước lớp.
    4. **Quản trò/Đồ dùng (Người giữ kho):** Lấy dụng cụ và canh giờ.
  - GV phát thẻ vai trò cho các nhóm và cho các em tự chọn vai mình yêu thích.

- **Lưu ý:** Giải thích rằng vai trò nào cũng quan trọng như nhau.

(mở rộng, ngoài nhóm 4, còn có các nhóm 3 và nhóm 2, vị trí có thể chọn các nhận vật như nhóm 4)

Hoạt động vận dụng ngắn (5 phút):

- **Thực hành:** Nhóm 4 cùng nhau đặt một "Tên nhóm" thật kêu và thiết kế một tiếng hô (slogan) chung của nhóm.

TIẾT 2: KĨ NĂNG LẮNG NGHE VÀ NÓI KHẼ

KẾT NỐI

Hoạt động 3: Quy tắc "Giọng nói kiến" (10 phút)

- **Mục tiêu:** Giúp HS kiểm soát âm lượng khi thảo luận nhóm để không làm phiền nhóm khác.
- **Cách tiến hành:**
    - GV giới thiệu 3 mức âm lượng:
        - Mức 0: Im lặng.
        - Mức 1: Giọng nói kiến (chỉ đủ 4 bạn trong nhóm nghe).
        - Mức 2: Giọng nói voi (nói cho cả lớp cùng nghe).
    - HS thực hành thảo luận thử một chủ đề bằng "Giọng nói kiến".

Hoạt động 4: Xử lí tình huống (15 phút)

- **Mục tiêu:** Nêu được cách lắng nghe ý kiến của bạn để giải quyết vấn đề.
- **Cách tiến hành:**

- Gv đưa ra 1-2 tình huống khi làm việc nhóm có sự không thống nhất
- HS đưa ra phương án xử lí tình huống để thể hiện được cách lắng nghe để giải quyết vấn đề.
- Quy tắc: lắng nghe hết ý kiến của bạn, không ngắt lời, nói bằng giọng nhẹ nhàng, cùng thống nhất đưa ra phương án trước khi thực hiện hết. Nếu thông khống nhất được có thể nhờ sự hỗ trợ của thầy cô giáo.
- GV mời 1-2 nhóm chia sẻ cách ứng xử của nhóm mình.

Hoạt động 5: Thử thách Ghép tranh (10 phút)

- **Mục tiêu:** Thực hành lắng nghe ý kiến của bạn để giải quyết vấn đề.
- **Cách tiến hành:**

- Mỗi nhóm nhận được một bộ tranh ghép bị xáo trộn.
- Nhiệm vụ: Các bạn phải cùng nhau ghép lại thành bức tranh hoàn chỉnh trong 10 phút.
- Quy tắc: Khi một bạn muốn đặt mảnh ghép vào, phải hỏi ý kiến 3 bạn còn lại bằng giọng nói mức 1.

- Khi quan điểm khác nhau, hãy ngồi xuống lắng nghe bạn nói hết ý kiến của mình và cùng thống nhất ý kiến chung trong nhóm trước khi làm tiếp.
- GV đi quanh quan sát xem bạn Nhóm trưởng có điều hành tốt không.

Hoạt động vận dụng ngắn (5 phút):

- **Khen ngợi:** Các bạn bình bầu nhóm trưởng biết lắng nghe nhất trong trò chơi vừa rồi.

TIẾT 3: CÙNG NHAU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

THỰC HÀNH

Hoạt động 6: Dự án "Bàn tay tình bạn" (20 phút)

- **Mục tiêu:** thực hành hợp tác nhóm, cùng nhau đóng góp và phối hợp các vai trò để hoàn thành một sản phẩm chung trên giấy A3
- **Cách tiến hành:**

- GV giao nhiệm vụ:
- + Mỗi nhóm vẽ một bức tranh chủ đề "Tình bạn" lên giấy A3.
- + Hoặc sử dụng hình in từ tay của các bạn trong nhóm để tạo thành một bức tranh
- + Trao đổi phân công nhiệm vụ : thống nhất ý tưởng bức tranh, ghi nhanh ra giấy nhiệm vụ của mỗi bạn (ví dụ Bạn A vẽ cây, bạn B vẽ mặt trời, bạn C tô màu..., bạn thư ký ghi tên các thành viên vào góc giấy, bạn báo cáo chuẩn bị nội dung để giới thiệu tranh., bạn quản lý thời gian: vừa làm vừa nhìn thời gian để nhắc nhở nhóm đúng tiến độ)
- Lưu ý:
- + Trong quá trình làm, học sinh trao đổi với âm lượng vừa đủ.
- + Khi cần góp ý, hỗ trợ bạn hãy dùng lời nói nhẹ nhàng, tôn trọng (Ví dụ: Bạn thử tô màu này xem có đẹp hơn không)

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Vòng tròn nhận xét (10 phút)

- **Mục tiêu:** Tự đánh giá hiệu quả làm việc nhóm.
- **Cách tiến hành:**
    - Các nhóm ngồi quây quần. Mỗi bạn tự nói:
        - "Hôm nay tớ đã hoàn thành việc... "
        - "Tớ thấy nhóm mình làm việc..."
    - GV hướng dẫn cách khen bạn:
    - "Tớ khen bạn (tên bạn) vì bạn vẽ rất đẹp/lắng nghe tớ".

TIẾT 4: TỔNG KẾT

THỰC HÀNH

Hoạt động 8: Cuộc thi "Đại sứ nhóm 4" (20 phút)

- **Mục tiêu:**Rèn luyện kĩ năngbáo cáo và phản biện nhẹ nhàng giữa các nhóm.
- **Cách tiến hành:**

- Người báo cáo của mỗi nhóm lên giới thiệu về bức tranh của nhóm mình ở tiết trước.
- Các nhóm khác đặt 1 câu hỏi cho nhóm bạn.
- GV nhận xét về sự phối hợp giữa các thành viên: "Nhóm bạn An làm rất nhanh vì có sự phân công rõ ràng".

VẬN DỤNG

Hoạt động tổng kết (10 phút):

- GV trao Sticker "Nhóm đoàn kết" cho các thành viên của nhóm phối hợp tốt nhất.
- Chốt lại quy tắc vàng: **"Nghe bạn nói - Nói bạn nghe - Cùng làm chung - Cùng về đích"**.

IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHÓM

PHIẾU: CHÚNG MÌNH LÀ ĐỒNG ĐỘI TỐT

(Tên nhóm: .....)

Tiêu chí	Em đã làm được 😊	Em muốn luyện tập thêm 😐 😐
1. Nhóm mình có nói khẽ không?		
2. Các thành viên có chủ động tham gia đóng góp ý kiến, chia sẻ ý tưởng		
3. Nhóm mình có lắng nghe nhau, tôn trọng ý kiến của nhau không?		
4. Mọi người có làm đúng phần việc của mình không?		
5. Nhóm mình có giúp đỡ nhau khi gặp khó không?		
6. Nhóm mình có rút kinh nghiệm sau khi kết thúc nhiệm vụ		

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

3. NHÓM KĨ NĂNG NHẬN THỨC VÀ KIỂM SOÁT CẢM XÚC

KĨ NĂNG XÂY DỰNG SỰ TỰ TIN

Thời lượng: 3 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:
Nhóm kĩ năng : Kĩ năng nhận thức và kiểm soát cảm xúc
Kĩ năng: Kĩ năng xây dựng sự tự tin
Đối tượng: HS Lớp 2, Lớp 3.
Hình thức tổ chức:
- Tổ chức trong hoạt động giáo dục (buổi 2);
- Hoạt động củng cố, tăng cường/theo nhu cầu người học

Mối quan hệ với:

- **Năng lực trong HĐTN:**
  + Thích ứng với cuộc sống: Kĩ năng điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi. Làm chủ được cảm xúc, thái độ và hành vị của mình và thể hiện sự tự tin trước đông người.
- **Năng lực chung:**
  + Tự chủ và tự học: Nhận biết giá trị bản thân, tự tin vào khả năng của chính mình; chủ động giới thiệu bản thân, bày tỏ ý kiến và không ngại thử sức với nhiệm vụ chưa quen thuộc.
  + Giao tiếp và hợp tác: Thực hiện các hành vi thể hiện sự tự tin qua ánh mắt nhìn thẳng, giọng nói rõ ràng, tư thế đứng thẳng; biết giới thiệu bản thân và bày tỏ ý kiến trước nhóm/lớp.
- **Phẩm chất chủ yếu:**
  +Chăm chỉ: Có ý thức cố gắng vươn lên trong học tập, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, rèn luyện thói quen tự tin để nâng cao kết quả bản thân.
  + Trách nhiệm: Yêu thương bản thân, tôn trọng sự khác biệt và có ý thức rèn luyện để tiến bộ mỗi ngày.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được sự tự tin là tin vào khả năng của bản thân;
- Nhận diện được những ưu điểm riêng của mình và người khác;
- Thực hiện được các hành vi thể hiện sự tự tin: ánh mắt nhìn thẳng, giọng nói rõ ràng, tư thế đứng thẳng;
- Giới thiệu bản thân hoặc bày tỏ ý kiến trước nhóm/lớp;
- Sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập, vui chơi mới, không ngại thử sức với những nhiệm vụ chưa quen thuộc;

- Yêu thương bản thân, tôn trọng sự khác biệt và có ý thức rèn luyện để tiến bộ mỗi ngày.

II. CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:**
    - Máy tính,bài trình chiếu, loa cầm tay mini hoặc micro giả.
    - Thẻ/ giấy soi gương.
2. **Học sinh :**
    - Giấy vẽ, bút màu, kéo, hồ dán.

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG

TIẾT 1: EM TỰ TIN, EM TÍCH CỰC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Vũ điệu vui (5 phút)

- **Mục tiêu:** Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, giúp học sinh giải tỏa sự rụt rè ban đầu và kích hoạt năng lượng tích cực trước khi bước vào nội dung tiết học.
- **Cách tiến hành:**
    - Giáo viên hướng dẫn cả lớp đứng dậy, cùng thực hiện một động tác vui tươi (ví dụ: vươn cao tay chào mặt trời, nhún chân theo nhịp vỗ tay, nụ cười vui vẻ, tự tin) để làm nóng cơ thể.
    - Giáo viên khuyến khích nụ cười và năng lượng của cả lớp, sau đó dẫn dắt vào bài học

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: "Soi gương" (10 phút)

- **Mục tiêu:** Giúp HS nhận diện những điều giúp em tự tin
- **Cách tiến hành:**
    - GV phát cho HS tờ giấy có hình chiếc gương. HS vẽ, viết về điều HS cảm thấy tự tin.
    - GV đặt câu hỏi: "Mỗi bạn đều có một đặc điểm khác nhau, điều đó có làm con thấy mình đặc biệt không?"
    - GV tổng kết: Mỗi chúng ta đều là một phiên bản duy nhất và đáng tự hào.
- **Lưu ý:** GV khích lệ những bạn còn ngần ngại bằng cách gợi ý những ưu điểm của các em.

KẾT NỐI

Hoạt động 3: Cây tự tin (20 phút)

- **Mục tiêu:** Giúp HS nhận ra những năng khiếu và thế mạnh của mình.
- **Cách tiến hành:**
    - GV vẽ một thân cây lớn lên bảng mang tên "Cây Tự Tin".
    - Mỗi HS được phát một cánh hoa giấy. Con viết/vẽ lên đó một việc con làm tốt nhất (Ví dụ: đá bóng, quét nhà, học toán, kể chuyện...).

- HS lên dán cánh hoa của mình lên cây và nói to: "Tớ tự tin vì Tớ.../ Tôi tự tin vì tôi"
- GV nhấn mạnh: "Tự tin bắt đầu từ việc hiểu mình làm tốt điều gì".

- **Lưu ý:** Nhắc HS rằng "lễ phép", "biết lắng nghe" cũng là những ưu điểm tuyệt vời.

Hoạt động vận dụng tại nhà (5 phút):

- **Việc con làm:** Tối nay khi đi học về, con hãy đứng trước gương và nói với chính mình: "Mình là một bạn nhỏ tuyệt vời!"

TIẾT 2: BÍ KÍP TỰ TIN TRƯỚC ĐÁM ĐÔNG

KẾT NỐI

Hoạt động 4: Tư thế Người tự tin (10 phút)

- **Mục tiêu:** Hướng dẫn ngôn ngữ cơ thể của người tự tin.
- **Cách tiến hành:**
  - GV so sánh hai tư thế:
    - *Hình 1: Bạn nhỏ cúi đầu, vai co lại, nói lí nhí (Nhút nhát).*
    - *Hình 2: Bạn nhỏ đứng thẳng, mắt nhìn mọi người, cười tươi (Tự tin).*
  - GV hướng dẫn bài tập "5 giây tỏa sáng":

    1. Thả lỏng vai và cổ;
    2. Cảm nhận hai chân chạm đất thật vững vàng;
    3. Hít một hơi thật sâu;
    4. Mỉm cười thật tươi;
    5. Nói rõ ràng câu chào, làm quen hoặc ra hiệu theo cách thoải mái, tự tin.

THỰC HÀNH

Hoạt động 5: "Micro thần kỳ" (20 phút)

- Mục tiêu: Thực hành giới thiệu bản thân theo hình thức phù hợp, trong nhóm nhỏ hoặc với một bạn.
- **Cách tiến hành:**
  - Chia lớp thành các nhóm nhỏ 4 HS. Mỗi nhóm có 1 chiếc micro nhựa.
  - HS lựa chọn giới thiệu trước nhóm nhỏ, với một bạn hoặc qua tấm thẻ viết/vẽ. Có thể nói: "Chào các bạn, mình/ tớ/ tôi tên là... Mình/ tớ/ tôi thích... Rất vui được làm quen".
  - Các bạn khác vỗ tay và nói: "Chúc mừng bạn [Tên HS]!"
- **Lưu ý:** GV động viên và hỗ trợ cách diễn đạt phù hợp với từng HS; không đánh giá sự tự tin qua một tư thế cố định. Không ép các em phải đứng trước đám đông nếu em chưa sẵn sàng.

Hoạt động vận dụng ngắn (5 phút):

- **Thử thách:** Sáng mai khi đến lớp, con hãy là người chủ động chào và mỉm cười với 3 bạn mà bình thường con ít nói chuyện cùng.

TIẾT 3: THỬ SỨC VỚI NHIỆM VỤ MỚI

THỰC HÀNH

Hoạt động 6: Xóa bỏ ngại ngùng lo lắng (15 phút)

- **Mục tiêu:** Giúp HS đối diện và vượt qua những nỗi sợ khi thử sức với nhiệm vụ mới
- **Cách tiến hành:**

- GV phát cho mỗi HS một mảnh giấy nhỏ. HS ghi/ vẽ những ngại ngùng/lo lắng của mình (ví dụ: sợ nói sai, sợ bạn cười).
- GV tổ chức hoạt động xóa bỏ ngại ngùng, lo lắng
- HS vo viên mảnh giấy lại và bỏ vào thùng rác.
- Cả lớp cùng hô to khẩu hiệu: "Mình làm được! Mình tự tin!".

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Tấm thẻ "Hiệp sĩ tự tin" (15 phút)

- **Mục tiêu:** Cam kết hành động để rèn luyện sự tự tin hằng ngày.
- **Cách tiến hành:**

- HS trang trí một tấm thẻ hình ngôi sao hoặc hiệp sĩ.
- Mặt sau ghi 1 mục tiêu con sẽ thực hiện trong tuần tới để tự tin hơn (Ví dụ: Giơ tay phát biểu ít nhất 1 lần/ngày; Tự tin hát một bài trong giờ ra chơi...).
- HS trao đổi thẻ cho bạn ngồi cạnh để "làm chứng" cho nhau.
  - **Lưu ý:** Nhấn mạnh rằng "Tự tin là một quá trình luyện tập, không cần phải giỏi ngay lập tức".

Hoạt động 8: Thử thách tự tin (10 phút)

- **Mục tiêu:** Kiểm tra phản ứng và thái độ tự tin thông qua tình huống nhanh.
- **Cách tiến hành:**
  - GV đưa ra các tình huống nhanh, HS chọn cách xử lý "Tự tin" hoặc "Chưa tự tin"

1. Khi cô giáo hỏi một câu con biết câu trả lời, con sẽ:
   A. Giơ tay cao để trả lời;
   B. Im lặng vì ngại ngùng.
2. Khi gặp một bạn mới chuyển đến lớp, trong giờ ra chơi, con sẽ
   A. Mỉm cười chào bạn;
   B. Chạy đi chỗ khác.
3. Khi con vô tình đọc sai một từ hoặc hát lạc giọng lúc biểu diễn trước lớp, con sẽ:

A. Cười tươi, hít một hơi thật sâu và tiếp tục đọc/ biểu diễn tiếp;

B. Hoảng hốt, lo lắng, vội chạy xuống sân khấu vì nghĩ mình đã làm hỏng việc.

4. Khi được giao nhiệm vụ mới làm tổ trưởng, con sẽ;

A. Từ chối nhận nhiệm vụ;

B. Nhận nhiệm vụ và mong cô và các bạn cùng hỗ trợ

Hoạt động tổng kết (5 phút):

- HS cùng hát bài "Niềm tin chiến thắng" hoặc một bài hát sôi động về chủ đề tự tin.
- GV phát sticker "Ngôi sao tự tin" cho cả lớp.

IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU HÀNH ĐỘNG CAM KẾT CỦA NGÔI SAO TỰ TIN

(Em hãy đánh dấu X vào những việc em sẽ thực hiện trong tuần này nhé!)

Việc làm	**Thứ 2**	**Thứ 3**	**Thứ 4**	**Thứ 5**	**Thứ 6**
Nhìn thẳng và cười khi chào hỏi					
Giơ tay phát biểu trong giờ học					
Tự tin nói: "Mình làm được!"					
Chủ động tham gia các hoạt động tập thể					
Sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới					

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

4. NHÓM KĨ NĂNG BẢO VỆ BẢN THÂN VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN

KĨ NĂNG TỪ CHỐI

Thời lượng: 4 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:
Nhóm kĩ năng : Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn
Kĩ năng: Kĩ năng từ chối
Đối tượng: HS Lớp 4, Lớp 5
Hình thức tổ chức:
- Tích hợp trong Hoạt động trải nghiệm, Đạo Đức, Tự nhiên xã hội
- Tổ chức trong hoạt động giáo dục (buổi 2);
- Hoạt động củng cố, tăng cường/theo nhu cầu người học

Mối quan hệ với:

- **Năng lực trong HĐTN:**
  + Thích ứng với cuộc sống: Phát hiện được vấn đề và tự tin trao đổi những suy nghĩ của mình.
  + Nhận diện được một số nguy hiểm từ môi trường sống đối với bản thân.
- **Năng lực chung:**
  + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.
  + Năng lực giải quyết vấn đề: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.
- **Phẩm chất chủ yếu:**
  + Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân khi biết từ chối những tình huống, lời đề nghị không tốt, ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe và nguy hiểm đến tính mạng.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được khi nào cần từ chối và lợi ích của việc biết từ chối.
- Nêu được một số cách từ chối chủ yếu.
- Thực hành được kĩ năng từ chối theo nguyên tắc lịch sự, rõ ràng, kiên quyết.
- Tìm kiếm được sự hỗ trợ khi không thể tự xử lí tình huống cần từ chối.
- Tự tin từ chối trước áp lực từ bạn bè.
- Chủ động vận dụng kĩ năng từ chối trong các tình huống giao tiếp hàng ngày một cách phù hợp.

II. CHUẨN BỊ

- Giấy A0, bút dạ, băng dính giấy

- Bộ thẻ chữ về các cách từ chối
- Phiếu bài tập về các trường hợp cần từ chối
- Các tình huống để thực hành kĩ năng từ chối

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG

Tiết 1. KHÁM PHÁ VÀ KẾT NỐI

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Khởi động

a/ Mục tiêu

- Khởi động, dẫn nhập vào chủ đề kĩ năng từ chối

b/ Cách tiến hành

- GV tổ chức cho HS hát, vận động theo một bài hát phù hợp chủ đề từ chối (ví dụ bài "Hổng dám đâu" và dẫn dắt vào tình huống thực hành; kiểm tra quyền sử dụng học liệu trước khi phát hoặc sao chép.
- Sau khi HS cả lớp hát xong, GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi sau:
  1. *Bài hát nói về nội dung gì?*
  2. *Theo em nội dung đó có liên quan gì đến chủ đề giáo dục hôm nay?*
- GV dẫn dắt vào chủ đề "Kĩ năng từ chối": Cuộc sống hàng ngày có rất nhiều tình huống, có những tình huống khiến chúng ta phải từ chối để bảo đảm an toàn cho bản thân. Vậy khi nào cần từ chối và từ chối như thế nào cho phù hợp? Tiết học ngày hôm nay các em sẽ cùng tìm hiểu về kĩ năng từ chối

KẾT NỐI

Hoạt động 2. Tìm hiểu những trường hợp, tình huống cần từ chối

a/ Mục tiêu

- HS nêu được những trường hợp, tình huống mà các em cần từ chối.

b/ Cách tiến hành

- GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm 4 - 6 HS) và phát cho mỗi nhóm giấy A1, bút dạ.
- GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận: *"Nêu những trường hợp, tình huống mà em thấy cần phải từ chối"*
- Từng HS trong nhóm chia sẻ về những trường hợp, tình huống mà mình thấy cần phải từ chối, thư kí nhóm ghi lại các trường hợp đó trên giấy A1.
- GV quan sát và hỗ trợ HS làm việc theo nhóm (nếu cần)
- GV mời đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, mời những nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nêu câu hỏi thảo luận cho cả lớp: *"Ngoài những trường hợp mà các em vừa chia sẻ, chúng ta còn cần từ chối trong những trường hợp nào nữa?"*

- GV tổng hợp và kết luận về các trường hợp, tình huống trong cuộc sống cần phải từ chối và nói không

Hoạt động 3. Tìm hiểu lợi ích của việc biết từ chối

a/ Mục tiêu

- HS trình bày được lợi ích của việc biết từ chối trong các trường hợp, tình huống của cuộc sống

b/ Cách tiến hành

- GV phát cho mỗi HS 1 phiếu bài tập và nêu yêu cầu: Mỗi em hãy hoàn thành phiếu bài tập bằng cách viết lí do cần từ chối trong các trường hợp/tình huống cụ thể vào cột bên phải của phiếu.

PHIẾU BÀI TẬP

STT	Các trường hợp/tình huống từ chối	Lí do cần từ chối
1	Bạn bè/anh, chị rủ trèo cây	
2	Bạn bè/anh, chị rủ trêu chọc chó mèo	
3	Bạn bè/anh, chị rủ tắm sông, hồ	
4	Người lạ dụ dỗ mời ăn quà vặt	
5	Người lạ rủ đi theo họ	
6	Người lạ mặt (không phải cụ già hay em nhỏ) nhờ giúp đỡ bất thường	
7	Người lạ muốn vào nhà khi em ở nhà một mình	
8	Bạn bè, anh chị lớp trên rủ em bỏ học đi chơi	
9	Bạn bè rủ chơi trò chơi nguy hiểm	
10	Bạn bè/anh, chị rủ ăn thực phẩm lạ, uống loại nước ngọt không rõ nguồn gốc	
11	Có người rủ lấy tiền của bố, mẹ hoặc người khác	
12	Người khác xúi giục em nói dối bố mẹ	
13	Các trường hợp khác (ghi rõ) ……..	

- Sau khi HS viết xong GV hướng dẫn HS chia sẻ trong nhóm đôi về kết quả làm việc của mình trong phiếu.

- GV tổ chức cho HS thảo luận chung cả lớp câu hỏi sau: "*Theo em, người biết từ chối sẽ có lợi như thế nào?*
- GV ghi nhận những câu trả lời của HS và kết luận về lợi ích của việc biết từ chối

Tiết 2. KẾT NỐI

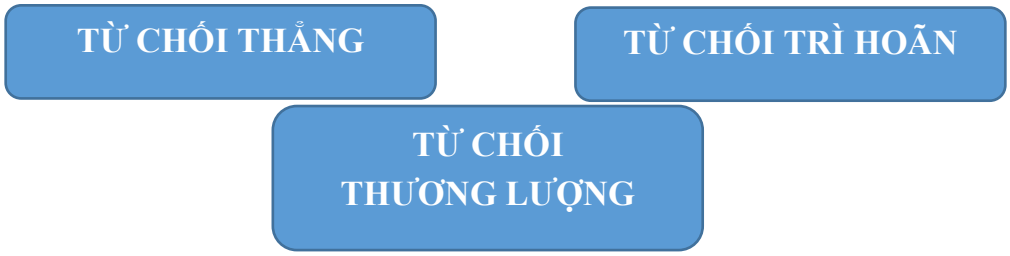
Hoạt động 4. Tìm hiểu một số cách từ chối chủ yếu

a/ Mục tiêu

- HS nêu được một số cách từ chối chủ yếu.

b/ Cách tiến hành

- GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A1, cuộn băng dính giấy và bộ thẻ chữ như sau:



Mình không đồng ý.	Mình không làm việc đó.
Không, không thể được	Tôi không tham gia
Mình chưa sẵn sàng.	Mình muốn hỏi ý kiến người lớn trước.
Không, tôi không muốn chúng ta nói đến việc này thêm nữa	Tôi không muốn làm thế, chúng ta hãy làm gì đó khác đi.
Tôi phải hỏi ý kiến gia đình/ai đó đã.	Không, việc đó là sai, tôi không làm
Tại sao thay vì làm việc đó, chúng ta lại không .... nhỉ?	Để tôi suy nghĩ đã
Cho tôi thêm thời gian nhé	Tôi chưa quyết định ngay được
Tôi chưa chắc việc này có phù hợp không	Mình thấy việc đó không an toàn. Mình sẽ báo người lớn.
Tôi không làm việc đó, nhưng tôi có thể giúp bạn việc khác	Tôi không đồng ý, nhưng chúng ta có thể đổi kế hoạch
Tôi không đi chỗ đó, nếu muốn thì chúng ta đi nơi khác an toàn hơn	Cách này không ổn, tôi nghĩ cách khác sẽ tốt hơn

- GV yêu cầu mỗi nhóm chọn các thẻ chữ và dán vào cột phù hợp với những cách từ chối theo mẫu sau:

TỪ CHỐI THẲNG	TỪ CHỐI TRÌ HOÃN	TỪ CHỐI THƯƠNG LƯỢNG

- GV dành thời gian cho các nhóm làm việc và sau khi các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ, GV mời đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm khác quan sát, đối chiếu, bổ sung.
- GV chiếu kết luận về một số cách từ chối chủ yếu

Hoạt động 5. Tìm hiểu một số nguyên tắc khi từ chối

a/ Mục tiêu

- HS xác định được một số nguyên tắc khi từ chối: lịch sự, rõ ràng, kiên quyết, an toàn.

b/ Cách tiến hành

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4: *"Nêu một số nguyên tắc khi từ chối?"*
- HS thảo luận và ghi kết quả trên giấy A1
- GV mời đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung
- GV kết luận về một số nguyên tắc khi từ chối

Tiết 3. THỰC HÀNH

Hoạt động 6. Thực hành áp dụng một số nguyên tắc khi từ chối

a/ ***Mục tiêu***

- HS áp dụng được một số nguyên tắc khi từ chối trong tình huống giả định.

b/ Cách tiến hành

- GV chia HS thành các nhóm (mỗi nhóm 3 người). Yêu cầu HS thực hành áp dụng nguyên tắc từ chối tích cực theo các bước sau:

+ Bước 1: Người thứ nhất nêu đề nghị, người thứ 2 nói lời từ chối, người thứ ba quan sát và ghi chép lại cách từ chối của người thứ hai.

+ Bước 2: Trao đổi trong nhóm 3 người về cách từ chối mà người thứ hai đã sử dụng có bảo đảm các nguyên tắc đã học ở tiết trước không.

+ Bước 3: Đổi lại vai và tiếp tục thực hành như bước 1, bước 2

- GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hành áp dụng một số nguyên tắc khi từ chối
- GV nhận xét chung và kết luận về thông điệp khi áp dụng nguyên tắc từ chối:

Thông điệp:

Khi từ chối cần:

- Rõ ràng – Nhẹ nhàng – An toàn
- Không đúng – Không làm – Không sợ

Hoạt động 7. Viết lời từ chối

a/ Mục tiêu

- HS thực hành viết được một số cách từ chối trong các trường hợp khác nhau của cuộc sống

b/ Cách tiến hành

- GV phát cho HS phiếu BT cá nhân, yêu cầu các em viết lời từ chối phù hợp với mỗi trường hợp/tình huống cần từ chối

PHIẾU BÀI TẬP

Trường hợp/Tình huống	Lời từ chối
a. Bạn rủ em trốn học, đi chơi trong giờ học	
b. Bạn rủ em nói dối bố mẹ để đi chơi	
c. Em bị nhiều bạn ép làm một việc không thích	
d. Bạn rủ em trèo lan can, ra chỗ nguy hiểm	
e. Bạn rủ em nghịch nước ở vòi nước rửa tay của trường	
f. Người lạ cho quà, rủ em đi theo	
g. Bị ép đụng chạm cơ thể	
h. Bạn rủ chơi game quá giờ	
i. Bạn rủ em bắt nạt một bạn khác	
k. Bạn rủ em xem nội dung không phù hợp trên mạng	

- GV yêu cầu các HS làm việc nhóm đôi để chia sẻ về phiếu BT của mình
- GV mời đại diện một số HS chia sẻ trước lớp
- GV nhận xét và nhắc nhở các em cần lựa chọn lời từ chối phù hợp với bối cảnh, tình huống và vấn đề cần từ chối.

Tiết 4. VẬN DỤNG

Hoạt động 8. Sắm vai thực hiện kĩ năng từ chối

a/ Mục tiêu

- HS thực hành sắm vai thể hiện được kĩ năng từ chối trong cách tình huống khác nhau của cuộc sống

b/ Cách tiến hành

- GV tổ chức cho HS sắm vai thực hành kĩ năng từ chối các tình huống sau:

Tình huống 1. Giờ ra chơi, bạn rủ em chép bài tập của bạn khác để nộp cho kịp giờ học.

Tình huống 2. Bạn thân rủ em nói dối cô giáo là bị đau bụng để không phải trực nhật lớp

Tình huống 3. Một nhóm bạn rủ em lấy phấn vẽ bậy lên bảng khi không có thầy/cô giáo trong lớp.

Tình huống 4. Sau giờ học, một người lạ cho em kẹo và nói: "Đi theo chú/cô một lát nhé!"

- GV nêu câu hỏi cho cả lớp chia sẻ: *"Sau hoạt động sắm vai vừa rồi, em đã thực hành được những cách từ chối nào, đảm bảo những nguyên tắc từ chối nào?"*

- *GV mời một số HS trả lời và tổng kết chủ đề*. Ai cũng có quyền từ chối một việc khiến mình không thoải mái hoặc không an toàn. Em có thể nói rõ "không", rời khỏi tình huống và tìm người lớn đáng tin cậy khi cần. Nếu người khác không tôn trọng lời từ chối, đó không phải lỗi của em. Trong tình huống không an toàn, em không cần giải thích dài hoặc tranh luận với người đang gây nguy hiểm cho mình.

- GV cho HS thực hành lời từ chối ngắn gọn trong tình huống giả định phù hợp lứa tuổi

- GV dặn dò HS vận dụng KN từ chối khi gặp tình huống cần từ chối trong học tập và cuộc sống.

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

.....

.....

KĨ NĂNG PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI

Thời lượng: 4 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:
Nhóm kĩ năng : Kĩ năng bảo vệ bản thân và bảo đảm an toàn
Kĩ năng: Kĩ năng phòng chống xâm hại
Đối tượng: Lớp 4
Hình thức tổ chức:
- Tổ chức trong tiết Hoạt động trải nghiệm (theo Chương trình Hoạt động trải nghiệm, loại hình Hoạt động giáo dục theo chủ đề)

Mối quan hệ với:

- **Năng lực trong HĐTN:**
  + Thích ứng với cuộc sống: Kĩ năng phát hiện vấn đề và tự tin làm chủ tình huống; Nhận diện được một số nguy hiểm từ môi trường sống đối với bản thân.
- **Năng lực chung:**
  + Giao tiếp và hợp tác: Thực hiện các hành vi thể hiện sự tự tin qua ánh mắt nhìn thẳng, giọng nói rõ ràng, tư thế đứng thẳng; biết nói lời từ chối và rời khỏi tình huống không an toàn.
  + Giải quyết vấn đề: Phát hiện được vấn đề có nguy cơ bị xâm hại; từ chối và rời khỏi tình huống không an toàn và báo cho người lớn đáng tin cậy.
- **Phẩm chất chủ yếu:**
  + Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, biết giữ an toàn cho bản thên khi gặp tình huống có nguy cơ bị xâm hại.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận diện được một số hành vi và tình huống có nguy cơ xâm hại.
- Biết rằng người có hành vi xâm hại có thể là người quen hoặc người lạ; xác định được người lớn đáng tin cậy để tìm kiếm sự hỗ trợ.
- Thực hiện được những hành động để phòng tránh bị xâm hại

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tranh minh họa hành vi và tình huống có nguy cơ xâm hại phù hợp với lứa tuổi HS.*
- Tranh minh họa cách tìm sự hỗ trợ và những người lớn đáng tin cậy.
- Các bức tranh về nguy cơ bị xâm hại thân thể
- Các tình huống liên quan đến phòng tránh bị xâm hại thân thể
- Các bức tranh về nguy cơ bị xâm hại tình dục
- Các thẻ chữ và thẻ hình về những báo động trước nguy cơ bị xâm hại tình dục
- Các tình huống thực hành phòng tránh bị xâm hại tình dục

- Giấy A0, bút dạ, băng dính giấy (hoặc nam châm dính bảng)

2. HS

– SGK Hoạt động trải nghiệm 4.

– Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 (nếu có).

III. GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

TIẾT 1. NGUY CƠ BỊ XÂM HẠI

KHÁM PHÁ

Khởi động: Chơi trò chơi "Chim cánh cụt"

GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này theo gợi ý sau:

1. Chuẩn bị: GV có thể di chuyển HS ra ngoài sân trường để tổ chức hoạt động này. GV tổ chức cho HS trong lớp đứng thành vòng tròn, hai tay để thẳng theo thân người, bàn tay xòe ra, có một HS ở giữa làm chim cánh cụt, hai tay chống vào hông giống như hình ảnh con chim cánh cụt.

2. GV phổ biến luật chơi.

HS làm chim cánh cụt sẽ di chuyển theo dáng đi của chim cánh cụt và bạn đó chạm được vào ai thì người đó sẽ bị biến thành chim cánh cụt. HS mới bị biến thành chim cánh cụt sẽ cùng bạn "chim cánh cụt ban đầu" tiếp tục di chuyển trong vòng tròn để chạm được vào các bạn khác. Nhiệm vụ của những bạn đứng ở vòng tròn là phải di chuyển theo khu vực quy định để mình không bị bạn chim cánh cụt chạm vào người (không bị biến thành chim cánh cụt).

3. GV tổ chức cho HS cả lớp chơi trong khoảng thời gian từ 3 – 5 phút, sau đó GV nêu câu hỏi thảo luận cho cả lớp:

- *Trong trò chơi vừa rồi, em có bị ai động chạm vào hay em có động chạm vào ai không?*
- *Nếu có, thì cảm giác của em như thế nào?*
- *Theo em, thế nào là động chạm tốt? Thế nào là động chạm xấu?*

5. GV mời một số HS trả lời các câu hỏi trên và giới thiệu vào chủ đề hoạt động.

KẾT NỐI

Hoạt động 1: Nhận diện tình huống có nguy cơ bị xâm hại

1. GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm từ 4 – 6 HS
2. GV yêu cầu các nhóm thảo luận, trao đổi về những nguy cơ bị xâm hại, trình bày kết quả thảo luận của nhóm trên giấy A0.
3. GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận và cùng cả lớp chốt lại những nguy cơ bị xâm hại theo kết quả thảo luận của các nhóm. Dự kiến nội dung kết luận như sau:

Những tình huống có nguy cơ bị xâm hại là:

– Khi đi một mình ở nơi vắng vẻ;

– Khi được người lạ cho quà, cho tiền mà không rõ lí do;

– Khi đi theo bạn bè, hàng xóm, người lạ,… mà không báo cho gia đình, người thân biết;

– Ở nhà một mình;

– Kết bạn với người lạ trên mạng xã hội;

– Tham gia những trang mạng xã hội có nội dung không lành mạnh;

– Thiếu sự quan tâm, chăm sóc của người thân;

– Thiếu hiểu biết về đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi;

– Thiếu kiến thức và kĩ năng phòng tránh xâm hại;

– Hạn chế trong nhận thức về các hình thức xâm hại;

– Thiếu hiểu biết về pháp luật;

Một số dấu hiệu có nguy cơ bị xâm hại là :

- Có người đe dọa, đánh, ép buộc hoặc làm em sợ hãi;
- Có người đụng chạm vào vùng riêng tư hoặc yêu cầu em đụng chạm vào cơ thể họ;
- Có người rủ em rời khỏi nơi đang ở khi chưa được người chăm sóc đồng ý;
- Có người yêu cầu em giữ bí mật về hành vi khiến em khó chịu hoặc lo lắng;
- Có người xin thông tin riêng tư, gửi tin nhắn hoặc hình ảnh làm em không an toàn trên môi trường số.

GV nhấn mạnh: người có hành vi xâm hại có thể là người quen hoặc người lạ; trách nhiệm thuộc về người gây ra hành vi xâm hại, HS không có lỗi. Khi cảm thấy không an toàn, HS cần rời khỏi tình huống nếu có thể và báo cho người lớn đáng tin cậy; nếu chưa được lắng nghe, tiếp tục tìm người khác giúp đỡ.

4. GV dùng tình huống giả định phù hợp lứa tuổi để HS nhận diện dấu hiệu không an toàn và nêu cách tìm sự hỗ trợ; không yêu cầu các em kể trải nghiệm cá nhân trước lớp.
5. GV khẳng định quyền được bảo vệ và được lắng nghe của HS; giải thích ngắn gọn về ranh giới cơ thể, quyền từ chối hành vi không phù hợp và cách tìm người lớn đáng tin cậy. Không quy trách nhiệm phòng ngừa xâm hại cho trẻ em.

Hoạt động 2: Nhận diện hành vi không an toàn và người có thể giúp đỡ

1. GV cho HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp: Hành vi nào khiến nhân vật không an toàn? Nhân vật có thể tìm ai để được giúp đỡ?
2. HS thảo luận theo nhóm nhỏ và nêu cách ứng phó trong những tình huống giả định ở nhà, ở trường hoặc trên môi trường số; GV không yêu cầu HS nêu tên người cụ thể có liên quan đến đời sống của mình.
3. Đại diện nhóm trình bày cách nhận diện hành vi và tìm kiếm sự hỗ trợ; GV bổ sung phương án phù hợp nếu HS còn lúng túng.

4. GV chốt các thông điệp cần nhớ:

Đối tượng gây hành động xâm hại: Bất kì ai cũng có thể là đối tượng gây ra hành động xâm hại. Đó có thể là người lạ, người quen, hàng xóm, cô, chú, anh họ, bác ruột, cậu ruột, ông bảo vệ,… bởi vậy các em không được chủ quan với bất kì ai.

Hành vi xâm hại có thể do người quen hoặc người lạ thực hiện. HS có quyền từ chối, rời khỏi tình huống không an toàn nếu có thể và tìm đến người lớn đáng tin cậy.

Không suy đoán nguy cơ xâm hại từ nghề nghiệp, hoàn cảnh hoặc cấu trúc gia đình của một người. Người lớn có trách nhiệm bảo vệ và tiếp nhận thông tin khi HS cần hỗ trợ.

GV nhắc HS luôn nhớ rằng nếu đã có điều không an toàn xảy ra, các em không có lỗi và cần được giúp đỡ.

TIẾT 2. XÂM HẠI THÂN THỂ

KẾT NỐI

Hoạt động 3: Nhận diện nguy cơ bị xâm hại thân thể

2. GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 4, quan sát các tranh và chỉ ra những nguy cơ trẻ em bị xâm hại thân thể trong những trường hợp:

- Trường hợp 1: Bị bạn bè trong lớp bắt nạt
- Trường hợp 2: Một người lớn trong gia đình có hành vi đe dọa hoặc gây thương tích cho trẻ; GV không quy nguy cơ cho giới tính hay hoàn cảnh của gia đình.
- Trường hợp 3: Bị người lớn dùng roi để dạy học
- Trường hợp 4: Một HS bị đe dọa ở nơi công cộng.

3. GV yêu cầu các nhóm ghi kết quả thảo luận trên giấy A1

4. GV tổ chức cho HS trao đổi sản phẩm giữa các nhóm, các nhóm sử dụng bút dạ khác màu để bổ sung cho nhóm bạn hoặc nêu câu hỏi với những điều chưa rõ. Khi sản phẩm trở về với nhóm ban đầu, các nhóm cùng xem lại ý kiến của nhóm bạn và tiếp nhận những điều nhóm bạn bổ sung, giải thích với những điều mà nhóm bạn còn băn khoăn, thắc mắc.

5. GV cùng cả lớp chốt lại về những nguy cơ trẻ em bị xâm hại thân thể theo kết quả thảo luận của các nhóm.

6. GV cho HS trao đổi theo cặp về tình huống giả định và cách tìm người lớn hỗ trợ; không yêu cầu nêu vụ việc có thật hoặc thông tin nhận diện trẻ em trước lớp.

7. GV nhắc nhở chốt lại những nguy cơ trẻ em bị xâm hại thân thể và chuyển ý sang hoạt động 4.

Hoạt động 4: Chia sẻ về cách ứng phó trước nguy cơ bị xâm hại thân thể

1. GV cho HS trao đổi theo cặp về hai nhiệm vụ dưới đây, sử dụng tranh hoặc thẻ

tình huống giả định phù hợp lứa tuổi.

- Nhiệm vụ 1: Quan sát tình huống giả định về nguy cơ bị xâm hại thân thể và nêu cách tìm sự hỗ trợ.
- Nhiệm vụ 2: Xác định những cách ứng phó trước nguy cơ bị xâm hại thân thể

2. GV chỉ sử dụng tình huống giả định; không yêu cầu HS kể lại việc bản thân từng trải qua hoặc chứng kiến, nêu danh tính, thời gian, địa điểm hay cảm xúc trước lớp. Khi có thông tin thật, GV tiếp nhận riêng và thực hiện quy trình bảo vệ trẻ em của nhà trường.
3. GV dành thời gian cho các nhóm thảo luận, yêu cầu các nhóm ghi lại những ý chính để chia sẻ trước lớp
4. GV tổ chức cho HS các nhóm trao đổi về những cách ứng phó trước nguy cơ bị xâm hại thân thể mà nhóm đã thống nhất
5. GV cùng cả lớp chốt lại những cách ứng phó trước nguy cơ bị xâm hại thân thể theo gợi ý:

- Gọi Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111 hoặc nhờ người lớn đáng tin cậy gọi khi cần hỗ trợ.
- Rời khỏi nơi nguy hiểm nếu có thể và tìm ngay người lớn có thể bảo vệ, hỗ trợ.
- Không yêu cầu HS tự đối đầu với người gây hại; ưu tiên tìm nơi an toàn và báo người lớn đáng tin cậy.
- GV hướng dẫn nhận biết dấu hiệu không an toàn và cách tìm hỗ trợ; nhấn mạnh trách nhiệm ngăn chặn xâm hại thuộc về người lớn và cơ sở giáo dục, không thuộc về trẻ.
- Không a dua, tham gia vào các hoạt động bạo lực

6. GV chuẩn bị hai tình huống giả định ngắn, phù hợp với điều kiện của lớp để HS luyện cách tìm kiếm sự hỗ trợ.

THỰC HÀNH

Hoạt động 5: Thực hành biện pháp phòng tránh bị xâm hại thân thể

1. GV chia nhóm 4–6 HS; mỗi nhóm chọn một tình huống giả định về nguy cơ bị xâm hại thân thể và trao đổi bằng lời hoặc tranh về cách đến nơi an toàn, báo người lớn. Không diễn lại hành vi bạo lực. Gợi ý thảo luận:

- *Bối cảnh xảy ra tình huống ở đâu?*
- *Điều gì đã xảy ra trong tình huống đó?*
- *Trong hoàn cảnh đó, em sẽ nói gì, làm gì?*
- Các nhóm chỉ phân vai người báo tin, người tiếp nhận hỗ trợ hoặc người quan sát; không diễn lại hành vi gây hại và không đòi hỏi HS biểu lộ cảm xúc đau sợ.

2. Nhóm tự nguyện trình bày cách báo tin và tìm nơi an toàn; nhóm khác bổ sung những người lớn có thể hỗ trợ.

3. GV khen ngợi các nhóm có cách xử lí tình huống hay, khen nhóm có biểu hiện diễn xuất tốt và cùng cả lớp tổng kết hoạt động.

TIẾT 3. XÂM HẠI TINH THẦN

KẾT NỐI

Hoạt động 6: Nhận diện những hành vi xâm hại tinh thần trẻ em

1. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4, phát cho mỗi nhóm một Phiếu học tập, yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP (Hoạt động 5)
Thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ sau

1. ***Hãy chỉ ra các hành vi khiến trẻ em bị xâm hại tinh thần bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước mỗi ý sau đây:***

   A. Chửi mắng, xúc phạm nhân phẩm, danh dự trẻ em

   B. Cho trẻ em đi học và ăn uống đầy đủ

   C. Quát tháo, đe dọa trẻ em

   D. Bỏ rơi, sao nhãng trẻ em

   E. Cô lập, cố ý không quan tâm khi trẻ cần được chăm sóc, hỗ trợ.

   F. Chăm sóc khi trẻ em bị ốm.

   G. Mua bán, bắt cóc trẻ em

   H. Chê bai, chế giễu, bêu xấu ngoại hình trẻ em

2. ***Chia sẻ về trường hợp trẻ em bị xâm hại tinh thần mà em biết***

   ……

   ……

   ……

   ……

   …….....

2. GV tổ chức cho các nhóm trao đổi Phiếu học tập, các nhóm đọc kết quả thảo luận của nhóm bạn, đối chiếu với kết quả thảo luận của nhóm mình.
3. GV mời đại diện một số nhóm trình bày về kết quả thảo luận, điểm giống và khác giữa Phiếu học tập của nhóm bạn và Phiếu học tập của nhóm mình.
4. GV cùng cả lớp thống nhất kết quả trong Phiếu học tập và chốt lại những hành vi khiến trẻ em bị xâm hại tinh thần là:

   - Chửi mắng, xúc phạm nhân phẩm, danh dự trẻ em.
   - Quát tháo, đe doạ trẻ em.

- Bỏ rơi, sao nhãng trẻ em.
- Mua bán, bắt cóc trẻ em.
- Chê bai, chế giễu, bêu xấu ngoại hình trẻ em.
- Cô lập, cố ý không quan tâm hoặc bỏ mặc trẻ em.

Hoạt động 7: Tìm hiểu cách phòng tránh khi bị xâm hại tinh thần

1. GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4, thảo luận về cách phòng tránh bị xâm hại tinh thần, ghi kết quả thảo luận lên giấy A0.
2. GV mời đại điện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
3. GV cùng cả lớp tổng kết lại cách phòng tránh bị xâm hại tinh thần:

– Luôn chia sẻ câu chuyện của mình với bạn bè, thầy cô.

– Bày tỏ mong muốn với bố, mẹ, anh, chị, em và người thân trong gia đình về một cuộc sống không bị bạo lực tinh thần.

– Thể hiện mong muốn được yêu thương, được nói chuyện nhẹ nhàng, vui vẻ.

– Đề nghị anh, chị em, bố, mẹ, người thân trong gia đình sử dụng mức âm lượng vừa phải khi nói chuyện, trao đổi với nhau.

– Kiểm soát được cảm xúc của bản thân, tránh để mình bị rơi vào những cảm xúc tiêu cực, hoặc tình trạng sống quá khép kín hay tăng động.

– Thẳng thắn chia sẻ với người thân trong gia đình về cảm xúc của mình khi người lớn gây áp lực hoặc quá kì vọng đối với mình.

– Ghi lại nhật kí để giải toả tâm trạng của bản thân.

4. GV dành thời gian cho HS ghi lại cách phòng tránh bị xâm hại tinh thần phù hợp với bản thân.
5. GV lưu ý với HS: việc bị xâm hại không phải lỗi của HS; không yêu cầu trẻ tự điều chỉnh cảm xúc để thay thế sự can thiệp của người lớn.

THỰC HÀNH

Hoạt động 8: Thực hành xử lí khi bị xâm hại tinh thần

1. GV cho HS thực hành với tình huống giả định và câu nói, hành động tìm kiếm sự hỗ trợ; không yêu cầu HS kể về trải nghiệm thật trước bạn bè.
2. GV chia lớp thành các nhóm 4 – 6 HS và tổ chức cho HS thảo luận nhóm để xây dựng tình huống cho các trường hợp sau:

- Bị bỏ rơi, sao nhãng;
- Bị đe dọa
- Bị chửi mắng

3. GV yêu cầu các nhóm chọn một tình huống giả định để thảo luận phương án ứng phó, không tái hiện hành vi bạo lực trong phần đóng vai.

4. GV dành thời gian cho HS chuẩn bị thực hành sắm vai thể hiện cách ứng phó đối với tình huống mỗi nhóm đã xây dựng
5. GV tổ chức cho các nhóm lên sắm vai và mời các nhóm khác nhận xét.
6. GV chốt lại những điều cần chú ý khi phòng tránh bị xâm hại tinh thần.
7. GV dặn dò HS chuẩn bị nội dung cho những hoạt động ở tuần tiếp theo.

TIẾT 4. XÂM HẠI TÌNH DỤC

KẾT NỐI

Hoạt động 9: Nhận diện nguy cơ bị xâm hại tình dục

1. GV sử dụng tranh hoặc thẻ tình huống phù hợp lứa tuổi để HS nhận diện hành vi xâm hại tình dục. GV tránh hình ảnh gây sợ hãi và không yêu cầu HS kể trải nghiệm cá nhân.
2. GV dành thời gian cho các nhóm thảo luận và hỗ trợ khi cần thiết.
3. GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, mời các nhóm khác bổ sung.
4. GV chốt lại những nguy cơ bị xâm hại tình dục:

- Người lớn cố ý chạm vào vùng riêng tư của trẻ khiến trẻ không thoải mái;
- Người quen muốn ôm trẻ nhưng trẻ không muốn hoặc không đồng ý;
- Một người yêu cầu trẻ giữ bí mật về hành vi đụng chạm làm trẻ khó chịu;
- Bạn cùng lứa tuổi cố ý đụng chạm khi người kia không đồng ý;

Hoạt động 10: *Tìm hiểu về các báo động trước nguy cơ bị xâm hại tình dục*

1. GV chuẩn bị các thẻ chữ và thẻ hình về các báo động trước nguy cơ bị xâm hại tình dục như trong hình dưới đây:



Em có quyền quyết định ai được ôm, bế, hôn mình. Dù là người quen hay người lạ, nếu ai đó ôm, bế, hôn em khi em không muốn hoặc khiến em khó chịu, em có quyền nói "không'. Hành vi đó được gọi là…	
Nếu ai đó CHẠM vào "vùng đồ bơi" của em hoặc yêu cầu em CHẠM vào "vùng đồ bơi" của họ thì đó gọi là…	

2. GV chia lớp thành các nhóm 4 – 6 HS và phát cho mỗi nhóm 1 bộ thẻ chữ và thẻ hình đã bị trộn lẫn và 1 tờ giấy A2. Yêu cầu các nhóm thảo luận và sắp xếp lại thứ tự các thẻ chữ và thẻ hình cho phù hợp, sau đó trao đổi về cách hiểu của mình đối với từng loại báo động trước nguy cơ bị xâm hại tình dục.

3. GV yêu cầu các nhóm trao đổi, thảo luận để tìm được cách ghi nhớ các báo động này một cách dễ nhất.

4. GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình và mời một vài nhóm lên thể hiện cách ghi nhớ các báo động này để giúp các em nhớ lâu hơn các báo động trước nguy cơ bị xâm hại tình dục.

5. GV sử dụng hình ảnh về các báo động để nhắc nhở các em ghi nhớ về những báo động trước nguy cơ bị xâm hại tình dục, từ đó có thể phòng tránh nguy cơ bị xâm hại tình dục.

Hoạt động 12: ***Thảo luận về những tình huống nguy cơ bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh***

1. GV tiếp tục cho HS làm việc nhóm 4 – 6 như đã phân chia ở nhiệm vụ trước và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận về những tình huống nguy cơ bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh.

2. GV phát giấy A0, bút dạ cho các nhóm, gợi ý các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo mẫu ở bảng sau:

STT	Những tình huống có nguy cơ bị xâm hại tình dục	Cách phòng tránh
1		
2		
3		

4		
5		

3. GV dành thời gian cho các nhóm thảo luận và hỗ trợ khi cần thiết. GV lưu ý các HS rằng tương ứng với mỗi nguy cơ bị xâm hại tình dục là những cách phòng tránh cụ thể khác nhau.

4. GV tổ chức cho HS các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận bằng cách các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác bổ sung cho nhóm bạn.

5. GV mời đại diện một vài HS trong lớp tổng hợp lại kết quả và nêu câu hỏi: *Các em đã biết và thực hiện được những cách phòng tránh nào trong các cách phòng tránh tình huống có nguy cơ bị xâm hại tình dục đã nêu trên* ?

6. GV mời HS trong lớp trả lời câu hỏi trên và nhắc nhở các em chú ý thực hiện những việc làm để phòng tránh nguy cơ bị xâm hại tình dục.

THỰC HÀNH

Hoạt động 13: Thực hành phòng tránh bị xâm hại tình dục

1. GV chia lớp thành các nhóm và phân công cho mỗi nhóm một tình huống để chuẩn bị sắm vai. GV lưu ý các nhóm cần thảo luận để đưa ra cách giải quyết tình huống sau đó mới phân vai cho các thành viên trong nhóm.

2. GV tổ chức cho HS đóng vai xử lí tình huống liên quan đến phòng tránh bị xâm hại tình dục (Lưu ý hướng dẫn HS chọn vai và chỉ diễn tập lời nói, cách rời đi, cách báo người lớn. Không yêu cầu đóng vai hành vi xâm hại)

Tình huống 1

Gia Hân là một cô bé rất xinh, luôn mặc những bộ váy điệu đà. Hôm nay, Gia Hân đang chơi cùng bạn ở hành lang chung cư, chú Hùng hàng xóm đi qua khen Gia Hân xinh quá và kéo Gia Hân lại, ôm vào lòng.

Nếu là Gia Hân, em sẽ làm gì?

Tình huống 2

Hôm ấy, mẹ Phương bị ốm không đi đón được nên Phương phải đi bộ về nhà. Đến đoạn đường vắng vẻ, có một chú lạ mặt đi sát và cố ý đụng chạm vào người em.

Nếu là Phương, em sẽ làm gì?

3. GV dành thời gian cho các nhóm chuẩn bị, sau đó mời lần lượt các nhóm lên sắm vai xử lí tình huống, các nhóm khác quan sát và ghi nhớ cách giải quyết tình huống của nhóm bạn.

4. GV khen ngợi những nhóm có cách giải quyết tình huống hay, phù hợp với bối cảnh và bảo đảmđược sự an toàn cho bản thân.

5. GV nhận xét cách tìm kiếm hỗ trợ và củng cố thông điệp: trẻ không có lỗi khi bị xâm hại, người lớn có trách nhiệm tiếp nhận và bảo vệ trẻ.

VẬN DỤNG

GV dặn dò HS nhớ các cách phòng tránh xâm hại và vận dụng KN phòng, chống xâm hại khi gặp tình huống trong cuộc sống.

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. NHÓM KĨ NĂNG THAM GIA MÔI TRƯỜNG SỐ AN TOÀN

KĨ NĂNG SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ PHÙ HỢP

Thời lượng: 2 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:

Nhóm kĩ năng : Kĩ năng tham gia môi trường số an toàn

Kĩ năng: Kĩ năng sử dụng thiết bị số phù hợp

Đối tượng: Lớp 3

Hình thức tổ chức:

- Tổ chức trong hoạt động giáo dục (buổi 2);
- Hoạt động củng cố, tăng cường/theo nhu cầu người học

Mối quan hệ với:

- **Năng lực trong HĐTN:**

  + Thích ứng với cuộc sống:

  Hiểu biết về bản thân và môi trường sống: Nhận diện được một số nguy cơ từ môi trường sống (bao gồm môi trường số, thiết bị điện tử) ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống của bản thân

  Điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi: Biết cách kiềm chế nhu cầu chưa phù hợp (như chơi game, xem tivi quá mức), thực hiện các nhiệm vụ với yêu cầu khác nhau và biết cách giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với thiết bị số.

- **Năng lực chung:**

  + Tự chủ và tự học: Biết thực hiện đúng kế hoạch, nề nếp sinh hoạt, không mải chơi thiết bị điện tử làm ảnh hưởng đến việc học tập và sức khỏe. Biết tự lực thực hiện các quy tắc sử dụng thiết bị số an toàn, hợp lý theo hướng dẫn.

  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết nhận diện vấn đề (quá thời gian xem màn hình, mỏi mắt) và lựa chọn giải pháp phù hợp (tắt thiết bị, chuyển sang đọc sách, vận động ngoài trời, chơi cùng gia đình).

- Năng lực tin học : Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông và Ứng xử phù hợp trong môi trường số ở mức độ ban đầy của học sinh tiểu học: Biết sử dụng các thiết bị số tuân theo các nguyên tắc giữ gìn sức khỏe và sử dụng đúng mục đích.

- **Phẩm chất chủ yếu:**

  + Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể, chăm sóc sức khỏe (bảo vệ đôi mắt, tư thế ngồi), có ý thức sinh hoạt nền nếp và quản lý thời gian hợp lý khi sử dụng các phương tiện công nghệ.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Nêu được lợi ích (học tập, tìm hiểu kiến thức, kết nối người thân, giải trí…) và tác hại của việc sử dụng tivi, điện thoại, máy tính và các thiết bị điện tử quá nhiều.

- Thực hiện được việc sử dụng tivi, điện thoại, máy tính và các thiết bị điện tử một cách hợp lý và tuân thủ thời gian quy định.
- Khai thác thiết bị số như công cụ hỗ trợ học tập, giải trí lành mạnh và thực hiện các quy tắc an toàn số cơ bản.
- Tự giác tham gia các hoạt động thay thế lành mạnh để giảm thời gian sử dụng các thiết bị điện tử.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Máy tính,bài trình chiếu, video/tranh minh họa về các bạn học sinh sử dụng thiết bị số (học bài, tra cứu, giải trí đúng cách).
- Đồng hồ bấm giờ, thẻ tình huống, thẻ hoạt động lành mạnh.

2. HS

- Vở, bút màu, kéo, hồ dán.

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG

TIẾT 1: NHẬN BIẾT TÁC HẠI VÀ TÌM HIỂU QUY ĐỊNH THỜI GIAN

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nhìn nhanh - Đoán đúng (5 phút)

- **Mục tiêu:** Tạo không khí vui vẻ và dẫn dắt HS vào chủ đề bài học.
- **Cách tiến hành:**
  - GV chiếu nhanh các hình ảnh thiết bị điện tử (tivi, điện thoại, máy tính, máy chơi game) và các hoạt động sử dụng khác nhau (học online, học tiếng Anh, xem hoạt hình, gọi điện cho ông bà ở xa, nghe nhạc…) HS quan sát và gọi tên nhanh các thiết bị.
  - GV đặt câu hỏi: Các em thường dùng những thiết bị này để làm gì và trong bao lâu?
  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Khám phá "hai mặt" của thiết bị số (15 phút)

- **Mục tiêu:** Hiểu được lợi ích khi dùng đúng mục đích và tác hại khi lạm dụng thiết bị số
- **Cách tiến hành:**

- GV cho HS xem 2 tình huống ngắn: Bạn An dùng máy tính bảng để học vẽ/tra cứu bài học và bạn Tin chơi điện tử quá nhiều dẫn đến mỏi mắt, lơ đễnh.
- HS thảo luận nhóm đôi theo câu hỏi gợi ý
- Thiết bị số mang lại lợi ích gì cho chúng ta?
- Bạn Tin đã sử dụng điện thoại như thế nào?

- Việc dùng điện thoại quá lâu, gây ra tác hại gì?

- GV tổng kết lên bảng hai mặt rõ ràng:

Mặt tốt/ tích cực	Mặt không tốt/ mặt trái
Hỗ trợ học tập (tra từ điển, xem video bài giảng, học ngoại ngữ), kết nối tình cảm gia đình (gọi điện cho người thân ở xa), giải trí thư giãn lành mạnh sau giờ học.	■ Sức khỏe: Mỏi mắt, đau đầu, giảm thị lực, mệt mỏi. ■ Học tập & sinh hoạt: Ngủ gật, giảm kết quả học tập, ít nói chuyện/ giao lưu với mọi người.

Hoạt động 3: Bí kíp sử dụng thiết bị số (10 phút)

- **Mục tiêu:** Biết cách sử dụng thiết bị điện tử hợp lý, an toàn, có ích
- **Cách tiến hành:**
    - GV gợi mở câu hỏi: Để tránh những tác hại đã kể trên, các em sẽ làm gì ? Cho học sinh ghi ra bảng con.
    - GV tổng kết đưa các cách sử dụng thiết bị điện tử hợp lý.
        (i) Luôn xin phép người lớn trước khi dùng thiết bị.
        (ii) Sử dụng đúng mục đích: Sử dụng thiết bị theo đúng thỏa thuận với người lớn (xem gì, xem bao lâu và sau khi xem sẽ làm gì tiếp theo)
        (iii) Quản lý thời gian: Đặt chuông báo thời gian chuẩn bị hết giờ xem và thời gian báo hết giờ xem.
        (iv) Chọn tư thế, khoảng cách xem phù hợp với từng thiết bị; nghỉ mắt và thay đổi hoạt động khi thấy mỏi, tránh dùng thiết bị liên tục trong thời gian dài.
        (v) Chọn lựa hoạt động thay thế lành mạnh để giảm thời gian sử dụng các thiết bị điện tử (vui chơi cùng gia đình, giúp việc nhà, tham gia hoạt động thể dục)

VẬN DỤNG TẠI NHÀ (5 phút)

Vẽ/ trang trí Bảng bí kíp sử dụng thiết bị số.

TIẾT 2: THỰC HÀNH VÀ VẬN DỤNG

THỰC HÀNH

Hoạt động 4: Thực hành (15 phút)

- **Mục tiêu:** HS thực hành xin phép bố, mẹ/ người thân, lựa chọn nội dung phù hợp và tuân thủ thời gian sử dụng thiết bị đã thỏa thuận.
- **Cách tiến hành:**
  - GV hướng dẫn HS nói rõ với bố, mẹ/ người thân về mục đích sử dụng (học tập hay giải trí) nội dung muốn xem, thời gian dự kiến và việc sẽ làm sau khi kết thúc; cho HS luyện tập theo cặp.
  - GV cùng HS quan sát cách bố trí thiết bị, ánh sáng và tư thế ngồi; hướng dẫn các em điều chỉnh khoảng cách nhìn phù hợp và nghỉ mắt khi mỏi. HS thực hành theo cặp, không dùng một khoảng cách cố định cho mọi loại màn hình.

Hoạt động 5: Xử lí tình huống (15 phút)

- **Mục tiêu:** Thực hành ứng xử hợp lý và tuân thủ thời gian quy định khi sử dụng thiết bị điện tử.
- **Cách tiến hành:**
  - GV chia nhóm và giao các tình huống:
    (i) Tình huống 1: Đang xem phim hoạt hình hay thì đến giờ tắt tivi theo quy định.
    (ii) Tình huống 2: Thiết bị tự gợi ý một video lạ khi em muốn xem hoạt hình. Em có bấm xem ngay hay hỏi bố, mẹ/ người thân?
    (iii) Tình huống 3: Cảm thấy mỏi mắt, đau đầu khi đang xem chương trình tivi.
  - HS đóng vai thể hiện cách xử lý.
  - GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi những ứng xử đúng đắn.

TỔNG KẾT (5 phút)

- Cả lớp thực hiện bài tập vận động thư giãn mắt và cơ thể.
- GV trao sao tuyên dương cho cả lớp.

VẬN DỤNG TẠI NHÀ

Hãy sử dung các quy tắc đã học để sử dụng thiết bị điện tử hợp lý và thực hiện mẫu phiếu hành động theo tuần

IV. PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU HÀNH ĐỘNG

CAM KẾT CỦA CÔNG DÂN SỐ

(Em hãy đánh dấu X vào những việc em đã tự giác thực hiện trong tuần này)

Việc làm	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Xin phép người lớn và nêu rõ mục đích khi sử dụng thiết bị số							
Giữ khoảng cách an toàn cho mắt khi xem							
Sử dụng thiết bị số đúng thời gian quy định (đặt chuông báo sắp hết giờ và hết giờ)							
Tham gia hoạt động thể thao/vui chơi ngoài trời							
Đọc sách hoặc cùng người thân làm việc nhà phù hợp							

Ý kiến/Xác nhận của cha mẹ:

.....

.....

.....

.....

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. NHÓM KĨ NĂNG TƯ DUY VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

KĨ NĂNG RA QUYẾT ĐỊNH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Thời lượng: 4 tiết

THÔNG TIN THAM KHẢO:
Nhóm kĩ năng : Kĩ năng tư duy và ra quyết định
Kĩ năng: Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề
Đối tượng: Lớp 4, Lớp 5
Hình thức tổ chức:
- Tổ chức trong hoạt động giáo dục (buổi 2);
- Hoạt động củng cố, tăng cường/theo nhu cầu người học

Mối quan hệ với:
- **Năng lực trong HĐTN:**
  + Thích ứng với cuộc sống: Kĩ năng điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi. Đề xuất được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề; Làm chủ được cảm xúc, thái độ và hành vị của mình và thể hiện sự tự tin trước đông người; Biết cách xử lí trong một số tình huống nguy hiểm
- **Năng lực chung:**
  + Giao tiếp và hợp tác: Thể hiện sự tự tin khi phân tích vấn đề, hợp tác được với thầy cô, bạn bè và người thân đề giải quyết vấn đề.
  + Giải quyết vấn đề: Phát hiện và làm rõ được vấn đề, thu thập được thông tin, đề xuất và lựa chọn được giải pháp để ra quyết định và giải quyết vấn đề
- **Phẩm chất chủ yếu:**
  + Trách nhiệm: Quý trọng bản thân, có trách nhiệm với bản thân khi đứng trước vấn đề cần ra quyết định và giải quyết.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề này, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Hiểu và thực hành về các bước ra quyết định và giải quyết vấn đề
- HS biết phân tích những điểm tích cực hoặc tiêu cực của những quyết định đã qua và hiểu được những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đó.
- Biết cách xác định các giải pháp, hình dung kết quả của mỗi giải pháp và lựa chọn giải pháp tối ưu khi ra quyết định và giải quyết vấn đề
- Chủ động áp dụng kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày một cách phù hợp.

II. CHUẨN BỊ

- Phiếu học tập: **"Xác định vấn đề"**

- 16 chiếc ghế cho trò chơi **"Cờ ca - rô người**"
- Một số tình huống mẫu dành cho thảo luận nhóm
- Sơ đồ: **"Các bước giải quyết vấn đề"**

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG

Tiết 1. QUYẾT ĐỊNH CỦA BẢN THÂN

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Trò chơi "cờ ca rô người"

a. Mục tiêu

- HS nhận biết được những yếu tố tác động/ảnh hưởng tới việc ra quyết định
- HS có thái độ và kĩ năng hợp tác khi chia sẻ với bạn khác trong nhóm.

b. Cách tiến hành

- Xếp 16 chiếc ghế thành bốn hàng và quay về cùng một phía:
- Chọn ra 16 HS tham gia trò chơi, chia làm hai đội, mỗi đội 8 người. Hai đội xếp thành 2 hàng dọc và điểm danh từ 1 đến 8
- Đặt tên cho hai đội, ví dụ: đội Xanh và đội Đỏ (có thể viết tên đội lên giấy và đính trên ngực người chơi hoặc phát cho người chơi ở đội màu xanh các tờ bìa xanh và phát cho người chơi ở đội màu đỏ các tờ bìa màu đỏ để phân biệt 2 đội).
- GV phổ biến cách chơi:

+ GV (hoặc đội trưởng) lần lượt gọi số thứ tự các thành viên của mỗi đội và yêu cầu họ tự chọn chỗ ngồi vào ghế (Ví dụ: số 1 xanh, số 1 đỏ, số 2 xanh, số 2 đỏ, …).

+ Những người kế tiếp phải quyết định chọn được chỗ ngồi sao cho nhóm phải có bốn người ngồi thẳng hàng liên tiếp nhau (ngang, dọc, chéo). Thời gian suy nghĩ để ra quyết định là 20 giây.

+ Nhóm nào có được 4 người ngồi thẳng hàng trước sẽ thắng cuộc.

+ Lưu ý các tình huống phạm luật: Mỗi người chơi phải tự quyết định, các thành viên khác không được gợi ý, người chơi không được vượt quá thời gian cho phép.

- Sau khi kết thúc trò chơi, GV cho lớp thảo luận theo các câu hỏi sau:

1. Trong trò chơi vừa rồi em đã đi nước cờ của mình như thế nào?

2. Em đã suy nghĩ như thế nào để ngăn được đội bạn và giành thắng lợi cho đội nhà?

3. Quyết định của em trong trò chơi vừa rồi đã giúp gì cho các bạn khác trong nhóm?

- Một số HS trả lời

- GV kết luận: Để giành thắng lợi trong trò chơi vừa rồi chúng ta đã phải suy nghĩ, lựa chọn và đưa ra quyết định phù hợp nhất. Mỗi quyết định có thể phù hợp hoặc chưa phù hợp, do đó chúng giúp em có được những cách giải quyết khác nhau. Mỗi khi tình huống thay đổi, em cũng phải suy nghĩ, lựa chọn và ra những quyết định khác cho phù hợp.

KẾT NỐI

Hoạt động 2: Nhìn lại quyết định của bản thân

a) Mục tiêu

HS phân tích được những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của quyết định đã đưa ra và nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đó.

b) Cách tiến hành

- GV nêu ví dụ cụ thể về một quyết định của bản thân trong quá khứ (có thể là quyết định phù hợp hoặc chưa phù hợp); chia sẻ lý do đưa ra quyết định và kết quả, ảnh hưởng của quyết định đó.

Bước 1:

- GV yêu cầu từng HS nhớ lại một quyết định đã đưa ra trong quá khứ và hoàn thành phiếu bài tập sau:

NHÌN LẠI QUYẾT ĐỊNH CỦA BẢN THÂN

Tình huống và quyết định của em:

.....

.....

Đối tượng chịu ảnh hưởng	Ảnh hưởng tích cực	Ảnh hưởng tiêu cực
Bản thân		
Người chăm sóc		
Người thân khác		
Bạn bè		
Thầy cô		
Người khác (nếu có)		

Bước 2:

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4. Từng HS dựa vào phiếu bài tập ở Bước 1 để chia sẻ về quyết định của mình và phân tích những ảnh hưởng của quyết định đó.

- GV nêu các câu hỏi định hướng thảo luận:

(1) Trước khi đưa ra quyết định, em đã suy nghĩ, cân nhắc những điều gì? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quyết định của em?

(2) Quyết định đó đã mang lại kết quả và ảnh hưởng như thế nào đối với bản thân em và những người khác?

(3) Từ quyết định đó, em rút ra bài học gì cho những lần ra quyết định tiếp theo?

- GV mời đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp về một quyết định đã được thảo luận và những ảnh hưởng của quyết định đó; lưu ý tôn trọng sự riêng tư, không yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm nhạy cảm.

- GV kết luận (chiếu slide): Mỗi quyết định có thể mang lại những kết quả và ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đối với bản thân và những người xung quanh. Vì vậy, trước khi đưa ra quyết định, chúng ta cần tìm hiểu thông tin, cân nhắc các lựa chọn và hậu quả có thể xảy ra để lựa chọn cách giải quyết phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Tiết 2. CÁCH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

KẾT NỐI

Hoạt động 3: Tìm hiểu cách xác định vấn đề

a. Mục tiêu:

- HS xác định được vấn đề cần giải quyết trong một số tình huống cụ thể

b. Cách tiến hành:

- GV dựa vào một số tình huống gợi ý để xây dựng khoảng 5 tình huống có vấn đề cần giải quyết. Dán chúng lên nhiều nơi khác nhau trên tường xung quanh lớp học.
- Gợi ý 5 tình huống như sau:

Tình huống 1. Áp lực học tập

Gần đến kì kiểm tra cuối kì, Minh thường xuyên thức khuya để học bài. Minh cảm thấy rất mệt, hay cáu gắt với gia đình và kết quả một số môn vẫn không cải thiện.

Tình huống 2. Mâu thuẫn bạn bè

Lan và Hương là bạn thân. Gần đây, Lan thấy Hương ít nói chuyện với mình, thường né tránh những câu chuyện của Lan. Lan cảm thấy bị bỏ rơi và lo lắng.

Tình huống 3. Sử dụng mạng xã hội

Nam tham gia một nhóm chat lớp. Trong nhóm, một số bạn thường gửi tin nhắn trêu chọc, châm biếm một bạn khác. Nam thấy không thoải mái nhưng không biết nên làm gì.

Tình huống 4. Lựa chọn hoạt động cá nhân

Bố mẹ muốn Hà tập trung học để chuẩn bị lên trung học cơ sở, trong khi Hà rất thích tham gia câu lạc bộ bóng rổ của trường. Hà cảm thấy bối rối và căng thẳng.

Tình huống 5. Trách nhiệm và thời gian

Tuấn được giao trực nhật lớp vào thứ Sáu, nhưng cùng ngày đó Tuấn có buổi học thêm quan trọng. Tuấn lo lắng vì sợ không hoàn thành cả hai việc.

- Phát cho mỗi HS một phiếu "**Xác định vấn đề"**
- Yêu cầu mỗi HS lựa chọn một tình huống, đọc kĩ tình huống và làm việc cá nhân, hoàn thiện phiếu xác định vấn đề dựa trên các câu hỏi sau:

1. *Vấn đề nêu ra trong tình huống là gì?*
2. *Vấn đề xảy ra ở đâu, khi nào?*
3. *Vấn đề đó liên quan đến ai?*

- Sau khi từng cá nhân HS thực hiện xong phiếu BT, GV chia HS về các nhóm có cùng tình huống, yêu cầu các em chia sẻ lại kết quả làm việc của mình trong nhóm.
- GV tổ chức cho đại diện HS các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình cho cả lớp và nêu câu hỏi thảo luận chung:

(1) Vấn đề là gì?
(2) Có những loại vấn đề nào?
(3) Để xác định được vấn đề, chúng ta cần làm gì?

- GV tổng hợp các ý kiến trả lời và kết luận (chiếu slide)

Tiết 3. CÁC BƯỚC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

KẾT NỐI

Hoạt động 4: Tìm hiểu các bước giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu

- HS xác định được các bước giải quyết vấn đề.

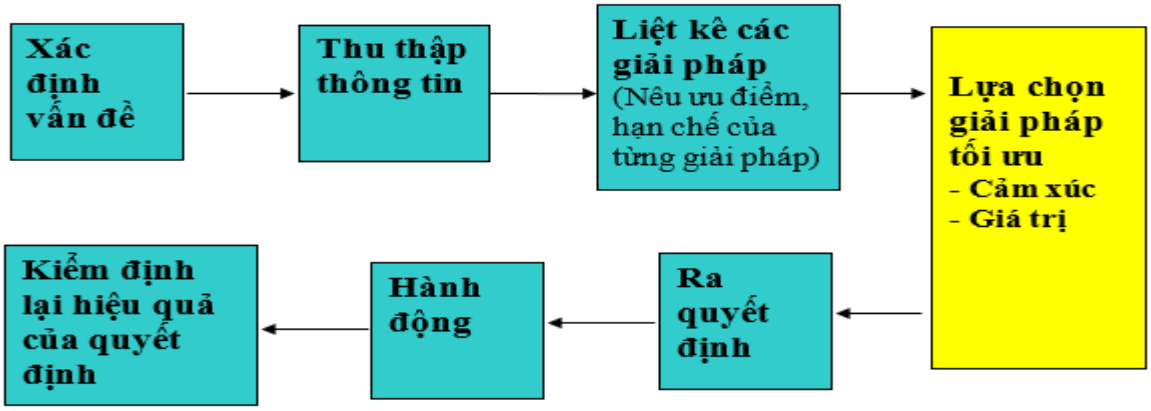
b. Cách tiến hành:

- GV sử dụng lại 5 tình huống mà HS đã thảo luận ở tiết học trước (các tình huống gợi ý đưa ra ở slide.
- GV yêu cầu HS các nhóm thảo luận theo tình huống mà nhóm đã chọn ở tiết trước với các câu hỏi sau:

1. *Có những phương án nào để giải quyết vấn đề đã nêu ra trong tình huống? Vì sao?*
2. *Nêu ưu, nhược điểm của các phương án (hậu quả, ảnh hưởng đến những người xung quanh (cha mẹ, anh chị em, bạn bè...)?*

- HS trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0.
- GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm.
- GV tổng hợp ý kiến các nhóm và chiếu sơ đồ về **"Các bước giải quyết vấn đề"** (chiếu slide)

CÁC BƯỚC RA QUYẾT ĐỊNH CÓ HIỆU QUẢ



và giảng về các bước giải quyết vấn đề theo các thông tin nêu trong bảng sau:

Các bước	Nội dung thực hiện
Xác định vấn đề	- Sẽ không thể giải quyết được vấn đề khi các em chưa hiểu rõ và chưa xác định được vấn đề của mình. - Xác định những chi tiết liên quan đến vấn đề: + Vấn đề xảy ra trong điều kiện nào? + Xảy ra khi nào? + Xảy ra ở đâu? + Liên quan tới ai?
Đưa ra các cách giải quyết có thể	- Phải tập hợp mọi thông tin liên quan tới vấn đề đã nêu, động não để đưa ra các cách giải quyết vấn đề. - Phân tích, suy đoán về khả năng sẽ gặp và dự tính về kết quả (tích cực/hạn chế) khi thực hiện mỗi cách giải quyết vấn đề. - Cân nhắc ảnh hưởng của cách giải quyết đó đối với những người xung quanh (cha, mẹ, anh, chị em, bạn bè ...)
Ra quyết định về phương án giải quyết vấn đề	- Quyết định lựa chọn một phương án phù hợp nhất trong số nhiều phương án đưa ra. - Giải thích hoặc nêu rõ lý do đối với sự lựa chọn đó.
Đánh giá kết quả khi thực hiện phương án đó:	- Nếu đó là kết quả tốt, sẽ sử dụng nó trong tương lai khi gặp phải vấn đề này. - Nếu đó là kết quả không tốt, sẽ không lựa chọn phương án đó trong tương lai.
Có thể lặp lại các bước trên nếu kết quả chưa tốt.	

- GV nhấn mạnh khâu xác định phương án, phân tích và lựa chọn phương án giải quyết vấn đề là rất quan trọng.

- Chú ý: GV giải thích để HS hiểu rằng

+ Mỗi cá nhân phải tự mình ra quyết định cho bản thân khi gặp tình huống có vấn đề. Để đi đến một quyết định cần đưa ra nhiều phương án giải quyết. Với mỗi phương án nên xác định những điều có lợi hoặc bất lợi đối với bản thân cha mẹ và những người xung quanh; cảm xúc của bản thân về mỗi lựa chọn…và hình dung về phương án khắc phục những điều bất lợi.

+ Sau khi xem xét tất cả các yếu tố, hãy đưa ra quyết định cuối cùng và giải thích cho lựa chọn của mình.

+ Nhấn mạnh: Không có quyết định nào là tuyệt đối đúng. Mỗi quyết định đều có ưu điểm và nhược điểm. Vấn đề là quyết định phải là phương án tối ưu nhất.

- GV kết luận (chiếu slide)

Tiết 4. THỰC HÀNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Hoạt động 5: Thực hành sắm vai giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu HS thực hành áp dụng được các bước giải quyết vấn đề vào sắm vai xử lý tình huống có vấn đề.

b. Cách tiến hành:- GV chọn một số tình huống quen thuộc với HS trong lớp. Gợi ý một số tình huống như sau:

Tình huống 1. Mâu thuẫn trong làm việc nhóm

Nhóm của An được giao làm bài thuyết trình. Một bạn trong nhóm thường không tham gia nhưng đến gần hạn nộp lại yêu cầu ghi tên chung. Một số bạn trong nhóm tỏ ra bức xúc.

Tình huống 2. Bị áp lực từ bạn bè

Một nhóm bạn rủ Bình bỏ tiết học thêm để đi chơi. Bình không muốn nhưng sợ bị chê là "không hòa đồng".

Tình huống 3. Xung đột gia đình – học tập

Gia đình muốn Mai tập trung hoàn toàn vào việc học để chuẩn bị lên trung học cơ sở, trong khi Mai muốn tham gia hoạt động văn nghệ của trường vào cuối tuần.

Tình huống 4. Vấn đề trên mạng xã hội

Trong nhóm lớp, một bài đăng khiến một bạn cảm thấy bị xúc phạm. Một số bạn bênh vực, một số bạn chế giễu, không khí nhóm trở nên căng thẳng.

- Các nhóm bốc thăm tình huống để sắm vai
- GV tổ chức cho các nhóm sắm vai, sau phần thực hành sắm vai của từng nhóm GV nêu câu hỏi cho cả lớp thảo luận:

(1) Cách giải quyết vấn đề của nhóm như thế nào?

(2) Cách giải quyết vấn đề đó đã tối ưu chưa?

(3) Còn cách giải quyết vấn đề nào tốt hơn không? Vì sao?

- GV mời một số HS trả lời các câu hỏi trên và tổng hợp ý kiến
- GV kết luận về phần thực hành giải quyết vấn đề của các nhóm.

VẬN DỤNG

GV dặn dò HS vận dụng KN ra quyết định và giải quyết vấn đề khi gặp tình huống cần giải quyết trong học tập và cuộc sống.

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHẦN V
ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC KĨ NĂNG

Đánh giá kết quả giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học không phải là dùng các bài kiểm tra viết chữ khô khan hay chấm điểm số đúng - sai truyền thống. Đánh giá kĩ năng là quá trình thu thập thông tin về sự thay đổi trong nhận thức, thái độ và hành vi thực tế của HS, từ đó giúp các em tiến bộ hơn mỗi ngày.

Các nội dung dưới đây gợi ý mục đích, nguyên tắc, phương pháp và công cụ đánh giá sự tiến bộ của HS.

1.1. Mục đích đánh giá

Việc đánh giá kết quả giáo dục kĩ năng trong trường tiểu học hướng tới 3 mục đích thiết thực sau:

***- Đối với HS (Đánh giá vì sự tiến bộ của người học)*:** Giúp các em tự nhận ra điểm mạnh của mình và những điểm cần điều chỉnh trong cách ứng xử, thói quen sinh hoạt hay làm việc nhóm. Qua đó, HS tự soi chiếu bản thân và có động lực rèn luyện để hoàn thiện các kĩ năng sống.

***- Đối với GV (Đánh giá để điều chỉnh phương pháp)*:** Cung cấp cho thầy cô những thông tin phản hồi chính xác về việc: HS đã thực sự làm được kĩ năng đó chưa? Các em còn lúng túng ở bước nào trong quy trình thực hành? Từ đó, GV kịp thời điều chỉnh cách dạy, bổ sung thời gian luyện tập hoặc hỗ trợ thêm cho những em chậm tiến bộ.

- Đối với nhà trường và phụ huynh (Đánh giá để phối hợp giáo dục): Làm cơ sở để tổng hợp kết quả giáo dục toàn diện phẩm chất, năng lực HS theo chương trình mới, đồng thời gắn kết chặt chẽ mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc theo dõi hành vi của con em.

1.2. Nguyên tắc đánh giá

Để việc đánh giá đạt hiệu quả khách quan, nhân văn và không tạo áp lực tâm lý cho HS tiểu học, GV cần tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi sau:

- ***Nguyên tắc lấy sự tiến bộ của HS làm trọng tâm*:** Không so sánh HS này với HS khác. Thầy cô hãy so sánh chính em ngày hôm nay với chính em của ngày hôm qua (xem em đã biết kiềm chế hơn chưa, biết tự giác dọn bàn học hơn chưa).
- ***Nguyên tắc đánh giá toàn diện (Kiến thức - Kĩ năng - Thái độ/Hành vi)*:** Không chỉ đánh giá qua việc HS trả lời đúng câu hỏi lý thuyết, mà phải đánh giá chủ yếu qua hành vi thực tế trong các tình huống ở lớp, ở trường và sự chia sẻ từ phía cha mẹ HS ở nhà.
- ***Nguyên tắc đa dạng hóa hình thức và lực lượng đánh giá:*** Kết hợp linh hoạt giữa đánh giá của giáo viên, tự đánh giá của HS (các em tự nhận xét mình) và đánh giá đồng đẳng (bạn nhận xét bạn), cùng với thông tin từ cha mẹ HS.

- ***Nguyên tắc đánh giá thường xuyên, quá trình:*** Đánh giá diễn ra trong suốt quá trình hoạt động (quan sát sự tham gia, thao tác thực hành, thái độ hợp tác) chứ không chờ đến cuối kỳ mới đánh giá một lần.

1.3. Nội dung, phương pháp và công cụ đánh giá

Để đánh giá thực chất và công bằng kết quả giáo dục kĩ năng cho HS tiểu học, GV cần trả lời được hai câu hỏi lớn: Thứ nhất, đánh giá cái gì? (Nội dung đánh giá) và thứ hai, đánh giá bằng cách nào? (Phương pháp và công cụ đánh giá). Dưới đây là hướng dẫn mang tính "cầm tay chỉ việc" để thầy cô triển khai hiệu quả trong thực tiễn lớp học.

1.3.1. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục kĩ năng

Nội dung đánh giá gồm nhận thức, thái độ và việc vận dụng kĩ năng vào hành vi trong tình huống phù hợp. GV ghi nhận sự tiến bộ qua nhiều lần quan sát, không suy luận năng lực của HS từ một lần thực hành.

A. Nhận thức và thái độ

Nội dung này đánh giá khả năng nhận diện, tư duy và thái độ ứng xử của HS đối với các tình huống trong đời sống:

- *Khả năng nhận diện và gọi tên vấn đề:* HS có nhận biết được đâu là hành vi đúng, đâu là hành vi sai; đâu là tình huống an toàn, đâu là nguy hiểm (Ví dụ: Nhận diện vùng riêng tư trên cơ thể, nhận diện hành vi bắt nạt học đường, nhận diện cảm xúc tức giận...).
- *Sự thấu hiểu bản chất và ý nghĩa:* HS hiểu vì sao phải thực hiện kĩ năng đó (Ví dụ: Hiểu lợi ích của việc quản lí thời gian, hiểu hậu quả của việc xả rác bừa bãi hoặc nói dối).
- *Thái độ và giá trị sống:* Thể hiện qua sự tự tin, lòng tự trọng, tinh thần tôn trọng bạn bè, sự cởi mở hợp tác trong nhóm, lòng biết ơn và sự trung thực. Thái độ được biểu hiện qua sắc thái biểu cảm, ánh mắt, lời nói và sự sẵn sàng tham gia các hoạt động tập thể.

B. Hành vi và việc vận dụng kĩ năng

Đây là trọng tâm quan trọng nhất của đánh giá kĩ năng sống, xem xét khả năng chuyển hóa kiến thức thành hành động thực tế:

- *Khả năng vận dụng: Trong tình huống giả định phù hợp lứa tuổi, HS nhận diện được điều cần làm, thực hành cách ứng xử và tìm sự hỗ trợ khi cần. Không đánh giá sự an toàn của trẻ qua phản ứng trong một lần đóng vai.*
- *Tính linh hoạt và chủ động:* HS có biết ứng biến linh hoạt khi tình huống thay đổi hay máy móc, lúng túng? Có chủ động thực hiện kĩ năng mà không cần GV hay cha mẹ nhắc nhở không?
- *Sự hình thành thói quen lâu dài:* Kĩ năng đó có lặp đi lặp lại trở thành phản xạ tự nhiên trong sinh hoạt hằng ngày ở trường lớp và ở nhà hay không (Ví dụ: Tự giác

thu dọn đồ dùng sau giờ học, tự động xếp hàng, chào hỏi lễ phép, rửa tay trước khi ăn...).

1.3.2. Phương pháp và công cụ đánh giá

Để đo lường hiệu quả 3 nội dung trên đối với HS tiểu học (lứa tuổi có tư duy trực quan, hành động nhanh và dễ thay đổi cảm xúc), GV không thể chỉ dùng một phương pháp duy nhất mà phải phối hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp sau:

PHƯƠNG PHÁP 1: QUAN SÁT SƯ PHẠM TRỰC TIẾP

- *Bản chất:* GV trực tiếp quan sát thái độ, hành vi, cách ứng xử và thao tác thực hành của HS trong giờ học kĩ năng, giờ sinh hoạt lớp, giờ ra chơi hoặc trong các hoạt động trải nghiệm.
- *Ưu điểm:* Khách quan, nắm bắt được hành vi tự nhiên của HS mà không gây áp lực tâm lý hay cảm giác "đang bị kiểm tra".
- *Công cụ hỗ trợ cụ thể (Gợi ý bảng kiểm quan sát - Checklist hành vi):*

+ Mẫu Bảng kiểm quan sát kĩ năng làm việc nhóm (Dành cho HS lớp 4-5): GV đánh dấu (√) vào các tiêu chí trong quá trình quan sát nhóm thảo luận:

[ ] Lắng nghe khi bạn khác đang phát biểu (không ngắt lời).

[ ] Đóng góp ý kiến xây dựng cho nhóm.

[ ] Sẵn sàng nhận phần việc được phân công.

[ ] Biết kiềm chế, nhường nhịn khi có bất đồng quan điểm.

+ Mẫu Bảng kiểm quan sát kĩ năng tự phục vụ (Dành cho HS lớp 1-2):

[ ] Tự gấp gọn áo khoác và để vào đúng ngăn tủ sau khi đến lớp.

[ ] Sắp xếp sách vở ngay ngắn trên mặt bàn trước khi vào tiết học.

[ ] Tự giác cất đồ dùng học tập vào cặp sau khi kết thúc hoạt động thủ công/mỹ thuật.

+ Gợi ý quan sát kĩ năng số và AI (lớp 3–5):

[ ] Biết dừng lại trước thông tin chưa rõ nguồn;

[ ] Biết đối chiếu câu trả lời tự động với học liệu hoặc hỏi giáo viên;

[ ] Không chia sẻ dữ liệu riêng tư;

[ ] Tự giải thích lựa chọn của mình. Có thể quan sát qua thẻ giấy, không yêu cầu HS sở hữu thiết bị.

PHƯƠNG PHÁP 2: ĐÁNH GIÁ QUA SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG

- *Bản chất:* Đánh giá mức độ hiểu biết, sự sáng tạo và năng lực vận dụng kĩ năng của HS thông qua các sản phẩm trực quan do các em tạo ra trong quá trình học tập.
- *Các loại sản phẩm gợi ý:*

+ Sơ đồ tư duy: Tóm tắt các bước thực hiện kĩ năng (Ví dụ: Sơ đồ các bước phòng tránh tai nạn thương tích ở nhà bếp).

+ *Tranh vẽ cổ động / Poster thông điệp:* (Ví dụ: Vẽ tranh tuyên truyền an toàn giao thông, thông điệp "Nói không với bạo lực học đường").

+ *Nhật ký cảm xúc / Sổ tay kĩ năng cá nhân:* Ghi chép lại những tình huống thực tế trong tuần mà HS đã áp dụng thành công kĩ năng đã học (Ví dụ: "*Tuần này em đã tự quản lí thời gian bằng cách lập thời gian biểu tự giác làm bài tập lúc 19h"*.

- *Tiêu chí đánh giá sản phẩm:*

+ Độ chính xác về nội dung kĩ năng (Có truyền tải đúng thông điệp cốt lõi không?).

+ Tính sáng tạo (Màu sắc, bố cục, cách trình bày phù hợp lứa tuổi).

+ Tính ứng dụng thực tiễn cao.

PHƯƠNG PHÁP 3: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỒNG ĐẲNG

- *Bản chất:* Trao quyền cho HS tự nhìn nhận lại bản thân (tự đánh giá) và quan sát, nhận xét về bạn bè trong lớp (đánh giá đồng đẳng). Phương pháp này giúp phát triển tư duy phản biện, tính trung thực và khả năng thấu cảm.
- *Công cụ thực hiện sinh động (Dễ áp dụng cho HS tiểu học):*

  + Công cụ "Thẻ màu tín hiệu" hoặc "Biểu tượng cảm xúc":

  - GV có thể dùng thẻ biểu tượng để HS tự nhận xét mức độ tự tin sau hoạt động, sau đó góp ý riêng, cụ thể về hành vi đã thực hiện.
    - Biểu tượng "Em đã làm được": HS nêu một việc mình đã thực hiện và có thể lặp lại.
    - Biểu tượng "Em cần luyện tập thêm": HS chọn một việc muốn thử lại với sự hỗ trợ của giáo viên.
    - Không yêu cầu cả lớp công khai chấm hoặc gắn nhãn mức độ hoàn thành cho bạn; GV chú trọng phản hồi khích lệ và bảo mật thông tin cá nhân**.**

+ Phiếu "3 điều em học được và 1 điều em sẽ thay đổi" (Dành cho khối 4-5): Cuối mỗi chủ đề, HS tự viết vào phiếu ngắn gọn:

1. *Điều tâm đắc nhất em học được là gì?*
2. *Điều gì em muốn luyện tập thêm sau bài học?*

PHƯƠNG PHÁP 4: ĐÁNH GIÁ THÔNG QUA TÌNH HUỐNG GIẢ ĐỊNH VÀ ĐÓNG VAI

- *GV đưa ra tình huống giả định phù hợp lứa tuổi, cho HS thời gian suy nghĩ, trao đổi theo nhóm và tự nguyện tham gia phần đóng vai.*
- *Cách thức thực hiện:*

  + Bước 1: GV giao một tình huống gần gũi, chẳng hạn có người rủ HS đi theo khi chưa được người chăm sóc đồng ý; hỏi HS có thể tìm ai để được giúp đỡ.

  + Bước 2: HS (hoặc các nhóm) thảo luận trong 2 phút và thực hiện đóng vai cách xử lý ngay tại chỗ.

+ Bước 3: GV nhận xét cách HS nhận diện nguy cơ, tìm nơi an toàn và tìm người lớn đáng tin cậy; không công khai đánh giá phản ứng của từng em trước lớp.

- *Ưu điểm: Giúp GV quan sát cách HS suy nghĩ và thực hành trong tình huống giả định để điều chỉnh hướng dẫn; không coi phản ứng đóng vai là bằng chứng chính xác về cách ứng phó ngoài đời thực.*

PHƯƠNG PHÁP 5: PHỐI HỢP THU THẬP THÔNG TIN TỪ GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG

- *Gia đình có thể cung cấp thêm thông tin về cơ hội thực hành kĩ năng của HS trong sinh hoạt hằng ngày. GV trao đổi với cha mẹ hoặc người chăm sóc khi phù hợp, tôn trọng hoàn cảnh và quyền riêng tư của từng em.*
- *Công cụ thực hiện:*

+ Phiếu khảo sát phối hợp gia đình - nhà trường (Gửi qua sổ liên lạc điện tử hoặc phiếu giấy định kỳ hàng tháng/hàng học kỳ):

Gồm các câu hỏi ngắn gọn đánh giá mức độ thực hiện của HS tại nhà (Mức độ: *Thường xuyên / Thỉnh thoảng / Chưa bao giờ*):

1. Em có tự chuẩn bị đồ dùng học tập và chăm sóc bản thân trong khả năng của mình, khi cần thì biết nhờ người chăm sóc hỗ trợ không?

2. Em có tham gia việc nhà phù hợp với sức khỏe, độ tuổi và hoàn cảnh của mình không?

3. Khi có mâu thuẫn với anh chị em hoặc bạn hàng xóm, con có biết bình tĩnh thương lượng thay vì khóc lóc, cáu gắt không?

4. Con có tuân thủ quy tắc an toàn khi sử dụng thiết bị điện hoặc khi tham gia giao thông cùng gia đình không?

+ Kênh trao đổi riêng: GV có thể trao đổi trực tiếp hoặc qua kênh liên lạc cá nhân với cha mẹ, người chăm sóc về tiến bộ và nhu cầu hỗ trợ của HS; không chia sẻ thông tin nhạy cảm trên nhóm chung.

1.3.3. Lưu ý khi tổng hợp và sử dụng kết quả đánh giá

- *Không quy đổi mức độ hình thành kĩ năng thành điểm số cứng nhắc. GV nhận xét bằng minh chứng quan sát được, nêu điều HS đã làm và bước cần hỗ trợ tiếp theo; sử dụng hình thức đánh giá phù hợp quy định hiện hành của cấp tiểu học.*
- *Lập hồ sơ tiến bộ cá nhân (Hồ sơ học tập - Portfolio):* GV nên lưu trữ các sản phẩm tiêu biểu, các phiếu tự đánh giá của HS từ đầu năm đến cuối năm để nhìn thấy rõ sự trưởng thành, thay đổi tích cực của từng em, từ đó có những lời khen ngợi, động viên kịp thời nhằm nuôi dưỡng sự tự tin và nhân cách tốt đẹp cho HS tiểu học.

1.4. Công cụ theo dõi sự tiến bộ của học sinh

Theo dõi sự tiến bộ của HS trong giáo dục kĩ năng sống đòi hỏi những công cụ mang tính ghi nhận quá trình thay đổi hành vi chứ không phải là bảng điểm khô khan. Để

giúp GV dễ dàng lưu trữ và theo dõi, dưới đây là các công cụ thực tế được thiết kế sẵn theo dạng mẫu biểu để thầy cô có thể áp dụng ngay.

1.4.1. Sổ theo dõi tiến bộ kĩ năng cá nhân (Hồ sơ học tập - Portfolio)

- *Mục đích:* Là nơi lưu giữ toàn bộ hành trình rèn luyện kĩ năng của mỗi HS từ đầu năm học đến cuối năm học.
- *Cấu trúc một trang sổ cá nhân của HS gồm:*

  + *Thông tin HS:* Họ tên, lớp, năm học.

  + *Bảng tổng hợp các kĩ năng cốt lõi* (Tự phục vụ, Giao tiếp, Kiểm soát cảm xúc, An toàn bản thân...).

  + *Góc minh chứng:* Nơi dán phiếu tự đánh giá, hình ảnh sản phẩm (tranh vẽ, sơ đồ tư duy) hoặc nhãn dán biểu tượng cảm xúc (sticker) do GV và bạn bè tặng khi em hoàn thành tốt một kĩ năng.
- *Cách sử dụng cho giáo viên:* Cuối mỗi tháng hoặc mỗi chủ đề, GV hướng dẫn HS tự bỏ phiếu đánh giá của mình vào "Sổ theo dõi", giúp các em tự nhìn thấy sự tiến bộ ("Tháng trước mình còn hay quên đồ dùng, tháng này mình đã tự giác xếp cặp rất ngăn nắp").

1.4.2. Bảng kiểm hành vi định kỳ dành cho giáo viên

- *Mục đích:* Giúp GV chủ nhiệm đánh giá nhanh mức độ hình thành thói quen và hành vi của HS theo từng học kỳ.
- *Gợi ý Mẫu Bảng kiểm định kỳ (Đánh giá theo 3 mức độ:* **T = Thường xuyên, Th = Thỉnh thoảng, C = Chưa thường xuyên):**

STT	Tiêu chí đánh giá hành vi kĩ năng	Mức độ biểu hiện (T / Th / C)	Ghi chú của giáo viên
I	**Nhóm kĩ năng tự phục vụ & Quản lý bản thân**		
1	Tự giác sắp xếp đồ dùng học tập ngăn nắp trước và sau giờ học		
2	Đến lớp đúng giờ, biết tự chuẩn bị trang phục gọn gàng		
II	**Nhóm kĩ năng giao tiếp & Hợp tác**		
3	Lắng nghe khi người khác đang nói, không ngắt lời bạn bè		
4	Biết hòa đồng, chia sẻ và hỗ trợ bạn bè trong các hoạt động nhóm		
III	**Nhóm kĩ năng nhận thức & Kiểm soát cảm xúc**		
5	Biết gọi tên cảm xúc của mình và giữ bình tĩnh khi gặp chuyện không vừa ý		

STT	Tiêu chí đánh giá hành vi kĩ năng	Mức độ biểu hiện (T / Th / C)	Ghi chú của giáo viên
6	Biết cách xin lỗi khi làm sai và cảm ơn khi nhận sự giúp đỡ		
IV	**Nhóm kĩ năng bảo vệ bản thân & An toàn**		
7	Thực hiện đúng quy tắc an toàn giao thông (đội mũ bảo hiểm, đi đúng phần đường)		
8	Biết cách từ chối hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp tình huống không an toàn		

1.4.3. Phiếu phối hợp theo dõi từ gia đình

- *Mục đích:* Kết nối thông tin giữa nhà trường và cha mẹ HS để ghi nhận sự thay đổi hành vi của các em tại môi trường gia đình.
- *Hình thức: Một phiếu ngắn gọn gửi qua sổ liên lạc điện tử vào cuối mỗi tháng, gồm các câu hỏi dạng tích chọn kèm ô góp ý ngắn để phụ huynh điền:*

  + "Con có chủ động thực hiện các công việc cá nhân ở nhà không? (Có / Cần nhắc nhở)"

  + "Ý kiến chia sẻ của cha mẹ về sự thay đổi thái độ, nề nếp của con trong tháng qua:"

1.5. Phản hồi và hỗ trợ học sinh phát triển kĩ năng

Đánh giá không dừng lại ở việc chấm điểm hay ghi nhận, mà giá trị cao nhất nằm ở phản hồi và hỗ trợ kịp thời để HS sửa đổi, hoàn thiện bản thân. Đối với HS tiểu học, cách thầy cô phản hồi có tác động rất lớn đến sự tự tin của các em.

1.5.1. Phản hồi mang tính xây dựng

Để HS không cảm thấy bị chê bai hay tự ti khi làm sai một kĩ năng, GV cần tuân thủ các nguyên tắc phản hồi sau:

- *Phản hồi ngay lập tức và cụ thể:* Đừng đợi đến cuối tuần mới nhắc lại lỗi. Khi thấy HS tranh giành đồ dùng với bạn (chưa biết cách thương lượng), hãy nhẹ nhàng dừng lại và hướng dẫn ngay tại thời điểm đó.
- *Khen ngợi quá trình, góp ý hành vi (Không gán nhãn con người):*

  + Tránh nói: "Sao em lúc nào cũng bất cẩn, vụng về thế!" (Gán nhãn tiêu cực).

  + Nên nói: "Cô thấy bước gấp áo này em còn hơi vội nên chưa phẳng, bây giờ cô con mình cùng làm lại một lần nữa thật chậm nhé!" (Tập trung vào hành vi và thao tác).
- *Phản hồi cụ thể, ngắn gọn và có cơ hội thực hành lại:*

  + Ghi nhận: "Cô thấy nhóm đã phân công nhiệm vụ rõ ràng."

+ Gợi ý: "Khi bạn đang nói, nhóm mình thử chờ bạn trình bày xong rồi mới góp ý nhé."

+ Tạo cơ hội thử lại: "Ở lượt sau, nhóm hãy thực hành cách lắng nghe và cho biết điều gì đã thay đổi."

1.5.2. Biện pháp hỗ trợ HS cần thêm thời gian rèn luyện kĩ năng hoặc gặp khó khăn

HS có nhịp độ tiếp nhận và thực hành kĩ năng khác nhau. Với HS còn thiếu tự tin, lúng túng hoặc gặp khó khăn trong ứng xử, GV cần quan sát, trao đổi riêng và lựa chọn cách hỗ trợ phù hợp:

- *Hỗ trợ phân hóa theo nhóm đối tượng:*

  + Với HS chưa tự tin: Giao nhiệm vụ nhỏ, vừa sức; cho phép các em lựa chọn cách tham gia và ghi nhận tiến bộ cụ thể, không buộc các em phát biểu trước tập thể khi chưa sẵn sàng.

  + Với HS đang khó kiểm soát cảm xúc: Hướng dẫn nhận biết cảm xúc, tạm dừng hoạt động và lựa chọn nơi yên tĩnh để bình tĩnh lại với sự hỗ trợ của giáo viên; sau đó cùng trao đổi cách giải quyết mâu thuẫn.
- *Tổ chức học tập theo cặp hoặc nhóm nhỏ: Phân công nhiệm vụ phù hợp để HS hỗ trợ nhau, luân phiên thực hành và cùng nhận xét trên tinh thần tôn trọng; tránh gắn nhãn HS theo khả năng.*
- Phối hợp với gia đình: Khi nhận thấy HS thu mình, thường xuyên sợ hãi hoặc có thay đổi rõ về cảm xúc, hành vi, GV trao đổi riêng với cha mẹ hoặc người chăm sóc để tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ; khi cần, phối hợp với nhân sự tư vấn tâm lí của nhà trường và bảo đảm giữ kín thông tin của HS.

2. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN

2.1. Nâng cao năng lực giáo viên

GV là lực lượng nòng cốt, trực tiếp tổ chức, hướng dẫn và đánh giá quá trình rèn luyện kĩ năng của HS. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục, đội ngũ GV cần được bảo đảm các điều kiện sau:

(1) Về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục kĩ năng

- GV được tập huấn, bồi dưỡng định kỳ về lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kĩ năng sống phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý HS tiểu học.
- Được trang bị kĩ năng thiết kế tiến trình hoạt động, kĩ năng điều phối, xử lý tình huống sư phạm, kĩ năng tham vấn tâm lý học đường và áp dụng các hình thức kỉ luật tích cực.
- Được hướng dẫn phương pháp tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục kĩ năng vào các môn học chính khóa và các loại hình hoạt động tập thể một cách linh hoạt, tự nhiên.

(2) Về nâng cao năng lực đánh giá sự phát triển kĩ năng của HS

- GV được bồi dưỡng kĩ năng quan sát, thu thập cứ liệu đánh giá qua quá trình tham gia hoạt động, hành vi ứng xử và các sản phẩm học tập của HS.
- Thành thạo việc phối hợp các hình thức đánh giá như tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng và tiếp nhận nhận xét từ phụ huynh HS để tổng hợp kết quả chính xác, khách quan.

(3) Về đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn

- Nhà trường duy trì sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, tăng cường dự giờ, phân tích các giờ dạy trải nghiệm, rèn luyện kĩ năng thực tế.
- Khuyến khích GV tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và chia sẻ các sáng kiến, giải pháp giáo dục kĩ năng hiệu quả trong tập thể sư phạm.

2.2. Tài liệu và học liệu hỗ trợ

Tài liệu và học liệu là phương tiện quan trọng giúp GV tổ chức hoạt động và tạo cơ hội cho HS thực hành, trải nghiệm, tiếp thu kĩ năng một cách trực quan, sinh động. Hệ thống tài liệu, học liệu cần đáp ứng các yêu cầu sau:

(1) Tài liệu hướng dẫn và tham khảo

- Nhà trường trang bị đầy đủ tài liệu hướng dẫn dành cho GV về phương pháp, kịch bản tổ chức các chủ đề giáo dục kĩ năng theo từng khối lớp.
- Cung cấp các bộ sách bài tập trải nghiệm, sổ tay rèn luyện kĩ năng, truyện tranh giáo dục đạo đức, kĩ năng sống phù hợp với nhận thức và lứa tuổi HS tiểu học.

(2) Thiết bị và dụng cụ thực hành

- Bố trí các bộ đồ dùng thực hành kĩ năng tự phục vụ như sắp xếp đồ dùng cá nhân, chăm sóc bản thân…
- Trang bị dụng cụ, mô hình phục vụ giáo dục kĩ năng an toàn như mô hình biển báo giao thông, dụng cụ sơ cấp cứu cơ bản, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và thoát hiểm mô phỏng, dụng cụ lao động đơn giản và an toàn…
- Phương tiện phục vụ hoạt động tập thể, truyền thông như hệ thống loa đài, âm thanh, màn hình trình chiếu, bộ lều trại và các đạo cụ đóng kịch, diễn đàn.

(3) Học liệu số và tài nguyên mở

- Xây dựng kho học liệu số gồm video, tranh và tình huống mô phỏng về an toàn, kiểm chứng thông tin và AI phù hợp lứa tuổi; GV kiểm tra độ chính xác, nguồn gốc học liệu, điều kiện sử dụng và bảo vệ dữ liệu trẻ em. Có phương án dùng tranh, thẻ giấy khi thiếu thiết bị hoặc kết nối mạng; không đưa thông tin nhận diện HS vào công cụ AI công cộng.
- Khuyến khích GV và HS tự làm học liệu từ các vật liệu gần gũi, tái chế để sử dụng trong các giờ thực hành, trưng bày sản phẩm cá nhân và nhóm.

2.3. Bảo đảm an toàn về cơ sở vật chất và không gian hoạt động

Môi trường giáo dục là điều kiện tiên quyết bảo đảm HS được an toàn về thể chất và tâm lý, từ đó tự tin tham gia các hoạt động, thể hiện bản thân và rèn luyện các kĩ năng giao tiếp, ứng xử.

- Khu vực khuôn viên trường, lớp học, sân chơi, bãi tập, công trình vệ sinh được thiết kế, lắp đặt bảo đảm quy chuẩn an toàn, phòng tránh chấn thương và tai nạn thương tích cho HS.
- Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn bán trú, bảo đảm nguồn nước uống và môi trường cảnh quan xanh - sạch - đẹp.
- Xây dựng phương án và kịch bản di tản, thoát hiểm an toàn khi xảy ra các tình huống khẩn cấp như hỏa hoạn, thiên tai, sự cố môi trường.

2.4. Huy động sự tham gia của gia đình và cộng đồng

Kĩ năng của HS chỉ được hình thành bền vững khi bài học ở trường được củng cố và thực hành thường xuyên trong môi trường gia đình và đời sống xã hội. Nhà trường cần huy động tối đa sự đồng hành của gia đình và cộng đồng như:

(1) Huy động sự đồng hành của phụ huynh HS

- Phụ huynh HS phối hợp với nhà trường trong việc theo dõi, nhắc nhở và tạo điều kiện cho HS thực hành các kĩ năng tự phục vụ, quản lí thời gian, giữ gìn vệ sinh tại nhà.
- Gia đình duy trì nếp sống, tạo môi trường để HS rèn luyện hành vi kĩ năng đã học.
- Phối hợp với GV trong việc nhận xét, đánh giá sự tiến bộ về phẩm chất, kĩ năng của con em mình tại nhà.

(2) Huy động nguồn lực từ cộng đồng và chính quyền địa phương

- Phối hợp với các cơ quan công an, y tế, lực lượng cứu hộ địa phương tổ chức các buổi tuyên truyền, diễn tập về an toàn giao thông, phòng chống xâm hại, phòng cháy chữa cháy, phòng chống đuối nước và tai nạn thương tích.
- Khai thác các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, nhà văn hóa, làng nghề truyền thống tại địa phương làm không gian trải nghiệm, giúp HS tìm hiểu văn hóa, gắn kết với cộng đồng và thực hành kĩ năng giao tiếp xã hội.
- Huy động sự hỗ trợ về kinh phí, trang thiết bị từ các tổ chức, cá nhân xã hội để tổ chức các sân chơi, hoạt động thiện nguyện, nhân đạo cho HS.

2.5. Tăng cường phối hợp các lực lượng giáo dục

Sự thống nhất về mục tiêu, nội dung và phương pháp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo đảm tính nhất quán trong quá trình hình thành kĩ năng cho HS.

(1) Thống nhất phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường

- Ban Giám hiệu chỉ đạo, điều phối chung; xây dựng kế hoạch giáo dục kĩ năng thống nhất cho toàn trường.

- GV chủ nhiệm giữ vai trò cầu nối trung tâm, phối hợp chặt chẽ với GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội và cán bộ tư vấn tâm lý để nắm bắt đặc điểm từng HS, thống nhất cách ứng xử và phương pháp hỗ trợ.
- Phát huy vai trò của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng trong việc tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động tập thể, tạo môi trường cho HS tự quản, rèn luyện và thể hiện kĩ năng.

(2) Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội:

- Thiết lập kênh thông tin liên lạc đa dạng, hai chiều như sổ liên lạc, họp phụ huynh HS, ứng dụng công nghệ… để cập nhật kịp thời thông tin về sự phát triển kĩ năng cũng như các vấn đề phát sinh của HS.
- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học và chính quyền địa phương trong việc quản lí, chăm sóc và tổ chức các hoạt động hè, hoạt động xã hội cho HS tại nơi cư trú.
- Định kỳ đánh giá rút kinh nghiệm về hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng GD, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân làm tốt và điều chỉnh những điểm chưa phù hợp.

HỆ THỐNG PHỤ LỤC
PHIẾU KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG ĐỐI VỚI LỨA TUỔI HỌC SINH TIỂU HỌC

1. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CỦA HỌC SINH LỨA TUỔI TIỂU HỌC

Ví dụ: Sau khi tổ chức hoạt động giáo dục theo chủ đề: "Em yêu bản thân". GVgợi ý, thiết kế các hoạt động để HS tự đánh giá hoạt động:

- *Các biểu hiện của HS mà GVcó thể quan sát để đánh giá*

+ HS nêu được những đặc điểm về ngoại hình, tính cách của bản thân.

+ HS giới thiệu được tên, ngoại hình, tính cách của bản thân và chủ động làm quen với các bạn trong lớp, nhớ được tên của các bạn trong lớp.

+ HS cùng các bạn tham gia một hoạt động văn nghệ, múa, hát, đọc thơ, aerobic, khiêu vũ, diễn kịch trước lớp.

+ HS thực hiện nói lời hay ý đẹp, cư xử lịch sự với các bạn ở lớp, ở trường.

+ HS thực hiện được một số việc, làm tự chăm sóc bản thân khi ở nhà và ở trường.

- *Một số câu hỏi và mẫu phiếu gợi ý để đánh giá*

+ Hãy giới thiệu với bạn về đặc điểm ngoại hình, tính cách của em.

+ Giới thiệu một số người bạn trong lớp em (về tên, tính cách, ngoại hình,…).

+ Đánh dấu + vào cột khuôn mặt phù hợp thể hiện việc em đã tham gia phong trào của lớp, trường.

STT	**Các hoạt động**	**Đánh giá của em**		
		😄	🙂	☹
1	Hát			
2	Múa			
3	Đọc thơ			
4	Diễn kịch			
5	Aerobic			
6	Khiêu vũ			

+ Đánh dấu + vào cột có khuôn mặt phù hợp thể hiện việc em đã thực hiện "nói lời hay ý đẹp" khi ở trường và ở nhà

STT	Việc làm	Đánh giá của em		
		😄	🙂	☹
1	Chào hỏi khi gặp bạn bè, thầy cô, người quen			
2	Cảm ơn khi được người khác giúp đỡ			
3	Xin lỗi khi mắc lỗi với người khác			
4	Nói yêu cầu, đề nghị lịch sự khi cần được giúp đỡ			

+ Đánh dấu + vào cột có khuôn mặt phù hợp thể hiện việc em đã làm để chăm sóc bản thân

STT	Việc làm	Đánh giá của em		
		😄	🙂	☹
1	Tự vệ sinh cá nhân hằng ngày			
2	Tự soạn sách vở, đồ dùng học tập trước khi đi học			
3	Tự chuẩn bị và mặc quần áo khi đi học, đi chơi			
4	Trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ			
5	Đi ngủ đúng giờ, không thức khuya			

+ Đánh dấu + vào cột có khuôn mặt phù hợp thể hiện việc em đã làm thể hiện yêu thương người thân

STT	Việc làm	Đánh giá của em		
		😄	🙂	☹
1	Lễ phép, vâng lời người lớn			
2	Giúp người thân làm việc nhà			
3	Thường xuyên trò chuyện, vui chơi cùng người thân			
4	Chăm sóc, hỏi thăm khi người thân bị ốm, bị mệt			

a) Đánh giá đồng đẳng

Ví dụ: Sau khi HS học xong chủ đề 3: Thầy cô của em, Tuần 11: Giờ học, giờ chơi. Trong hoạt động 1: Đóng vai GVcó thể đánh giá HS qua đánh giá đồng đẳng như sau:

Bước 1: GVchuẩn bị 4 tình huống khác nhau và chia lớp thành 4 nhóm nhỏ

Bước 2: GVyêu cầu 4 nhóm đóng vai các tình huống và xử lý tình huống

Bước 3: Các nhóm thảo luận đóng vai và xử lý tình huống

Bước 4: GV hướng dẫn HS nhận xét theo tiêu chí quan sát được, nêu một việc bạn đã thực hiện tốt và một gợi ý để bạn tiếp tục rèn luyện; không xếp hạng hoặc so sánh các em với nhau.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒNG ĐẲNG

Họ và tên	**Mức độ tham gia hoạt động tích cực, hiệu quả**		
	Thực hiện độc lập	Thực hiện khi có gợi ý	Cần hỗ trợ thêm
Bạn A			
Bạn B			
…			

Bước 5: GV kết hợp ý kiến của HS với quan sát của mình, ghi nhận sự tiến bộ của từng em và điều chỉnh hoạt động hỗ trợ phù hợp.

b) Đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng

Ví dụ: Trong các buổi tổng kết cuối năm hay buổi họp phụ huynh GVcó thể thiết kế phiếu về cuộc sống hằng ngày hoặc những hoạt động của nhà trường đối với các em HS trong những năm học vừa qua, đề ra các tiêu chí, mức độ đánh giá phụ huynh có thể lựa chọn.

PHIẾU KHẢO SÁT

a) Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, các em có hay làm những việc sau đây không? Đánh dấu x câu trả lời bạn chọn

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá				
		Rất thường xuyên	**Thường xuyên**	**Khá thường xuyên**	**Thỉnh thoảng**	**Không bao giờ**
1	Đọc sách, báo vào thời gian rảnh					
2	Tập thể dục buổi sáng					
3	Tự giác học tập					
4	Tham gia các hoạt động của địa phương như thể thao hoặc một môn nào đó					
5	Đi chơi với bạn bè					

b) Về việc giáo dục con cái, trong gia đình bạn xem trọng những vấn đề nào sau đây? Đánh dấu x câu trả lời bạn chọn

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá				
		Rất xem trọng	**Xem trọng**	**Khá xem trọng**	**Không xem trọng lắm**	**Không xem trọng**
1	Làm sao để HS sống tự lập					
2	Trở thành người hiểu biết tâm lý người khác					
3	Diễn đạt điều mình muốn nói một cách rõ ràng					
4	Nỗ lực đến mục tiêu tương lai					

2. MỘT SỐ MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

PHIẾU CỦA GIÁO VIÊN ĐÁNH GIÁ HỌC SINH SAU BUỔI HỌC

GV có thể lựa chọn những tiêu chí dưới đây để đánh giá:

Tên HS:

Trường: Lớp:

GV hướng dẫn:

Mức độ thể hiện: chọn một mức phù hợp với minh chứng quan sát được.

- Thực hiện chủ động, phù hợp trong nhiều tình huống.
- Thực hiện được khi có gợi ý hoặc hỗ trợ.
- Cần thêm thời gian và cơ hội thực hành.

STT	Họ và Tên	Nhiệt tình, trách nhiệm	Hợp tác, tôn trọng, lắng nghe	Ý thức tham gia	Đưa ý kiến có giá trị	Đóng góp để hoàn thành nhiệm vụ	Hiệu quả công việc	Nhận xét
1								
2								

ngày...tháng...năm...

(GVđánh giá)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁO VIÊN ĐỐI VỚI HỌC SINH

1. Công cụ ghi chép

Tên chủ đề:……..... **Họ tên HS:..... Lớp.....**	
Thời gian hoạt động	Nội dung
Ngày tháng năm	
Ngày tháng năm	

2. Công cụ bảng kiểm

Nội dung quan sát	**Họ tên HS**			
	HS 1	**HS 2**	**HS 3**	**HS 4**
1. HS có biết trình bày ý kiến của bản thân một cách tích cực và hợp lý không?				
2. HS có lắng nghe ý kiến của người khác không?				
3. Khi có ý kiến trái với suy nghĩ của bản thân, HS có tuân theo ý kiến hợp lý không?				

3. Công cụ đánh giá theo cấp độ

Tên chủ đề: ……. **Họ tên HS:…… ……Lớp:…….**					
	Không đồng ý → Hoàn toàn đồng ý				
Nội dung quan sát	1	2	3	4	5
1. ……..					
2. ……..					
3. ……..					
4. ……					
5. ……..					

4. Công cụ khảo sát về suy nghĩ, thái độ của HS, phẩm chất và năng lực của HS

Chủ đề: ……
Họ tên HS: …… **Lớp**……..
1.Trong chủ đề này, em nhận thức được điều gì? 2. Em có suy nghĩ gì khi tìm hiểu xong chủ đề này? 3. Hãy viết ra 3 ưu điểm, 3 nhược điểm và 3 mong muốn của em sau khi học xong chủ đề này?

5. Công cụ tự đánh giá

Bảng tự đánh giá hoạt động:……..									
Họ tên: …… Lớp: ……..									
Thời gian	**Tiến trình hoạt động**	**Nhóm trưởng**	**Tự đánh giá hoạt động**						**Đánh giá của giáo viên**
			Mức độ tham gia			**Mức độ hài lòng**			
			Tích cực	**Bình thường**	**Ít**	**Hài lòng**	**Bình thường**	**Ít**	

6. Công cụ đánh giá đồng đẳng

Bảng đánh giá đồng đẳng của HS **Tên hoạt động:** ……..... **Họ tên HS:**…… **Lớp**:……..... Nêu một việc bạn đã làm tốt và một gợi ý để bạn tiếp tục rèn luyện.		
Nội dung	Minh chứng và gợi ý	
1. Tích cực trong hoạt động thảo luận		
2. Tích cực phản biện các nhóm		
3. Sôi nổi trong các hoạt động tại tiết học		

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình môn Giáo dục công dân.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình môn Khoa học.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình Hoạt động trải nghiệm.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). Quyết định số 2936/QĐ-BGDĐT ngày 22/10/2025 ban hành Hướng dẫn hoạt động giáo dục kĩ năng cho học sinh, sinh viên trong và ngoài nhà trường.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông.

10. Hoàng Hoà Bình và cộng sự (2016). Giáo dục kĩ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 3: Sách giáo viên. NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Nguyễn Thanh Bình (2013). Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phổ thông. NXB Đại học Sư phạm.

12. Phó Đức Hòa (2018). Đánh giá trong giáo dục tiểu học. NXB Đại học Sư phạm.

13. Nguyễn Hữu Hợp (2018). Giáo dục học tiểu học. NXB Đại học Sư phạm.

14. Nguyễn Hữu Hợp (2019). Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học. NXB Đại học Sư phạm.

15. Đỗ Xuân Thảo và Nguyễn Hữu Hợp (2019). Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học. NXB Đại học Sư phạm.

16. Đinh Thị Kim Thoa và cộng sự (2019). Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo Chương trình giáo dục phổ thông mới. NXB Đại học Sư phạm.